LƯỢC GIẢI BỔN MÔN PHÁP HOA KINH



HT .Trí Quảng

--- o0o ---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 18 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

--- o0o ---

LỜI GIỚI THIỆU

Kinh Pháp Hoa được xếp vào hàng đầu trong các kinh thuộc hệ tư tưởng Phật giáo Đại thừa, được nhiều bậc cao Tăng thạc đức cho đến hàng cư sĩ phát tâm kính lễ, đọc tụng, thọ trì. Riêng tôi, có nhân duyên đặc biệt với bộ kinh này. Từ lúc còn trong thai mẹ, đã được nghe phẩm Phổ Môn do cha tôi tụng. Khi đến chùa Hoàng Khai ở Tân An, thầy Đạt Dương cho tôi một bộ kinh Pháp Hoa bằng chữ Hán. Dù chưa biết đọc rành, chưa hiểu gì về kinh Pháp Hoa, chỉ nghe tên kinh, trong lòng tôi đã cảm thấy niềm hân hoan lạ thường.

Đến năm 17 tuổi, vào tu học ở Phật học đường Nam Việt, tôi có duyên sống gần cố Hòa thượng Trí Hữu, vị chân tu có công sáng lập chùa Ấn Quang và Ngài chuyên thọ trì Pháp Hoa. Tôi cũng được gần gũi, hầu hạ cố Hòa thượng Thiện Hoa, nhận thấy sáng nào Ngài cũng tụng phẩm Phổ Môn xong, mới bắt đầu làm việc. Ngoài ra, tôi cũng được lãnh thọ chỉ giáo cao quý về kinh Pháp Hoa của cố Hòa thượng Trí Thủ và Hòa thượng Trí Tịnh.

Niềm khao khát hiểu biết tu học theo kinh Pháp Hoa đã thúc đẩy tôi sang Nhật nghiên cứu kinh ở Đại học Rissho vào năm 25 tuổi. Hầu như các tác phẩm liên quan đến bộ kinh này, tôi hết lòng tìm đọc, suy tư. Tôi cũng dành nhiều thì giờ tham quan các đạo tràng chuyên tu Pháp Hoa để tìm hiểu sinh hoạt của họ xem có gì đặc biệt mà thu hút được quần chúng Nhật một cách mạnh mẽ như vậy.

Kết quả của bước đường tham vấn cầu học của tôi được đánh dấu bằng luận án Tiến sĩ về kinh Pháp Hoa. Trở về Việt Nam, hơn 20 năm thọ trì, đọc tụng, hành đạo theo kinh Pháp Hoa, mang đến cho tôi quá nhiều bất tư nghì an lạc, giải thoát.

Cả một quá trình sống gắn bó mật thiết với kinh Pháp Hoa như vậy, giúp tôi nhận chân rõ yếu chỉ của Pháp Hoa và tôi đã rút gọn những tinh ba ấy thành 7 phẩm gọi là Bổn môn Pháp Hoa.

Tôi xin giới thiệu ý nghĩa Bổn môn Pháp Hoa với các pháp lữ đồng hành. Ai có nhân duyên, căn lành và đồng niềm tin với tôi thì dùng đó làm tư lương tiến tu trên bước đường tìm cầu giải thoát.

Mùa Phật Thành Đạo PL. 2545 - 2001

HT. THÍCH TRÍ QUẢNG

--- o0o ---

Chương I - Ý NGHĨA BỔN MÔN PHÁP HOA

Đức Phật giảng nói nhiều vô số, thường được tiêu biểu bằng con số 84.000 pháp môn tu. Tuy nhiên, trước khi Niết bàn, Đức Phật lại phủ nhận tất cả. Ngài khẳng định rằng chưa từng nói một lời. Đứng trước hai lời dạy hoàn toàn trái ngược này, người tu hành phải biết tổng hợp cả hai vấn đề mà Phật đưa ra để thấy được điều gì là chân lý và điều nào cần phủ nhận, ngõ hầu tìm được pháp thích hợp với mình, vận dụng lợi lạc trong cuộc sống.

Trên căn bản tìm pháp tương ưng để tu, nếu hành trì đúng sẽ đạt đến cứu cánh Phật quả ; ngược lại, tu sai pháp chỉ chuốc lấy khổ đau. Đức Phật thường ví pháp như thuyền bè đưa chúng ta qua sông mê bể khổ, đừng dại dột đội thuyền mà đi.

Riêng tôi, thuở nhỏ cũng phạm lỗi lầm này. Vì hết lòng thương đạo, tôi luôn luôn tâm niệm phải bảo vệ đạo pháp. Thực ra, lớp người trẻ thường có ý niệm sống chết cho đạo, để bảo vệ đạo pháp trường tồn. Tuy nhiên, về sau trưởng thành, nhờ thọ trì chánh pháp và được minh sư khai ngộ, tôi mới nhận ra ý niệm đó mặc dù tốt, nhưng hoàn toàn sai lầm. Nếu tôi mang bệnh cố chấp, chắc chắn không thể tiến tu được như ngày nay.

Thật vậy, khi chúng ta khư khư giữ ý nghĩ bảo vệ đạo pháp, ai động đến cái chúng ta muốn bảo vệ thì tham sân nổi dậy liền. Không biết đạo pháp chúng ta bảo vệ được đến đâu, nhưng trước mắt thấy rõ chúng ta đã đi ngược lại lời Phật dạy. Từ ý niệm tốt ban đầu khởi lên, nay trở thành sân hận, bực tức, nói lời thô tục, thậm chí muốn hại người nào chống lại ý kiến của ta, nghĩa là chúng ta đã phát sinh ý niệm đối kháng và muốn tiêu diệt người khác ý mình. Đó chính là ác tâm đã sanh ra chỉ vì muốn bảo vệ đạo pháp. Ai có ý trái lại, chúng ta sẵn sàng ăn thua. Nếu sức yếu, không chống nổi, nhưng có người khác hại được họ, chúng ta vô cùng sung sướng. Như vậy, chỉ tu sai một chút, nhận lầm giặc là con, khổ sẽ chồng chất thêm khổ và cửa địa ngục mở ra chào đón chúng ta. Thiết nghĩ, Đức Phật e ngại chúng ta rơi vô bệnh

cố chấp này mà Ngài phủ nhận trong kinh Văn Thù rằng suốt 49 năm, Phật chưa nói một lời.

Khi rời Việt Nam sang Nhật, nhờ Thiền sư khai ngộ, tôi nhận được ý niệm hoàn toàn khác hẳn trước kia, Phật bảo vệ, che chở chúng ta, không phải chúng ta bảo vệ Phật pháp. Thật sự, chư Phật, Bồ tát, Hộ pháp Long thiên mới bảo vệ được đạo pháp. Chúng ta chưa thoát khỏi sự chi phối của đói khát, nóng lạnh, nói cho cùng, không tự bảo vệ nổi bản thân mình, nói chi đến khả năng bảo vệ đạo pháp.

Riêng tôi, tự cảm thấy mình nhỏ bé trước vũ trụ bao la và trở về thực tế cuộc sống, còn biết bao quy luật chi phối liên hệ hỗ tương chằng chịt giữa ta và người, giữa ta và xã hội, giữa quốc gia này với quốc gia khác, cho đến sự hiện hữu cộng tồn giữa các loài sống chung trên trái đất này. Quả thật có vô số vấn đề tồn tại nằm ngoài tầm hiểu biết và vượt khỏi khả năng hành động của chúng ta.

Tuy nhiên, sống trong biển sanh tử không chút an toàn này, tôi vẫn cảm nhận hoàn toàn an lạc trong pháp Phật. Từ đó, một lòng lo tu hành, thẳng tiến trên con đường giải thoát mà Đức Phật vạch ra. Mỗi ngày, an trụ trong pháp Như Lai, kinh Duy Ma gọi là ăn cơm Hương Tích, tâm hồn cảm thấy thanh thản, đạo đức, trí tuệ của chúng ta lớn dần. Đến một ngày nào, dìu dắt được người tiến tu đạo hạnh, tự biết mình đã trưởng thành trên đường đạo.

Chúng ta ý thức sâu sắc rằng pháp Phật rất nhiều và không cố định, không nên chấp chặt pháp nào, nhưng cũng không rời bỏ pháp. Cộng cả hai để tìm được pháp tu vượt sông mê bể khổ, đến cứu cánh Niết bàn. Trách nhiệm ở chúng ta phải tự tìm. Đức Phật đưa ra ý này hay ý khác nhằm giúp chúng ta tìm được pháp tương ưng, Ngài không làm thế cho ta được.

Đầu tiên, tôi tìm trong văn tự ngữ ngôn của 84.000 pháp môn tu là các phương thuốc chữa bịnh cho chúng ta. Tìm xong, tôi đưa vị thuốc Phật vào biển khổ trần lao cho tác động. Tôi nhận ra được ý Phật dạy rằng Ngài không nói lời gì và trở lại thực tế, có pháp tu riêng cho mỗi người khác nhau.

Pháp tôi hành trì là Bổn môn Pháp Hoa, biến dạng từ thọ trì 28 phẩm kinh Pháp Hoa và Hồng danh Pháp Hoa. Từng giai đoạn tu, tôi thấy pháp khác. Quả đúng như Phật dạy không có pháp cố định nào dẫn đến Vô thượng Đẳng giác.

Tiến tu, chúng ta nhận được các pháp khác nhau, vì mỗi lần có thay đổi pháp, đưa đến kết quả nhận thức và cuộc đời của chúng ta cũng thay đổi theo, tiến từ xấu đến tốt. Trên bước đường tu, khởi đầu không ai biết đến chúng ta, lần lần tu càng lâu, đạo đức và tri thức càng thăng hoa, được người quý mến kính trọng, chứng tỏ chúng ta đã đi đúng con đường giải thoát. Ngược lại, có người mới xuất gia, tự cho mình là thầy thiên hạ, xem ai cũng là "con" mình, để rồi hưởng hết phước, phải đọa.

Bổn môn Pháp Hoa được hoàn thành năm 1990, nhưng có thể những năm sau, tôi thăng tiến trên đường đạo sẽ gặt hái những nhận thức khác cao hơn. Tuy nhiên, cũng có thể tôi đánh mất những gì tu tạo được, nếu bị tụt hậu. Lên hay xuống, tốt hay xấu, hãy để cho thời gian trả lời.

Đối với tôi, mới tu thì xem giáo lý là khuôn vàng thước ngọc, không thể thay đổi. Trên đường tu, với thời gian, tri thức phát triển, nhận ra được pháp Phật và kiến thức loài người từng bước đổi khác theo thời đại. Từ đó, pháp Phật cũng có giá trị tùy người, tùy chỗ, tùy lúc, không bao giờ có tác dụng giống nhau. Nếu rời bỏ pháp Như Lai, chỉ lấy nhận thức của con người, chúng ta đã lạc đường, không còn là đệ tử Phật. Tuy nhiên, người chấp Phật pháp, mà không phù hợp thực tế, cũng rớt vô bịnh giáo điều như Tổ thường quở : Y kinh giải nghĩa, Phật oan tam thế. Người tu lấy pháp Phật rọi vô nhận thức thế gian để thấy rõ yêu cầu của chúng sanh, đưa ra giải đáp đúng đắn cho họ. Từng thời kỳ, vào biển khổ tiếp xúc với chúng sanh mới thấy được chân lý.

Trong quá trình hành đạo, bước đầu, tôi thọ trì 28 phẩm, sau đó, tôi hành trì pháp sám hối Hồng danh Pháp Hoa và đến Bổn môn Pháp Hoa. Trên đường tu học, có thể nghiệm pháp thì tri kiến thay đổi theo thời gian, nghĩa là tôi đã kết hợp Phật pháp và nhận thức con người.

Riêng Tăng Ni Phật tử, mỗi người phải có sở đắc riêng. Tôi mong quý vị làm thế nào đạt kết quả tốt. Đức Phật không muốn tôi lệ thuộc Ngài và tôi cũng không muốn quý vị bị ràng buộc vì tôi, chỉ mong mọi người tự phát triển, làm lợi ích cho đời.

Có người nghi ngờ rằng Bổn môn Pháp Hoa quá ngắn, chỉ có 7 phẩm so với bộ kinh Pháp Hoa 28 phẩm có từ trước, không biết tụng ít vậy có phước không, có linh nghiệm hay có đầy đủ ý nghĩa chăng ? Trái lại, cũng có người nhận xét Bổn môn ngắn gọn, dễ tụng, không chiếm nhiều thì giờ và có thể thuộc lòng, ở đâu cũng suy nghĩ, đọc thầm được.

Đối với tôi, nhiều ít, khó dễ, không quan trọng, vấn đề chính yếu làm thế nào đạt hiệu quả trong công phu tu tập. Giá trị hiệu quả được đặt trên năm tiêu chuẩn để chúng ta tiến tu.

Trước tiên, thọ trì bộ kinh nào của Phật, không riêng gì kinh Pháp Hoa, chúng ta phải cảm thấy an vui. Nương tựa bộ kinh đó, chúng ta sống bình yên. Nói rộng hơn, bước đầu tu, phải tìm chùa, nơi đó chúng ta cảm thấy tâm hồn thanh thản ; sống chung với vị minh sư, nhận được giải thoát và tìm kinh nào thọ trì cảm thấy an vui. Không phải chùa nào cũng tới, thầy nào cũng theo và kinh nào cũng thọ trì. Vì căn lành chúng ta chỉ phát được là nhờ thích hợp với chùa, với pháp tu và vị đạo sư hướng dẫn.

Kế đến, căn cứ theo phẩm Dược Vương Bồ tát bổn sự, Đức Phật dạy người tụng kinh Pháp Hoa phải được lợi ích : muốn sanh Tịnh độ hay sanh cõi Trời sẽ được như ý, muốn có của báu sẽ có, người bịnh sẽ được khoẻ mạnh... Tâm yên, thân khỏe là hiệu quả của việc thọ trì được kinh. Khi chưa tu, không ai kết bạn với ta. Tu được chánh pháp, bạn tốt thì tốt hơn, người chưa tốt trở thành tốt và người thù nghịch phải thương ta. Sở dĩ được như vậy vì trước khi tu, nghiệp chướng trần lao dán chặt vào tâm và thể hiện ra cuộc sống của chúng ta. Người nhìn thấy ta là thấy khối nghiệp ác, khiến họ phải sợ, tránh. Nay nhờ pháp Như Lai tẩy sạch chướng nghiệp nhơ bẩn, đem Phật vào tâm. Lúc đó, người thấy ta qua màn kính lọc là Phật, pháp, tự nhiên họ phải cảm tình. Vì vậy, trì kinh mà buồn giận, ốm đau, người thân từ bỏ thì không nên tiếp tục.

Ngoài ra, người trì kinh xem quyền lợi vật chất thế gian như mộng huyễn bào ảnh, không thực còn mãi, nên không để tâm. Mặc dù không quan tâm đến vật chất, họ không thiếu thốn thứ gì của thế gian, vì đã sử dụng được kho báu Như Lai, một thánh tài vô tận. Trên căn bản phước báu vô lượng như vậy, hành giả Pháp Hoa có đủ tất cả những gì từ cõi người cho đến cõi trời. Sau cùng, người tu Pháp Hoa mỗi ngày tăng trưởng Phật huệ, đạt đến hiểu biết chính xác hơn. Ai tu theo kinh Pháp Hoa có được năm hoặc ít nhất một hiệu quả như trên mới nên tiếp tục.

Trước khi thọ trì Bổn môn, tôi đã từng thọ trì bộ kinh Pháp Hoa 28 phẩm bằng tất cả lòng thành và cũng đã đạt nhiều kết quả tốt đẹp ngoài sức tưởng tượng. Thọ trì lâu ngày, cảm tình của tôi với kinh Pháp Hoa càng sâu đậm hơn. Tôi quan sát xem các bậc tiền bối tu thế nào và kết quả ra sao để rút

kinh nghiệm ứng dụng trong cuộc sống bản thân, thấy được pháp nào lợi ích, tôi mang ra giảng dạy và gần đây tôi hình thành Bổn môn Pháp Hoa.

Bổn môn Pháp Hoa là pháp hành trì của chính tôi, tôi không phiên dịch từ bất cứ bộ kinh nào. Vì là pháp tu, tuy ít, nhưng mang tính tổng hợp, nên phải hiểu rộng là dung hóa tất cả pháp Phật. Về phần văn kinh, tôi đã tham khảo 3 dịch bản kinh Pháp Hoa của Trung Quốc, 10 bản dịch của Nhật Bản, một bản của Triều Tiên, một bản tiếng Anh, một bản tiếng Pháp và Phạn bản. Tôi chỉ rút những ý quan trọng thiết yếu và đúc kết lại thành Bổn môn Pháp Hoa. Về phần luận giải kinh Pháp Hoa của các danh Tăng để lại, tôi chọn hai tác phẩm quan trọng nhất làm đối tượng nghiên cứu tu hành, đó là Pháp Hoa tam đại bộ của Trí Giả Đại sư và Tuyển tập dị văn của Nhật Liên Thánh nhân.

Theo tôi, hai vị Thánh Tăng này có nhận thức đặc sắc về kinh Pháp Hoa. Các Ngài là biểu tượng kiểu mẫu mà tôi nương theo thâm nhập vào tạng bí yếu Như Lai. Tôi xin giới thiệu đôi nét về hai vị này để quý vị có khái niệm sơ về ý nghĩa Tích môn và Bổn môn của các bậc cao đức tiền bối đã chủ xướng.

Ngài Trí Giả được giới trí thức tôn kính là Tích môn đại sư vì Ngài có thể giảng kinh rộng đến độ không thể nào nắm cho hết được. Ngài là danh Tăng đời Tùy của Trung Quốc, có sức thuyết phục đến độ vua Trần phải ra lịnh triều đình ngưng họp để nghe Ngài giảng kinh Pháp Hoa. Suốt 3 tháng, Ngài chỉ giảng một chữ Diệu, cho đến suốt 8 năm ở Kim Lăng chỉ giảng ý nghĩa của 5 chữ: Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Điều này chứng minh Ngài đã triển khai về mặt Tích môn hay giáo nghĩa một cách sâu xa vô cùng. Cả một nhận thức gặt hái trong quá trình tu hành của Ngài được đúc kết thành bộ Pháp Hoa huyền nghĩa, làm nền tảng cho người muốn nghiên cứu tu hành theo Pháp Hoa.

Tinh thần Tích môn và Bổn môn do Trí Giả phát hiện và giảng dạy trước tiên. Ngài chia kinh Pháp Hoa làm hai phần: Tích môn từ phẩm 1 đến 14 và phẩm 15 đến 28 thuộc Bổn môn.

Ngài Trí Giả theo hướng tu từ Tích môn sang Bổn môn, hay từ sự kiện lịch sử có thật tiến vào thế giới tâm linh ; nói khác, đi theo Đức Phật Thích Ca trên cuộc đời để tìm về Pháp thân Ngài. Tu theo chiều hướng thuận như vậy dễ hiểu.

Ngài Nhật Liên thì chủ trương trái lại, bắt đầu từ cội gốc Bổn môn đi ngược về hiện thực, nghĩa là chú trọng đến Phật thường trú Pháp thân, theo Phật vĩnh hằng đó tu mới hiểu rõ được Phật sanh thân ứng hiện trên cuộc đời.

Mặc dù đề xướng pháp tu hoàn toàn trái ngược, cả hai vị đều nhấn mạnh đến phần ứng dụng kinh Pháp Hoa trong cuộc sống. Trí Giả dạy thọ trì kinh Pháp Hoa từ phẩm 1 đến phẩm 28. Nhật Liên đứng lập trường Bổn môn dạy thọ trì ngược lại, từ phẩm 28 đến phẩm 1. Ngài Nhật Liên cho rằng cách tu của Trí Giả ở lập trường Tích môn hoàn toàn đúng cho chúng đương cơ ở thời Phật tại thế được trực tiếp nghe Phật thuyết pháp. Đối với người hậu thế hay chúng ta, Nhật Liên chủ trương tu theo Bổn môn Pháp Hoa. Ngài dạy tụng ngược từ phẩm 28 trở về phẩm 1, không tụng bằng ngôn ngữ văn tự, nhưng tụng bằng Phật ngữ của thường trú Pháp thân và theo Ngài, Đức Phật vẫn đang hiện hữu ở ngay đây với chúng ta. Đó cũng là vấn đề đặt ra cho hành giả Pháp Hoa sau Phật Niết bàn.

5 chữ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh do Trí Giả triển khai, được đệ tử là Quán Đảnh đúc kết lại thành 10 tập. Khi luận giải đó được truyền sang Nhật Bản ở thế kỷ XII, tức cách 500 năm sau, 5 chữ này lại được Nhật Liên đổi thành pháp tu Ngũ tự đề mục. Nhật Liên không giảng rộng như Trí Giả, nhưng đề xướng thọ trì 5 chữ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh như thế nào cho có hiệu quả, sanh được 5 phước và thấy được toàn bộ những gì Phật thuyết, thấy đủ nhân hạnh quả đức của chư Phật mười phương.

Sang Nhật Bản tu học, được biết về pháp hành trì Ngũ tự đề mục của Nhật Liên, thoạt đầu tôi cũng cảm thấy lo âu giống như các Phật tử Việt Nam ; vì nghĩ rằng nếu chỉ tụng quá ít như vậy, làm sao đủ được bộ kinh Pháp Hoa và không đầy đủ thì không thể có được công đức. Bất ngờ tôi gặp một danh Tăng Nhật cảnh giác tôi rằng : "Nếu Thầy tu theo Pháp Hoa, nhưng chấp kinh Pháp Hoa thì cũng sẽ trở thành phá kinh Pháp Hoa". Lời nhắc nhở ấy là đề mục khiến tôi tỏ ngộ. Nếu nắm bắt được cốt tủy kinh và theo đó hành trì có kết quả, chúng ta mới hưởng được tinh túy của kinh Pháp Hoa mà người xưa diễn tả là "Vô biên diệu nghĩa quảng hàm tàng", dùng đó để tươi nhuận cuộc sống, mới tiêu biểu cho Bổn môn Pháp Hoa.

Thế nào là tu kinh Pháp Hoa và chấp kinh Pháp Hoa ? Người tôn trọng tuyệt đối kinh Pháp Hoa và siêng năng đọc tụng, cứ nghĩ rằng như vậy là tu Pháp Hoa, nhưng càng tu họ càng phiền muộn, dữ tợn, nghèo khổ, khó tánh. Người này chẳng những chấp Pháp Hoa mà còn rơi vào hạng phá pháp, làm cho người kinh sợ, không dám tu theo. Họ đã làm ngược lại những điều Phật

dạy rằng tu Pháp Hoa phải thọ trì được yếu chỉ kinh và thể hiện thành cuộc sống có 5 phước báu.

Đức Phật khẳng định người có một niệm tâm hoan hỷ với kinh Pháp Hoa, được công đức lớn hơn người bố thí, nhẫn nhục trong vô số kiếp. Chúng ta cần lưu ý điều này, đừng ôm đồm nhiều quá, để rồi bị kẹt trong pháp tu, đánh mất niệm tâm sẽ trở thành điên đảo vọng tưởng. Như vậy, không còn dính líu gì đến Phật, mà cứ ngỡ mình đang thọ trì Pháp Hoa.

Chắc chắn không thể nói 28 phẩm kinh Pháp Hoa là Pháp Hoa. Thật vậy, khi Phật tu hành đạo Bồ tát, thọ trì đến 200 muôn ức bài kệ Pháp Hoa. Ngày nay, chúng ta tìm được mấy bài kệ trong 28 phẩm kinh. Chúng ta không thể nào tìm đủ 200 muôn ức bài kệ. Vậy làm cách nào để có đủ kinh cho chúng ta tu ? Ngô Thừa Ân viết truyện Tây Du ký diễn tả ý nghĩa thiếu kinh qua hình ảnh Ngài Đường Huyền Trang thỉnh kinh làm rớt xuống sông một số và một số khác bị dính trên đá. Chúng ta tu hành muốn có đủ kinh phải lặn trong biển mà tìm, phải đục trong đá mới thấy ; nói cách khác, muốn tìm cốt lõi kinh, phải đi vào trần lao. Ý này được Phật dạy trong kinh Pháp Hoa qua câu : Nhứt thiết thế gian tư sanh sự nghiệp, nghĩa là có vào sanh tử, sống trong biển khổ, mới phát hiện được 200 muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa là cái gì.

Theo Phật, tất cả sinh hoạt của các loài hữu tình, vô tình đều là Pháp Hoa, không có gì không phải Pháp Hoa mới là Pháp Hoa. Có như vậy, Pháp Hoa mới tiêu biểu cho Tối thượng thừa viên giáo. Vì viên nghĩa là tròn đủ, nên phải bao hàm tất cả ; nếu tách riêng ra một nhóm nhỏ của chúng ta để giữ gìn và loại bỏ tất cả những thứ còn lại, không thể nào là Pháp Hoa. Trên căn bản ấy, có dấn thân vào biển khổ mới tìm được chân kinh ; nếu không, chỉ biết kinh trên ngữ ngôn, lý thuyết.

Từ nghĩa đó, thọ trì kinh Pháp Hoa không có nghĩa là ôm bộ kinh lên chùa tụng từ ngày này sang ngày khác, năm này sang năm nọ. Tụng xong, đói bụng đi kiếm ăn và không được cho ăn, liền gây "Tại sao kẻ ở không lại cho ăn, còn tôi tu hành mệt gần chết, sớm chiều lo kinh kệ mà lại bị bỏ đói. Coi chừng bị tội ngập đầu !". Hình ảnh này tượng trưng cho mẫu người chấp kinh, chấp pháp nặng.

Chúng ta thể hiện tinh thần nhứt thiết thế gian tư sanh sự nghiệp, làm việc gì ở trần gian có lợi cho ta và tất cả loài, đó là Pháp Hoa, là chiếc cầu đưa ta đến với Phật. Vì Phật có tâm đại bi và chúng ta làm việc bằng hạnh đại bi.

Hạnh đại bi của ta tương ưng với tâm đại bi Phật, ta và Phật gặp nhau trong tương đồng đó. Hiểu như vậy, người tu theo Pháp Hoa ở hoàn cảnh nào cũng tu, không phải về chùa tu, ở nhà không tu. Chờ tới chùa mới tu thì trong đời quý vị có được bao nhiêu ngày tu, bao nhiêu ngày tạo tội. Như vậy tội chúng ta tạo và cái tu của chúng ta chênh lệch quá nhiều; tu cách đó bảo đảm đọa địa ngục.

Tu theo Viên thừa, theo kinh Pháp Hoa, chúng ta tu trong một niệm tâm, nhưng niệm tâm này di chuyển khắp vũ trụ. Tâm chuyển đến đâu, biến nơi đó thành thanh tịnh, đến được với Phật. Lúc ấy, tất cả thu thành một niệm và trong một niệm thông được tất cả. Thành tựu một niệm tâm như vậy vượt hơn khổ công tu pháp khác. Trên thành quả ấy, không thấy họ tụng kinh mà thực là tu Pháp Hoa vì cuộc sống mỗi ngày tốt đẹp thêm : trí tuệ phát huy, tình thương tăng trưởng, hảo tướng trang nghiêm, phước đức dồi dào.

Có một niệm tâm tương ưng với Phật và bằng niệm tâm đó đi vào cuộc đời, đó là hành giả Pháp Hoa. Lúc ấy, ở chùa hay ở nhà, ở trường học, xí nghiệp, nông trường, v.v..., bất cứ chỗ nào chúng ta tới cũng tu, chúng ta khác hơn người ở điểm đó. Và tu theo Pháp Hoa, nên dù ở nơi nào, phản ứng tự nhiên của ta cũng là phản ứng của hành giả Pháp Hoa ; không phải tụng kinh ở chùa xong, ra ngoài sẵn sàng gây gổ, nói xấu, hại người. Chúng ta đến với Phật để nuôi dưỡng tâm đại bi của mình và sử dụng tâm đại bi đó với chúng sanh, không phải dùng tâm đại bi cho Phật.

Đến chùa lễ Phật, nghe pháp, đưa hình ảnh, lời lẽ và ý tưởng thánh thiện vào lòng. Trên đường về nhà, những gì tiếp thu được từ đạo giải thoát của Phật cùng đi theo chúng ta, lúc nào cũng sống trong tâm chúng ta và thể hiện ra cuộc sống, như vậy mới thực là tu. Trong khoảng thời gian đi từ chùa về nhà, chúng ta đang suy niệm, đang sống với pháp Như Lai, nhờ vậy mọi người nhìn ta, họ thấy pháp Như Lai nên dễ dàng sanh thiện cảm.

Điều này dễ kiểm chứng trong thực tế. Có người nói với tôi rằng họ đi chùa lễ Phật về, gặp người bình thường không ưa họ, nhưng sao tự nhiên lại tử tế với họ. Sự thật, họ cảm tình với ta là cảm tình với pháp Phật ; nên khi chúng ta làm tắt mất niệm tâm đại bi, sẽ rơi trở lại con người phàm phu thực của mình, họ không thương kính giống như lúc ta còn giữ được niệm tâm thanh tịnh.

Chính tôi cũng chứng nghiệm pháp tu này. Một hôm, tôi đi xe xích-lô và Phật tử đã trả tiền xe trước. Trên đường đi, anh đạp xe hỏi tôi tu được bao

lâu. Tôi trả lời ba, bốn chục năm gì đó. Về đến chùa, anh lấy tiền trả lại tôi. Anh nói : "Con là người đạo Thiên Chúa. Con nghĩ Thầy là người Chúa đã chọn !". Thật ra, trên suốt quãng đường đi, tôi chỉ suy nghĩ về anh với tâm đại bi. Chính nguồn tình thương thanh tịnh đó đã tác động, khiến anh cảm thấy gần gũi với tôi, xóa mất hàng rào khác biệt tôn giáo.

Trên tinh thần ấy, chúng ta tu theo Pháp Hoa, hình thức bên ngoài thế nào cũng được, miễn người có cảm tình tốt và xem hiện hữu của ta lợi ích cần thiết là đủ. Sống, tu với tâm niệm ấy, mọi liên hệ giữa ta và người, ta và xã hội, đều là pháp ; không phải chúng ta dành riêng pháp Phật ở chỗ cố định và những cái khác bị cô lập. Nếu ở chùa tốt, về gia đình đối nghịch với người thân và ra xã hội không ai chấp nhận, rõ ràng chúng ta phá pháp, sống ngược lại ý Phật dạy.

Ngài Nhật Liên muốn giúp chúng ta tránh những sai lầm trên, đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của ý nghĩa Bổn môn trên bước đường tu, cố tìm cho được tinh ba của pháp Phật mới có khả năng nuôi dưỡng giới thân huệ mạng của chúng ta.

Nhật Liên Thánh nhân (Nichiren Shonin) sống trong thời kỳ mà tình hình chính trị nước Nhật có nhiều biến động. Ngoài ra, lại thêm những trận động đất, bão tố, nạn đói, nạn dịch tàn phá khốc liệt. Riêng trong giới Phật giáo, các sư chống đối nhau dữ dội.

Từ hoàn cảnh khắc nghiệt như vậy, Nhật Liên đưa ra tư tưởng đổi mới trong Lập chánh an quốc luận. Ngài vạch ra nguyên nhân sâu xa của những thảm họa trên là vì mọi người không hiểu biết chân giáo của kinh Pháp Hoa hay Bổn môn Pháp Hoa, chỉ tu theo hình thức bề ngoài, dẫn đến sự thịnh hành của tà giáo. Để chấm dứt thảm họa nội chiến và ngoại xâm, cần phải lập tức quay về với Nhất thừa giáo của kinh Pháp Hoa. Kiến nghị của Ngài về cải tổ luật pháp, thực hiện công bằng và trị an cho quốc gia đã được quan Nhiếp chánh thực hiện.

Sau một tháng thực hiện kiến nghị của Nhật Liên, các sư còn nhiều tham sân bị đụng chạm quyền lợi, họ khởi ác tâm hại Ngài. Vào nửa đêm, họ đốt cháy thảo am của Ngài. Tương truyền, chiều hôm đó, một đàn khỉ trắng xuất hiện, đến kéo vạt áo Ngài. Sự kỳ lạ ấy khiến Ngài lần theo đường mòn cùng bầy khỉ. Lúc Ngài quay về thì thảo am đã bị thiêu rụi trong lửa đỏ.

Sau đó, Ngài tiếp tục du hành truyền giáo, giảng kinh Pháp Hoa và bị thọ nạn thêm 4 lần nữa. Năm 1268, khi đại diện triều đình Mông Cổ đến yêu sách Nhật Bản phải quy hàng, Ngài đề nghị quân đội chính phủ và các ngôi đền có thế lực phải lập tức từ bỏ sự cuồng tín và đặt trọn niềm tin vào chánh giáo Pháp Hoa. Kết quả nhiều kẻ đối nghịch quay về với Ngài.

Sau đó, vì âm mưu của những người theo phái Jodo, Nhật Liên bị bắt và bị kết án tử hình. Đó là lần thọ nạn thứ ba. Khi hành quyết Ngài, thanh gươm của tên đao phủ tự nhiên nẹt lửa và gãy làm 3 đoạn, khiến bọn lính kinh hoàng bỏ chạy. Ngài lại bị đày ra đảo Sado, một vùng khí hậu khắc nghiệt, quanh năm chỉ toàn băng tuyết.

Cuối cùng, Ngài đã thoát khỏi tai họa một cách mầu nhiệm. Sau đó, Ngài được rước về đất liền và được tôn kính như bậc Thánh Tăng. Ngài bắt đầu tuyên giảng Bổn môn Pháp Hoa phát xuất từ tâm ngộ đạo của Ngài.

Nhật Liên đề ra pháp tu Bổn môn, nghĩa là tu từ chân tâm, khác với tu Tích môn hay hình thức. Ngài chủ trương phải làm sao để ngộ bản tâm, không chú trọng hình thức vì dễ sanh phiền não, rớt qua tà đạo. Dù ở trong ngành nghề nào, khoác áo cư sĩ hay xuất gia đều phải phát triển nội tâm để hành đạo và tìm về an trú với Đức Phật không sanh diệt.

Ngài đặt trọn niềm tin sắt đá đối với Đức Phật thường trú và chuyên niệm Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh. Theo Ngài, đó là bí yếu của Phật nhằm giúp cho chúng ta thấy rõ thật tướng các pháp, phát sanh trí tuệ và đạo đức, trở về được với Bổn Phật thường trú, bất sanh bất diệt.

Trên đường hành đạo, uy đức của Ngài đã thuyết phục được những kẻ hung ác, thậm chí đến người cuồng tín thuộc phái Jodo định giết Ngài, sau cũng hồi tâm, xin làm đệ tử.

Tính đến nay, Ngài Nhật Liên đã viên tịch trên 700 năm, nhưng số tín đồ tu theo Bổn môn Pháp Hoa của Ngài có trên 40 triệu. Họ tự đặt mình sống theo lời chỉ giáo của Ngài, nhiệt tình trong việc xây dựng đất nước Nhật Bản theo mô hình Pháp Hoa.

Nhật Liên được tôn danh là Bổn môn đại sư. Ngài triển khai phần tiềm ẩn sâu xa của kinh Pháp Hoa, không căn cứ trên 28 phẩm kinh, nhưng căn cứ trên tam đại bí pháp.

Theo Ngài, tam đại bí pháp gồm Bổn môn bổn tôn, Bổn môn đề mục và Bổn môn giới đàn ; kết hợp được ba pháp này mới thực sự hình thành nên Bổn môn, không phải Bổn môn nằm trong phẩm 15 đến phẩm 28 kinh Pháp Hoa.

Bổn môn là bí pháp, nên ai tu hành mới hiểu kinh, sống được với kinh. Bổn môn bổn tôn, Bổn môn đề mục và Bổn môn giới đàn, chính là Tam bảo của Bổn môn, khác với Tam bảo của Tích môn.

Trước hết, Bổn môn bổn tôn chỉ cho vị giáo chủ mà chúng ta tôn thờ, đối tượng tín ngưỡng này nhất định cần thiết. Khi Phật tại thế, chúng ta theo tu học với Ngài và Phật Niết bàn, chúng ta đúc tượng Ngài để thờ phượng, lễ lạy. Về vấn đề này, Ngài Nhật Liên chủ trương phải tìm Phật thường trú vĩnh hằng mới có khả năng cứu độ chúng ta và mới là đối tượng cho chúng ta hướng tâm quy ngưỡng.

Thật vậy, nhìn sâu bề trong, ở dạng đắc đạo, tức nhìn về Bổn môn, sẽ thấy con người thực của Đức Phật kết tinh bằng đạo đức và trí tuệ do vô lượng kiếp tu hành và đã thành Phật từ lâu xa. Vì vậy, khi cốt lõi đạo đức, trí tuệ ấy đem đặt vô ngũ uẩn thân nào thì ngũ uẩn đó biến thành Phật ; nên ngũ uẩn thân Phật không quan trọng, ví như chiếc áo bên ngoài thay đổi tùy ý. Phần quan trọng chính là đạo đức, trí tuệ viên mãn của Đức Phật thực, đã thành Phật từ lâu xa, gọi là Bổn môn bổn tôn. Từ Bổn môn bổn tôn tiêu biểu cho Phật thực hiện ra Đức Thích Ca Mâu Ni ở Ta Bà là Phật ứng hiện trên cuộc đời, tuy hai nhưng thực là một. Có thể tạm ví dụ cho dễ hiểu, như tài tử đóng vai nào đó trên sân khấu và họ trở về cuộc sống thường nhật, cũng là một người.

Trên tinh thần ấy, chúng ta tôn thờ Đức Thích Ca, tức tôn thờ hiểu biết siêu tuyệt, khả năng cứu nhân độ thế toàn hảo và đức tánh trầm mặc vô cùng của Ngài. Chúng ta lần theo dấu vết tốt đẹp ấy của Đấng Vô thượng Năng nhơn hiện hữu trên cuộc đời để tìm về cội nguồn thấy được Đức Phật thực hằng hữu bất tử có khả năng che chở chúng ta. Theo tu với Đức Phật đó là theo Bổn môn bổn tôn, nhất định sẽ đắc đạo.

Thật vậy, Đức Phật thường trú vĩnh hằng nhờ tu chứng Pháp thân Tỳ Lô Giá Na. Pháp thân này thông qua tâm chúng ta bằng sợi dây vô hình. Tuy nhiên, vì mãi sống với vọng thức, chúng ta không thể thấy Pháp thân. Pháp thân Tỳ Lô Giá Na của Thích Ca Như Lai và Pháp thân của ta cũng là một. Nếu tâm ta thanh tịnh ngang qua tâm Tỳ Lô Giá Na, sẽ nhận được lực Phật gia bị ;

nhờ đó trí tuệ bừng sáng, lời nói chân thật đúng đắn và có thân hảo tướng trang nghiêm, khiến người khác trông thấy cũng phát tâm theo.

Giữa Phật và chúng ta có mối liên hệ mật thiết giống như đài truyền hình đưa âm thanh và hình ảnh xuống tất cả máy. Đức Phật cũng vậy, Ngài trải tâm từ và trí tuệ đến cho tất cả người có nhân duyên căn lành, họ đều nương nhờ Phật đức, Phật huệ nuôi lớn Phật tâm của họ và dõi theo cõi vĩnh hằng của bổn Phật.

Riêng tôi, cảm nhận được Đức Phật thường hằng mãi mãi và luôn thao thức mình từ cõi nào đến đây, làm xong việc phải biết rõ chỗ trở về; thiết nghĩ đó là việc duy nhất chính yếu của người tu. Khi ngăn chặn được nguồn tình bể ái, chúng ta có thể trở về cội gốc chơn tánh của mình. Ngược lại, để cho tình ái si mê quấn chặt, dĩ nhiên đời đời trôi lăn trong sanh tử khổ đau.

Phật Pháp thân vĩnh hằng, bất sanh bất diệt, quá cao xa, chúng ta chưa thể vói tới được, nên phải qua trung gian gọi là Bổn môn giới đàn, đảnh lễ để thâm nhập. Bổn môn giới đàn nhằm chỉ cho giới đàn vô tướng.

Khi tu, từ giới đàn hữu tướng được xem như phương tiện dẫn chúng ta vào giới đàn vô tướng hay siêu thức ; nói cách khác, nương theo hình thức bên ngoài bố trí đầy đủ như tượng Phật, Bồ tát, Hộ pháp thiện thần để dẫn nhập vào Bổn môn giới đàn. Ngài Nhật Liên gọi Bổn môn giới đàn là đại mạn trà la, tức tổng thể của vũ trụ. Ở thế giới mầu nhiệm đó có Bổn Phật, không thể dùng mắt thường thấy được, chỉ dùng nhân duyên căn lành mới có thể thâm nhập thế giới bao la ấy, làm bạn lữ với các Bồ tát đang trụ nơi đó.

Người tu Bổn môn sinh hoạt với vô tướng giới đàn, không nặng hình thức, nên phải bố trí giới đàn vô tướng bằng tâm. Dùng tâm thanh tịnh của ta ngang qua tâm của người cùng tu, ta chỉ tiếp thu tâm niệm tốt của họ, cái xấu bị loại bỏ. Như vậy, chúng ta sẽ có pháp lữ đồng hành tạo thành sức mạnh, vì tu một mình không làm được việc, phải có quyến thuộc đông, nhưng đông mà tạp chúng cũng không được. Phải lựa người cùng tu Bổn môn và trong những người này, chúng ta gạn lọc lại, còn người đồng hạnh. Chúng ta cầu mong luôn có Bồ tát đồng hạnh, đồng nguyện, ai nghĩ giống, làm giống ta, xin hãy đến chung cùng hợp tác Phật sự. Trên căn bản những người đồng hạnh kết thành giới đàn vô tướng, tuy họ không sống cùng trụ xứ với ta, nhưng thông qua tâm đồng độ cảm, đồng việc làm, dẫn đến tác động tốt cho việc tu hành của chúng ta, coi như họ đang ở chung trong giới đàn.

Đối với người tu Bổn môn, lấy Bồ tát mười phương làm bạn lữ, mặc dù các Ngài không làm cùng việc, cũng ảnh hưởng tốt cho chúng ta. Khi tâm duyên với Phật, pháp và Bồ tát đồng hạnh, tạo thành lực bất tư nghì. Theo kinh nghiệm của tôi, Bồ tát Tùng địa dũng xuất không thấy được bằng mắt lại hết sức quan trọng, trợ lực cho tôi thành tựu nhiều việc hơn là người trần gian. Vì người đời hứa hẹn đủ thứ, nhưng đó chỉ là vọng tưởng giả dối, đừng tin tưởng nhờ họ cho uổng công. Bồ tát Tùng địa dũng xuất không hứa hẹn gì, nhưng sẵn sàng tác động tốt và nhất là bất ngờ đến giúp chúng ta hết lòng. Nỗ lực tu, dùng tâm thanh tịnh ngang qua Phật, pháp và Bồ tát đồng hành, chúng ta sẽ tiếp nhận được lực vô hình lớn lao không cùng tận mà các Ngài không hề bắt chẹt hay đòi hỏi chúng ta điều gì như người thế gian hữu hình.

Để thâm nhập Bổn môn giới đàn, diện kiến Bổn môn bổn tôn, hành giả sử dụng pháp Bổn môn đề mục, tức chỉ niệm Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh, vì đề mục này bao gồm trọn vẹn tinh yếu của pháp Phật.

Tóm lại, tu Bổn môn hay cánh cửa tâm chúng ta mở rộng thì không có gì không đẹp. Đức Phật dạy rằng tâm có khả năng thông tất cả pháp giới, từ cõi Trời Hữu Đảnh cho đến địa ngục A Tỳ, không đâu mà tâm không đến được. Bước theo lộ trình Bổn môn là nỗ lực phát huy năng lực kỳ diệu của tâm, thấy được cả ba đời mười phương Phật và các Bồ tát đang hành đạo tiến về Vô thượng đẳng giác, thấy các loài hữu tình chúng sanh không ai không thành Phật. Cuối cùng đến cùng tột nguồn tâm, gặp Phật gốc hay Phật thường trú vĩnh hằng ở Thường Tịch Quang tịnh độ cùng tất cả Bồ tát kim sắc thân, đầy đủ 32 tướng tốt, thành tựu mọi việc khó nhất.

--- o0o ---

Chương II - Ý NGHĨA HỒNG DANH PHÁP HOA

I - NGUYỆN HƯƠNG

Tích môn là những gì chúng ta nhìn thấy, nắm bắt, suy nghiệm được và Bổn môn thuộc phần sâu kín trong lòng người. Đối với hành giả Pháp Hoa, niềm tin sâu xa tự đáy lòng, hướng trọn về Tam bảo rất cần thiết cho việc học đạo, hành đạo. Xây dựng trên niềm tin kiên cố, bài nguyện hương mở đầu cho nghi thức thọ trì Bổn môn Pháp Hoa kinh.

Thật sự tôi không biết làm thơ, nhưng bỗng dưng một ngày đẹp trời, nắng ấm, bài tâm hương tuôn trào. Thiết nghĩ đó là kết tinh của lòng thành trên 40 năm miệt mài thọ trì kinh Pháp Hoa và đến thời điểm hữu duyên hình thành bài nguyện hương như vậy. Tôi xin giới thiệu phần tâm hương của Bổn môn Pháp Hoa mà tôi cảm nhận được để chia sẻ an lạc, giải thoát với những pháp lữ đồng hành có cùng độ cảm và nhân duyên với Pháp Hoa.

"Đốt nén tâm hương trước Phật đài,

Ngũ phần dâng trọn Đức Như Lai,

Cầu xin nhân loại lên bờ giác,

Hạnh phúc bình an khắp muôn loài.

Đốt nén tâm hương cúng Phật Đà,

Lòng thành gởi tận chốn bao la,

Cầu xin Tam bảo thường gia hộ,

Đạo pháp hoằng thông đến mọi nhà.

Đốt nén tâm hương ở Ta bà,

Nhớ lời di huấn Đức Thích Ca,

Cầu xin Bồ tát Tùng địa xuất,

Thầm giúp cho người tụng Pháp Hoa".

Bài nguyện hương ngắn, đơn giản có 3 đoạn, 12 câu, nhưng mở ra cánh cửa cho chúng ta vào đạo. Không qua được cửa này, chúng ta hoàn toàn tuyệt phần đối với thế giới Bổn môn.

Mở đầu, chúng ta đốt hương và nói lên tâm nguyện của mình. Người Nhật rất kỹ về việc dùng hương. Họ không đốt nhiều hương như chúng ta và cũng không dùng gỗ tạp để làm nhang, vì đốt lên làm cho nước mắt, nước mũi dàn dụa, ngộp thở, không thể nào thanh tịnh nổi. Nhang của họ rất nhỏ, chỉ

lớn bằng chân nhang của ta và không dài quá hai tấc, họ thường chọn các danh hương là trầm hay ít nhất cũng là bạch đàn.

Tuy nhiên, dù hương thơm quý đến đâu, cũng chỉ là hương trần, không có khả năng bay ngược gió, làm sao đi vào pháp giới, đến với Phật và làm lợi cho chúng sanh được.

Hương thơm bên ngoài, cùng với thân thể tắm rửa sạch sẽ, thuộc duyên phụ, kết hợp với hương lòng, tức tâm thành của chúng ta. Tâm tốt, hành động tốt, mới là phần chính yếu đưa chúng ta đến với Phật được.

Đến trước bàn thờ Phật, nghe mùi hương thơm nhẹ nhàng phảng phất và bằng lòng thành cao độ, chúng ta quỳ xuống bạch Phật:

“Đốt nén tâm hương trước Phật đài. Ngũ phần dâng trọn Đức Như Lai. Cầu xin nhân loại lên bờ giác. Hạnh phúc bình an khắp muôn loài”.

Đây là pháp tu từ ngoài lần vào tâm. Phần lớn khởi đầu, chúng ta nhìn thấy tượng Phật hay vị sa môn giải thoát hoặc cảm một câu kinh, bài kệ nào đó mà phát tâm đến với đạo. Riêng tôi, luôn luôn đặt tượng Phật trước mặt, để hình ảnh đẹp của Ngài thường xuyên thâm nhập vào tâm trí. Khi tham thiền, lễ bái, hình ảnh Phật là đối tượng gần gũi tôi nhất. Từ cách sống đem Phật bên ngoài vào lòng như vậy, khi gặp nghịch cảnh thì Phật xuất hiện liền, xoá mất hình ảnh xấu, khiến tôi không khởi bực tức mà còn phát triển tâm từ.

Nhờ Phật thường xuyên hiện hữu trước mặt, làm sống dậy trong lòng, bất chợt một hôm quỳ trước tượng Phật, tôi cảm nghĩ đây là tượng Phật ngồi đài sen, gọi là Phật đài, không phải Phật thiệt. Tuy nhiên, qua làn khói hương nhẹ nhàng, bằng độ cảm từ từ dâng lên, Phật cốt tan biến lúc nào không hay, để hiện ra cho tôi một Đức Phật thực khả kính. Lúc ấy, tôi chỉ còn một niềm tin trọn vẹn đối trước Đức Phật đầy đủ ngũ phần Pháp thân. Từ giây phút đó, cánh cửa của thế giới tôn giáo mới bắt đầu thực sự mở ra.

Đức Phật đã Niết bàn hơn 25 thế kỷ, nhưng Pháp thân Ngài vẫn thường trú vĩnh hằng, nghĩa là sự nghiệp của Ngài để lại cho chúng ta kết tinh trong năm phần chính. Trước nhất, Đức Phật tiêu biểu cho đấng trọn lành, không phạm chút lỗi lầm. Ngày nay, nhân loại nhắc đến, vẫn tôn vinh Ngài là bậc đức hạnh vẹn toàn; tức Pháp thân giới đức của Ngài vẫn sống mãi trên cuộc đời này. Từ nền tảng con người giới đức hoàn toàn, tâm đức Phật luôn thanh

thản trước mọi hoàn cảnh thuận nghịch, xấu tốt, khen chê. Định lực của Pháp thân Ngài uy nghi sừng sững trước mọi tác động của phàm phu.

Tâm hồn định tĩnh, giới đức vẹn toàn, phát xuất từ nguồn tuệ giác siêu tuyệt của Đức Phật. Tuệ Pháp thân hay những lời chỉ giáo của Ngài để lại trong tam tạng giáo điển vẫn là kim chỉ nam soi đường dẫn bước cho những người hướng thượng trên khắp năm châu. Mặc dù thành tựu mọi việc khó khăn trên đường hành đạo, nhưng không việc nào hay điều gì có khả năng ràng buộc, làm vướng bận thân tâm Ngài, không còn vấn đề gì tồn đọng trong tâm trí, tiêu biểu cho giải thoát và giải thoát tri kiến Pháp thân.

Đức Phật vắng bóng trên cuộc đời, chúng ta nhớ nghĩ đến Ngài, tức nhớ đến ngũ phần Pháp thân kể trên. Để đi theo con đường Phật vạch ra tương ưng với ngũ phần Pháp thân, chúng ta phải sử dụng năm phần tâm hương dâng cúng.

Trước tiên, làm sao đốt cho được nén tâm hương để cúng Như Lai mới quan trọng, không phải đọc suông cho sướng tai. Trong cuộc đời tu hành, tôi đã từng thể nghiệm pháp tu này, thâm nhập được thế giới Bổn môn, nên gợi ý cho quý vị tự đốt hương lòng, đừng tưởng đọc nguyện hương cho Phật nghe, thương ta.

Nén tâm hương là gì và đốt bằng cách nào, dùng gì để đốt ? Chúng ta cần giải quyết những vấn đề mở đầu này mới có thể thọ trì Bổn môn. Nếu không tìm ra nguyên liệu và không biết cách đốt, có nói suông năm này qua năm khác cũng vô ích. Ví dụ ai cũng biết sức mạnh của hạt nguyên tử thật kinh khủng, nhưng hạt nguyên tử là gì và làm thế nào để khai thác nó thành sức mạnh to lớn mới quan trọng. Nếu chỉ giảng giải hoài trên lý thuyết thì nguyên tử cũng chỉ là tên gọi như bao nhiêu tên khác, chẳng ăn thua gì.

Đức Phật đã thành Vô thượng Đẳng giác vì Ngài biết rõ tâm hương là gì và biết cách đốt tâm hương. Ngài dạy chúng ta, còn phần thực chứng, mỗi người phải tự khám phá chúng ta là gì. Có phải là tứ đại ngũ uẩn hay không ?

Đức Phật khẳng định tứ đại ngũ uẩn không phải là TA, đốt nó vô ích, vì từ vô lượng kiếp chúng ta đã đốt nó bao nhiêu lần rồi. Chúng ta phải thay đổi ngũ uẩn như người thay áo thôi. Từ đó, người tu phải tìm cho ra con người thật trôi lăn trong sanh tử, đã mặc muôn ngàn chiếc áo khác nhau trong các

loài. Tìm được con người thật tức chơn tâm hay Phật tánh hoặc Pháp thân, mà ở đây tôi dùng danh từ tâm hương.

Đọc bốn câu nguyện này nhằm nhắc lại ý Phật dạy trong kinh, giúp chúng ta nhận chân được tâm hương quan trọng và phải đốt được tâm hương. Đốt hương trong lư dễ, nhưng đốt tâm cho thành hương không đơn giản.

Bước đầu chúng ta mượn hình thức lư hương và đèn trí tuệ, cùng nương theo bốn câu nguyện như là điểm tựa nhấc chúng ta từ cuộc sống thực tế ngũ uẩn lên cuộc sống tinh thần. Trên tinh thần đó, quỳ trước Phật, dâng nén hương châm từ bản thể, tức bản tâm thanh tịnh, chúng ta nghe được tiếng lòng phát lên chân tình. Bấy giờ đọc ra tiếng hay không đọc, nhưng có công năng tách con người tâm linh ra khỏi con người vật chất, vui buồn vinh nhục của trần gian đều bị cắt đứt, đưa chúng ta về thể Không.

Ngược lại, miệng đọc, tâm nghĩ lung tung, chắc chắn muôn đời ở lại với sanh tử khổ đau. Chúng ta tu muốn đến thế giới Phật, tất yếu phải từ bỏ thế giới phàm phu, trải qua năm lần bảy lượt cương quyết thoát ly khỏi trói buộc hạn chế của ngũ uẩn thân.

Đốt hương bên ngoài xong, quỳ xuống phải đốt cho được tâm hương là lòng thành của chúng ta. Không có lòng thành thì hình thức trở thành vô ích. Ngược lại, tuy vật bên ngoài dâng cúng đơn sơ mấy, nhưng chứa đựng tràn đầy lòng thành, Phật vẫn chứng.

Thật vậy, các vị Tổ sư đắc đạo sống cuộc đời đạm bạc, không cúng phẩm vật đắt tiền như chúng ta. Tuy nhiên, chắc chắn lòng thành của các Ngài cao hơn chúng ta nhiều vì đã cống hiến cả cuộc đời tu hành theo chánh pháp Như Lai. Hoặc câu chuyện bà già cắt búi tóc đem bán để mua dầu cúng Phật. Về vật chất, những ngọn đèn của các vương tôn công tử trị giá gấp bội lần ngọn đèn dầu chỉ đáng một xu của bà lão. Nhưng trong tim đèn nhỏ xíu ấy tỏa rực ánh sáng niềm tin tuyệt đối và lòng chí thành của bà lão đến độ Đề Bà vận thần thông thổi không tắt được.

Vì đốt hương lòng, chúng ta cần dùng lửa tam muội, tức chánh định, nghĩa là khi chiêm ngưỡng Phật, Ngài tỏa sức thu hút mạnh, tác động tâm ta hoàn toàn lắng yên đến mức không còn biết đến hiện hữu của chính mình. Ta vẫn quỳ đó, nhưng trong tâm không còn bất cứ vọng niệm nào. Lòng thành và tâm bình ổn của chúng ta hòa vào nhau, phát ra tia lửa, khiến cho hương lòng chúng ta bốc lên, tỏa khói, làm ấm lòng ta và xông ngát hương thơm

cho muôn loài. Nói cách khác, việc quan trọng phải tu thế nào cho đạt hiệu quả, có được tam muội chân hỏa sưởi ấm lòng mình và kế đến giúp cho trí tuệ bừng sáng. Chúng sanh nương theo đó phát tâm bồ đề, xa lìa phiền não, không phải đọc suông là xong việc.

Màn ngũ uẩn ngăn che ta và Phật bị lửa chánh định thiêu hủy và biến đổi năm phần : sắc, thọ, tưởng, hành, thức của ngũ uẩn thành năm phần tâm hương.

Bằng lòng thành thông với Phật, chúng ta dâng cúng tâm hương và Phật cho lại chúng ta phần Pháp thân. Cả hai đều ở bản thể thanh tịnh, không có trên cuộc đời.

Trước tiên, tu đúng chánh pháp, nghiệp chướng trần lao bị tiêu hủy, tạo cho chúng ta thân mới là thân giới đức. Chúng ta giữ trọn 5 giới hoặc 250 giới, 380 giới hay Bồ tát giới và thể hiện thành việc làm lợi ích chúng sanh, khiến người quý mến, tôn trọng. Chúng ta cảm hóa người bằng đức hạnh và đem thành quả này dâng cúng cho Phật. Ngài nhận việc làm tốt của ta, không phải nhận phẩm vật. Phật Niết bàn có tự thọ dụng thân, không sống bằng thức ăn vật chất nữa.

Tuy dâng cúng tất cả cho Phật, nhưng hiểu cho cùng, chúng ta làm cho chính chúng ta, vì tu hành càng cúng Phật, căn lành chúng ta càng lớn thêm, đạo hạnh càng cao hơn. Thành tựu giới đức là tạo được một phần tâm hương hay giới hương.

Kế đến, chúng ta tu tạo định hương. Định hương tiêu biểu cho tâm bình ổn, nhờ phá bỏ được thọ uẩn. Trong cuộc sống, chúng ta luôn bị chi phối bởi khổ thọ, lạc thọ. Cái gì làm chúng ta cảm nhận sung sướng và sống với nó là lạc thọ, cái không vừa ý, dày vò ta mãi là khổ thọ. Hết vui đến buồn, cứ như vậy, khổ vui bao vây hành hạ tâm hồn chúng ta không ngừng nghỉ. Muốn bình ổn, chúng ta phải từ bỏ cả hai, không nhận cái vui buồn của cuộc đời tặng cho ta.

Đốt cháy cảm thọ hay an trú xả thọ rồi, chúng ta thâm nhập bể Không của Bát nhã, ai làm gì mặc họ. Tâm hồn hoàn toàn yên tĩnh, việc đời không còn tác động. Người cầu nguyện thực khác với người cầu nguyện giả ở điểm đó. Cầu nguyện giả nên liếc qua liếc lại và tiếng khấn phát xuất từ lòng tham lam ích kỷ. Trái lại, từ tâm hương cầu nguyện, họ chỉ quỳ yên lặng. Và trong yên lặng đó, chúng ta thấy cả một sức sống mãnh liệt toát ra. Tâm của người

cầu nguyện hoàn toàn định tĩnh, phiền não nhiễm ô không quấy rầy, không có gì trên cuộc đời có sức thu hút cám dỗ, mới có tư cách cúng dường, thông được với Phật và nhận được Phật lực hộ niệm.

Khi thành tựu được định hương, cảm thọ đã dứt, không còn nghĩ tưởng đủ thứ như trước, nên tưởng uẩn cũng theo đó chấm dứt. Nhờ hết sạch vọng tưởng điên đảo, chuyên tu Thiền quán, chúng ta phát huệ. Lúc ấy, những gì phát xuất từ tâm bừng sáng đều là Pháp Hoa hay Tối thượng viên giáo, không loại bỏ gì, tất cả đều là nhân của Vô thượng Bồ đề. Tâm bừng sáng, thâm nhập được những gì Phật muốn truyền trao và nắm bắt được yêu cầu của thế gian, tùy theo đó giúp đỡ, khai ngộ cho người. Hiểu biết sáng suốt, dứt trừ phiền não cho mình và làm lợi ích cho người, kết thành huệ hương dâng cúng Phật.

Phật tại thế thuyết pháp làm trời người an lạc thế nào thì ngày nay ta cũng làm như vậy để cúng dường Phật. Trên tinh thần ấy, tôi rất vui khi hướng dẫn quý vị tu thanh tịnh ; nhưng quý vị không thanh tịnh, tôi tự thấy mình có lỗi với Phật.

Có được giới định huệ hương sẽ dẫn chúng ta đến giải thoát và giải thoát tri kiến hương. Trước khi tu, chúng ta muốn và nghĩ đủ thứ. Đến lúc vào chùa, chạm phải thực tế lại khác, việc không giống như chúng ta tưởng, nên dễ trở thành bực bội, chán nản, gây gổ. Đó là tâm của người mới phát tâm đầy tham vọng.

Trải thời gian dài thọ trì kinh điển, như pháp tu hành, nhận ra người và việc hiện hữu đều có lý do, muốn khác không được. Muốn hoàn toàn là tham vọng. Tâm bình ổn thấy được thực tế, những gì tồn tại đều có ý nghĩa. Hết duyên thì có muốn cũng không được, còn duyên thì muốn xóa cũng không nổi.

Với huệ sáng suốt, dưới mắt Thiền sư, những tồn tại trên nhân gian không có gì không phải đạo, không gì không đẹp. Các Ngài sống trong trần lao mà hoàn toàn giải thoát; khác với kẻ ở chốn giải thoát thiền môn mà vẫn đầy ắp tranh chấp, triền phược.

Nếu chúng ta thực sự giải thoát, mọi gương mặt đỏ, đen, trắng, vàng đều không chướng ngại. Đó là một thực thể tiêu biểu cho nghiệp của chúng sanh. Nhờ nó mà chúng ta thấy chân lý, hiểu chân lý và đến gần chân lý. Và cũng nhờ đó mà chúng ta rèn luyện ý chí của người xuất gia cầu đạo.

Tu đúng pháp, chứng được quả giải thoát, không ai dám làm phiền chúng ta. Người còn gây khó khăn được là biết chúng ta còn nghiệp, thầm cảm ơn họ giúp ta phát giác ra nghiệp và tiếp tục sám hối. Chẳng những giải thoát được những khó khăn, bức ngặt của cuộc đời, chúng ta còn nhẹ nhàng thanh thản với mọi thành quả tạo được; khác với người thế gian càng thành công thì càng bị công việc bao vây phiền toái hơn.

Chúng ta xếp những thành quả đạt được cho vào quá khứ, không nhớ tiếc cái đã qua, không mơ mộng điều chưa đến. Chỉ có một niệm hiện tiền, một lòng thẳng tiến, giải quyết việc trước mắt cho tốt đẹp, không còn gì khắc khoải, thắc mắc trong lòng.

Thức uẩn hay tri kiến thế gian biến mất để Phật huệ sanh, tạo thành giải thoát tri kiến. Ai đến với hành giả cũng được an vui. Điển hình như Xá Lợi Phất, một đại luận sư biết nhiều, nói giỏi, nhưng không ai khổ tâm hơn Ngài. Bất chợt gặp Ngài Mã Thắng đi khất thực, không nói. Trong yên lặng của con người chứng đắc Pháp thân giải thoát tri kiến, đã tác động cho Xá Lợi Phật giải thoát, tất cả thao thức ngàn đời tự rơi rụng.

Trong năm phần tâm hương, hôm nay chúng ta dâng cúng Phật được một phần, ngày mai cúng thêm được hai phần. Cứ như vậy, y theo pháp tiến tu để cúng Phật thì trên bước đường tu, mỗi ngày đạo đức chúng ta cao hơn, tâm hồn giải thoát hơn, hiểu biết sâu rộng thêm. Những thành quả chúng ta đạt được tương ưng với năm phần Pháp thân Phật mới có thể dâng cúng được. Trái lại, ở trong cung điện xông ngát hương trầm, nhưng không có năm tâm hương, Phật cũng không đến được. Trên tinh thần ấy, kinh Pháp Hoa dạy bất cứ chỗ nào có lòng thành, có đạo đức, trí tuệ, chỗ đó có Phật, dù là ngã tư đường hay đồng trống hoặc điện đường.

Như vậy, cúng hương nhằm nhắc nhở chúng ta phải trang bị năm phần : giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Ngày nào chúng ta cũng quỳ đọc bạch Phật, hứa cúng, nhưng không cúng vì có năm phần hương đâu mà cúng. Chúng ta đã phạm tội nói láo nặng.

Tôi rút gọn nguyện hương thành tâm hương, tức là bằng tâm thành tương ưng với Pháp thân Phật, chỗ nào cũng cúng được, vì không đâu không có Pháp thân.

Từ năm phần tâm chúng ta kết hợp với năm phần Pháp thân Phật, hình thành một thế giới tín ngưỡng, lúc đó mới khả dĩ nói bằng tâm, hay thốt lên : "Đốt nén tâm hương trước Phật đài. Ngũ phần dâng trọn Đức Như Lai". Tất cả những gì tôi hiểu biết, tu hành đạt được kết quả tốt, tôi xin dâng cho Phật.

Khi lòng thành và năm phần tâm của chúng ta tự nhiên hội nhập với Pháp thân Phật, chúng ta có yêu cầu : "Cầu xin nhân loại lên bờ giác. Hạnh phúc bình an khắp muôn loài".

Thiết nghĩ cúng cho Phật, nhưng chúng sanh phải được hưởng, phải phát tâm, mới đi đúng lộ trình Bồ tát đạo, thực hiện đúng nguyện của Như Lai. Ý này thường được kinh diễn tả : Thành tựu chúng sanh là cúng dường Phật.

Hành động cúng Phật, lòng chí thành và việc làm tốt của chúng ta dâng cúng Như Lai, nhưng thực Như Lai có dùng đâu. Cúng Như Lai xong, tất cả thành quả này quay về cho nhân loại. Năm phần hương : giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến ở trong yên lặng, đốt từ bản thể, cúng Như Lai mười phương. Và bản tâm thanh tịnh cuộn theo làn hương, âm thầm lặng lẽ đi vào lòng người, giúp họ xa rời vọng tưởng điên đảo, phát tâm bồ đề. Từ đó, thấy được việc nào đáng làm và không nên làm, nên đều thành tựu tốt đẹp, tứ sanh lục đạo nương theo được bình an. Trái lại, nếu không làm được như vậy, chúng ta đã phạm tội phá pháp.

Khi chưa thành tựu năm phần Pháp thân, chúng ta khó giáo hoá được chúng sanh, vì càng xây dựng nó càng chống trái. Nhưng trang nghiêm được thân tâm bằng năm phần Pháp thân, việc làm, lời nói của chúng ta đều là chân lý. Hành giả vào đời, mỗi người đi một hướng để đưa tất cả chúng sanh lên bờ giác. Đó là mục tiêu trước nhất. Nhờ tâm tiếp cận Pháp thân Phật, chúng ta được an vui, giải thoát, nên cũng ước mơ cho người thân kẻ oán đều tiếp thu ánh sáng trí tuệ Phật và cảm nhận sự an lành trong pháp giống như chúng ta.

Đoạn niệm hương này tuy ngắn, nhưng quan trọng. Không làm đúng như vậy, không nhấc ngũ uẩn thân thành tâm hương đi vào thế giới Phật để cầu nguyện, thì tụng trăm ngàn lần cũng vô ích.

Thâm nhập dâng cúng năm phần tâm hương cho Phật, tâm trí chúng ta luôn sống dậy Phật, pháp, Thánh Hiền. Từ đó, tạo thành thế giới Thật Báo của Phật trong tâm tưởng, nên dù cuộc sống có hẩm hiu, chúng ta vẫn cảm thấy an lành. Đó là giai đoạn hai, thế giới của tâm, của niềm tin hiện ra.

“Đốt nén tâm hương cúng Phật Đà. Lòng thành gửi tận chốn bao la”.

Tâm hương chúng ta gởi theo mây khói, đi xa hơn nữa, tới mười phương bao la, không cùng tận, chỗ nào có Phật, lòng chúng ta sẽ đến đó cúng. Ý này được diễn tả trong kinh Hoa Nghiêm : “Nhất thân phục hiện sát trần thân, nhất nhất biến lễ sát trần Phật”.

Chúng ta có nhân duyên căn lành, đời này bị kẹt trong xác thân ngũ uẩn nên thường bị vướng mắc với hiểu biết giới hạn của sáu giác quan. Tuy nhiên, nhờ có lòng thành cao, niềm tin lớn, chúng ta phá tung được vỏ ngũ uẩn, sáu giác quan của thân không còn tác dụng nữa.

Người nào có sống với cảnh giới Thiền định dễ nhận ra điều này. Chúng ta lìa ngũ uẩn vì lòng để vào thế giới Phật, nên mười phương Phật hiện ra. Nói cách khác, từ con người ngũ uẩn của chúng ta biến thành niềm tin, thành tâm hương thâm nhập pháp giới, đi khăép mười phương. Tùy lòng thành của chúng ta muốn đến đâu cũng được, vì đi bằng tâm niệm, không phải dùng xác phàm. Đây là loại hình thế giới tu chứng do tâm thành tột đỉnh mà tạo được.

Trên bước đường tu, thâm nhập được thế giới bao la, tức giới đàn vô tướng, có được những kỳ diệu, như một Phật tử đến nói với tôi rằng : “Con đã thấy Thầy mười mấy năm trước”, mặc dù trên thực tế thì đây là lần đầu gặp tôi. Điều này gợi cho tôi hiểu vô tướng giới đàn có khả năng mang tâm đại bi đi cùng khắp. Ta không có ý nghĩ đến với họ, nhưng ai có nhân duyên thì tự nhiên nhận được tương ưng.

Ngài Thiên Thai giải thích ý này bằng ví dụ nước không lên trăng, trăng không xuống nước, nhưng trong nước có trăng. Cảm ứng đạo giao ở trong vô hình, chúng ta không thể thấy bằng mắt và khó giải thích được, nhưng có thực. Giống như âm thanh và hình ảnh đưa vào thể điện, không thấy, nhưng truyền đi khắp mọi nơi.

Cũng vậy, người tu Bổn môn ngồi yên, tham thiền, tụng kinh, chuyển làn sóng điện vào vô tướng giới đàn và từ đây truyền xuống tâm thức của tất cả người có nhân duyên căn lành. Họ tiếp thu được và nghĩ đến ta, phát tâm bồ đề, thoát được khổ ách. Thành tựu được pháp này chứng tỏ chúng ta đã sử dụng được tâm hương ở giai đoạn hai.

Tuy lòng thành của chúng ta gởi tận chốn bao la, nhưng có định hướng rõ rệt, thể hiện qua lời : Cầu xin Tam bảo thường gia hộ. Tam bảo : Phật, pháp, Tăng là ba nơi mà chúng ta gởi tâm tới, không bao giờ lạc hướng.

Phật bảo hay hiểu biết sáng suốt, giác ngộ hoàn toàn. Chúng ta hướng tâm gởi lòng thành đến đó, đến bất cứ người nào sáng suốt, giác ngộ hay lòng mong cầu của chúng ta là mong cầu Vô thượng Bồ đề. Kế đến, màn vô minh che kín cuộc sống con người, chẳng ai biết bên kia cửa tử, chúng ta sẽ ra sao, chỉ trừ các bậc lục thông La hán. Vì vậy, tôi thường suy nghĩ về quả vị A la hán cho chúng ta biết được ngày giờ mãn duyên ở cuộc đời này, biết được người đến với chúng ta vì yêu cầu nào, giúp ích hay ám hại chúng ta. Nói chung, hàng đệ tử Phật thực tâm tu hành, ít nhất đều hướng đến quả vị lục thông La hán, từ bỏ tất cả toan tính của thế nhân, biết tất cả việc xảy ra cho ta và người, nghĩa là biết chân lý hay là pháp. Sau cùng, chúng ta nguyện đến với bậc chân tu thật học Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác để cùng làm pháp lữ tu hành.

Khi tham quan thế giới Phật, sống thân cận với Tam Bảo, chúng ta ước mơ Đức Phật ứng hiện trên cuộc đời, Bồ tát xuất hiện cứu khổ ban vui cho người, vì sức của chúng ta có giới hạn, khả năng yếu kém, thân phận hẩm hiu, thì làm gì được. Vì vậy, chúng ta khởi ý niệm mong cầu "Đạo pháp hoằng thông đến mọi nhà".

Nhà ở đây phải hiểu là nhà ngũ uẩn, tức từng con người, từng tâm hồn. Mong sao ai cũng tin Phật, không tin tà ma. Tin tà ma là tin gian dối sẽ giàu có. Tin Phật là tin nhân quả, nên phải sống đời sống chân chính. Tin Tam Bảo là tin trí tuệ sáng suốt, tin chân lý và tin người làm tốt, chắc chắn thế giới này sẽ an lành.

Ở giai đoạn hai, tu hành cầu nguyện, từ tâm đi vào thế giới bao la của Phật và sang giai đoạn ba, từ bao la trở về thực tế Ta bà. Trước ở thế giới Phật lý tưởng, thấy Phật, nghe pháp, đẹp tuyệt vời bao nhiêu, thì nay trở lại Ta bà, thấy thực tế kinh dị bấy nhiêu.

Tuy nhiên, dù có phũ phàng đến đâu, chúng ta bình tâm lại, mở mắt huệ ra mà quan sát thực tế, xét coi con người thực của mình là gì, tiền bạc có bao nhiêu, đạo đức và hiểu biết đến đâu. Thiên hạ cần gạo, chúng ta đáp lại bằng gạo, hỏi kỹ thuật phải trả lời kỹ thuật, hoặc nhờ che chở trước thế lực ác, chúng ta sẵn sàng bảo vệ họ. Như vậy, trở lại Ta bà tu, phải thấy rõ tâm địa

từng người mà đối xử. Mỗi người có hoàn cảnh sống và tu khác nhau, phải giải quyết được tất cả yêu cầu cho người.

Đối trước vấn đề quá khó như vậy, trong khi thân phận nghèo hèn, khổ nhục của chúng ta sống trong sanh tử khổ đau, làm sao giải quyết đây ? Nếu thực lòng tu, mặc dù còn nhiều phiền muộn khổ đau bao vây bức bách chúng ta hoặc còn bận rộn nhiều việc, chúng ta cũng quyết chí dành một niệm tâm, một niệm thức tỉnh nhỏ bé nào đó, phát tâm Bồ đề tu hành. Những việc lớn lao chúng ta không làm nổi, chỉ cố gắng nuôi dưỡng một niệm, tự dặn lòng rằng Ta bà là như thế, ai có xấu với ta thế nào đi nữa, chúng ta cũng đừng tệ với họ. Nó Ta bà, nhưng chúng ta phải giữ tâm hương để làm sợi chỉ vàng nối tiếp ta xuyên suốt với thế giới Phật. Ngược lại, nó Ta bà, ta cũng Ta bà lại, chúng ta đã đánh mất dây liên hệ với Phật, đành phải ở luôn thế giới phàm phu này với họ ! Còn gì kinh khủng hơn nhỉ !

Trước thực tế Ta bà như vậy, chúng ta không gửi tâm hương đi thế giới khác nữa, phải đốt nén tâm hương ở Ta bà. Nhắc đến Ta bà, chúng ta nhớ ngay đến đấng giáo chủ cõi này là Đức Thích Ca, vị Thầy duy nhất mà chúng ta cần nương theo tu hành.

Kinh Pháp Hoa, phẩm Như Lai thọ lượng đã khẳng định rằng Đức Phật không chết, Ngài vẫn thường trụ ở Ta Bà thuyết pháp, che chở chúng ta, nhưng chỉ người nào có tâm ý ngay thật, diệu hòa, mới thấy Phật. Chúng ta đi khắp mười phương cũng không thấy Phật nào khác ngoài Đức Thích Ca, vì Ngài xác định rằng ở chỗ khác, Ngài có tên khác, mang loại hình khác. Vì vậy chúng ta đến đâu đều có Đức Thích Ca hiện hữu bên cạnh, nên thốt lên : "Nhớ lời di huấn Đức Thích Ca. Cầu xin Bồ tát Tùng địa xuất. Thầm giúp cho người tụng Pháp Hoa."

Đức Phật dạy rằng Bồ tát mười phương đến Ta bà trợ hóa rồi cũng về bổn địa của các Ngài. Duy có Bồ tát Tùng địa dũng xuất giữ tạng bí Như Lai, phát nguyện giữ gìn người thọ trì kinh Pháp Hoa sau Phật diệt độ ở Ta bà.

Tôi cảm nhận sâu sắc lực gia bị vô hình của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni và Bồ tát Tùng địa dũng xuất luôn mật tá cho tôi trên bước đường tu, giúp tôi luôn sống trong an lành, thành tựu được Phật sự, mặc dù không tài giỏi, không khoẻ mạnh. Nhờ lực vô hình sắp xếp cho tôi làm đạo, khiến người lớn che chở tôi, người nhỏ thì tận tình với tôi. Những điều thật tốt, không tính toán được, do người không quen biết giúp đỡ bất ngờ trong cuộc sống tu hành, chúng ta thường gọi nôm na là gặp quý nhân. Khi chúng ta gặp tai

nạn, khó khăn, họ giúp không cần trả ơn và chúng ta tìm họ cũng không được. Trong đời tôi từng gặp không biết bao ân nhân mà tôi muốn trả ơn không được. Đối với tôi, đó là Phật gia bị cho Bồ tát Tùng địa dũng xuất đến giúp tôi vượt khó khăn, nguy hiểm một cách nhẹ nhàng.

Được các Ngài mật tá rồi, chúng ta tiến tu thanh thản. Tuy nhiên, vì nhìn thấy người khác tu Pháp Hoa không đúng pháp, bị nhiều tai nạn, khổ đau, chúng ta khởi tâm từ bi, nhờ Bồ tát Tùng địa dũng xuất thầm giúp cho họ cũng được may mắn như hành giả.

Đọc câu kệ cuối cùng này, có người chỉ trích rằng tôi ích kỷ vì chỉ xin Bồ tát giúp cho người tu Pháp Hoa.

Theo tôi, chúng ta tu hành cần phải kiến lập đạo tràng hay chuyên môn hóa pháp môn tu mới có kết quả. Ở Nhật, họ rất chú trọng vấn đề này. Họ có nhiều tông phái, mỗi tông tu khác nhau, người tu Thiền phải vào Thiền đường, không thể tu chung với người chuyên trì chú hay niệm Phật được. Chúng ta không chống nhau, vì tất cả pháp đều tốt, nhưng cách hành trì mỗi pháp khác nhau, nên tu chung sẽ thành chỏi nhau, chín người mười ý sao tu được.

Người tu Pháp Hoa mới có độ cảm và liên hệ với Bồ tát Tùng địa dũng xuất vì các Ngài chỉ hiện hữu trong thời Pháp Hoa và phát nguyện hoằng truyền, hộ trì người trì kinh Pháp Hoa mà thôi.

Chúng ta cầu nguyện Bồ tát Tùng địa dũng xuất, trong đó có bốn vị thượng thủ : Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh, An Lập Hạnh. Bốn vị này tiêu biểu cho bốn đức. Chúng ta phải thành tựu một trong bốn đức giống các Ngài, tức đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, mới có thể bước vào thế giới Pháp Hoa mầu nhiệm.

Bồ tát Tùng địa dũng xuất phát nguyện hành đạo mãi mãi ở Ta bà, người trì kinh Pháp Hoa cũng có nguyện như vậy. Chúng ta sống trên cuộc đời thể hiện được một trong bốn hạnh của các Ngài và Bồ tát ẩn mật giúp đỡ chúng ta. Đó là sợi dây liên hệ giữa ta và các Ngài. Đọc đến đây, chúng ta tự cảm trong thế giới vô hình có hàng hàng lớp lớp Bồ tát gia bị đến, chúng ta rất yên lòng. Các Ngài thầm giúp, không ai thấy, nhưng ta cảm nhận được sự trợ lực ấy, mới dám phát nguyện ở lại đây, không sợ.

Tóm lại, ba đoạn ngắn của bài kệ nguyện hương phát xuất từ tâm thành, tạo mối liên hệ mật thiết giữa ta, Phật, Bồ tát hữu hình, vô hình và chúng sanh ; không phải là lời rên rỉ van xin mà không được gì.

Từ khởi tu của phần tâm hương giúp chúng ta phát bồ đề tâm, thâm nhập đạo tràng, tiến tu giải thoát và mang an lạc đến cho người. Từ thế giới hiện tượng này, chúng ta tiến sang thế giới Thật báo của chư Phật mười phương, nghe được pháp âm Phật và thấy Phật nhiều hơn. Bấy giờ, mọi người, mọi vật được ảnh hiện qua lăng kính tâm của chúng ta. Tùy tâm mà tạo ra xấu đẹp, vui khổ. Vì vậy người tu không dại gì thấy xấu để khổ. Lúc nhỏ, tánh tôi dễ bực, nên tôi tập nhắm mắt nhìn vật để thấy thế giới đẹp bằng tâm bồ đề. Thấy bằng tâm tham vọng, đẹp không nổi.

Sau cùng, tâm hương đưa chúng ta đến thế giới Thường Tịch Quang, nhìn nhau dưới dạng Bồ tát Tùng địa dũng xuất thân màu hoàng kim, tiêu biểu cho ý Phật dạy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Tôi nhận được cốt lõi này, ứng dụng trong cuộc sống tu hành, chỉ tiếp xúc với ông Phật bên trong của người, với tâm bồ đề của họ, không giao thiệp với nghiệp ác bên ngoài, thì người xấu ác cũng trở thành tốt với tôi.

Mong rằng Tăng Ni Phật tử sử dụng được tinh ba của ba lời nguyện này trong cuộc sống tu hành để tâm hương của mỗi người chúng ta ở Ta bà mỗi ngày tỏa rộng lan xa cho cuộc đời này mãi mãi thơm ngát hương giới đức, hương từ bi, hương trí tuệ.

--- o0o ---

II - TÁN THÁN PHẬT

Xây dựng xong phần tâm hương đúng pháp, chúng ta mới thiết kế đạo tràng để thâm nhập pháp giới. Vì vậy, lúc nguyện hương, lực tập trung cao, tạo nên pháp giới thanh tịnh, chúng ta tiến tu, thực hành thêm được pháp khác. Hiểu như vậy, chúng ta nhận ra có lúc tụng kinh không thanh tịnh, không kết quả vì bố trí đạo tràng chưa đúng pháp. Chúng ta chỉ nói bằng lời, chưa thực nói bằng tấm lòng.

Nguyện hương, dâng lời tâm nguyện xong, giữa ta và chư Phật, Bồ tát thông nhau. Lúc ấy, không còn tượng Phật và ta bằng xương thịt, nhưng hiện hữu

con người tâm linh của chúng ta thông qua Báo thân Phật viên mãn phước đức, trí tuệ ở thế giới Thật báo trang nghiêm.

Thấy Phật bằng năm phần tâm hương, chúng ta mới phát ra lời khen ngợi công đức của Phật gọi là tán Phật. Trong 10 hạnh nguyện của Phổ Hiền Bồ tát, có pháp tu thứ nhì là xưng tán Như Lai.

Chúng ta khen ngợi công đức của Phật và lạy Phật, hai phần này phải liên hệ hỗ tương mật thiết với nhau. Nhiều người phạm sai lầm khi tu hai pháp này tách rời ra. Không kết hợp được pháp lạy Phật và ca ngợi Phật thì công đức khó sanh. Thấy người lạy cũng bắt chước mà không hiểu tại sao lạy. Trên bước đường tu, phải tìm thấy đức hạnh của Phật, khiến chúng ta có độ cảm và bấy giờ đảnh lễ Phật bằng tất cả lòng thành, bằng niềm cung kính tuyệt đối, công đức mới sanh.

Từ xưa có nhiều bài tán Phật bằng chữ Hán rất hay, nhưng nay tôi thấy nhiều người không biết chữ Hán, nên đọc suông, không cảm được, quả là uổng công. Thiết nghĩ người Nhật có kệ tụng tiếng Nhật, Trung Hoa có kệ tụng của họ. Tại sao chúng ta không sử dụng bài tán thán Phật bằng chữ Quốc ngữ cho dễ hiểu.

Khởi niệm như vậy và đến một ngày hữu duyên, do độ cảm Phật trong 40 năm tu hành, tự đáy lòng tôi phát ra bài kệ ca ngợi công đức Phật :

Tâm Thế Tôn mảy trần không bợn

Thân của Ngài vô tận phước lành

Từ bi cứu khổ độ sanh

Chúng con đảnh lễ chí thành quy y.

Nhìn Phật hay nhìn thân tâm Ngài để chúng ta bắt chước cách sống bên ngoài và đời sống nội tâm của Phật. Kiểm điểm diễn biến tâm linh và hành động của chúng ta, so với Phật, từ đó tự điều chỉnh thân dần dần cho giống Phật.

Tâm của Phật thanh tịnh, một chút xíu phiền não bằng hạt bụi cũng không dính vô được. Riêng chúng ta thường làm ít hay không làm được gì, nhưng lại thích khoe khoang, kể công. Nay quan sát thấy Phật hoàn toàn khác hẳn.

Ngài trải vô lượng kiếp tu hành, thành Vô thượng Đẳng giác, hiện thân mười phương giáo hoá chúng sanh, nhiều không thể tính kể. Trong pháp giới, không riêng loài người, mà cả bốn loài đều xem Ngài là đấng cha lành. Với vị trí cao tột như vậy, Đức Phật vẫn hoàn toàn thanh thản, lắng yên. Công đức Ngài tu tập từ quá khứ đến tận vị lai không bao giờ dứt. Tuy nhiên, tâm Ngài hoàn toàn trong suốt, giải thoát, lòng không vướng bận chút gì với những thành quả ấy. Từ so sánh đó, chúng ta xấu hổ, ăn năn, sửa mình lần, xoá bỏ những gì tồn tại trong lòng để tâm được thanh tịnh giống Phật.

Thân của Phật trang nghiêm bằng phước đức, trí tuệ thật lớn lao, vun chứa không biết bao công đức lành. Thật vậy, quan sát Báo thân Phật, nhận ra điều này rõ ràng. Mọi người làm gì cũng tự nguyện hồi hướng phước báo đến Ngài. Thực tế, xây chùa thờ Phật hay hoạt động Phật sự, nghĩa là nhắc đến Ngài, nhân danh Ngài để làm thì hằng tâm hằng sản dư thừa, ai cũng hết lòng. Trong khi chúng ta mang sổ đi xin tiền, họ có cho cũng khó chịu.

Chúng ta so sánh thân vô tận phước lành của Phật với thân phận nghèo đói hẩm hiu của mình để ăn năn, tu hành. Đọc với tâm niệm đó mới thực tu.

"Từ bi cứu khổ độ sanh. Chúng con đảnh lễ chí thành quy y".

Khi chúng ta quy y với Phật, phải có lý do. Chúng ta không nương theo người nào, nhưng đối với Phật thì sẵn lòng dâng cả thân mạng, không tiếc, không sợ. Thân tâm Phật đầy đủ những điều thiện mỹ. Tuy nhiên, kết lại, lấy lòng từ bi là chính. Phật chỉ sống với tâm từ bi, nên Ngài yên lặng, nhưng ai nghĩ đến Ngài đều được an vui giải thoát.

Chúng ta cũng đem so sánh lòng từ bi của mình với lòng từ bi của Phật. Lòng từ bi của chúng ta có chăng cũng chỉ giới hạn, cũng chỉ thương được người tốt với ta, không thể thương được người đánh chửi mình. Người muốn xin tiền ta, họ phải nói điều đau khổ cùng tột để chúng ta động lòng từ bi mới cho. Như vậy, lòng thương của chúng ta trốn sâu trong lòng. Trái lại, lòng từ bi của Phật đầy ắp, tràn cả bên ngoài, thể hiện từ ánh mắt đến dáng đi, lời nói, cử chỉ, không chỗ nào trên thân Ngài không hiện từ bi. Nhờ so sánh vậy, lần hồi tu theo Phật, chúng ta mới hiện được lời nói của từ bi, nét mặt của từ bi, việc làm của từ bi.

Mở cuộc hành trình từ Ta bà đi lần vào thế giới Thật báo và thế giới Thường tịch quang, chúng ta thấy rõ lòng từ bi của Phật đạt đỉnh cao và cụ thể hoá bằng việc làm giáo hóa tất cả chúng sanh, không bỏ sót một loài nào. Cảm

đức độ Ngài cao xa vời vợi mà thành kính rớt nước mắt, cúi đầu thốt lên : "Chúng con đảnh lễ chí thành quy y".

Đó là phương cách tu theo giáo tông, đem hình ảnh Phật và giáo lý vào lòng để từ từ lòng chúng ta thanh tịnh giống Phật, cho đến hiện thân bên ngoài và hành động giống Phật.

Thấy Phật, nghĩ Phật như vậy, chúng ta lạy Phật mới không cảm thấy mệt mỏi, nóng bức. Riêng tôi, trời nóng, tôi lạy Phật không đổ mồ hôi và thấy được công đức hiện ra. Tuy nhiên, điều này không đơn giản, không phải lúc nào chúng ta lạy cũng dễ dàng có độ cảm và gặt hái được công đức.

Cảm nhận sâu sắc phước đức vô lượng của Phật, chúng ta mới đảnh lễ xin theo Ngài. Bước đầu tu hành theo Phật, tôi thấy khó vô cùng. Đức Phật từ thế giới Thường tịch quang hiện thân lại thế giới này và Ngài từ Ta bà trở về đó. Ngài qua lại hai thế giới ấy thật quá dễ dàng. Riêng chúng ta từ đây muốn về thế giới Phật quá khó khăn. Chúng ta xin theo Phật về thế giới của Ngài, nhưng xin là một lẽ, có đi được hay không là việc khác. Phải có thân tâm như Phật mới vào ra thế giới Ngài dễ dàng. Chưa giống Phật, dù có nói hoài, chúng ta vẫn cứ ở đây trơ trơ, chẳng đi đến đâu. Làm thế nào để đến được với Phật, đó là tiền đề cho chúng ta suy nghĩ trên suốt lộ trình Bồ tát đạo vậy.

--- o0o ---

III - ĐẢNH LỄ PHẬT

C húng ta tán thán Phật có độ cảm rồi, bắt đầu lạy Phật. Pháp tu lạy Phật giúp thân tâm thanh tịnh, rất cần cho chúng ta ở đời sau. Thật vậy, hàng thượng căn thượng trí vào đạo bằng cửa pháp, cửa tâm. Người thấp hơn một nấc, nghe Phật nói thí dụ hay điều tương ưng với họ, liền liễu ngộ, tự điều chỉnh tâm ý thành thanh tịnh.

Hạng người thứ ba không có khả năng chứng ngộ lời Phật dạy, cần lạy Phật, sám hối để tiêu nghiệp, thấy đạo. Từ thuở nhỏ xuất gia, tôi siêng năng hành trì pháp lễ Phật, nhận được nhiều lợi lạc. Vì nghiệp chướng của chúng ta sâu nặng, thì thân cận người làm họ khó chịu, nghi ngờ, như vậy nghiệp ác ta càng dễ sanh. Chúng ta cố gắng lo cho họ, họ cũng không cần.

Theo tôi, chúng ta không cần chiều họ, vì vô ích, nên để tâm hướng đến Phật, Bồ tát thì tốt hơn. Các Ngài có tâm đại bi, thương chúng sanh vô điều

kiện, người trần gian không thể có tâm đó. Những vị chân tu đắc đạo đã vượt ngoài tám tướng sai biệt, đầy đủ khả năng lăn xả vào đời để cứu độ người nhiều nghiệp chướng.

Chúng ta lạy Phật, Bồ tát, hướng tâm đến các Ngài cầu gia bị, tâm cũng tự thanh tịnh lần. Kinh nghiệm tôi trên bước đường tu, lúc nhỏ thường bệnh hoạn, ốm yếu, người nhìn thấy nghi ngờ tôi ho lao.

Tuy nhiên, tôi hết lòng lạy Phật, gần Phật, Ngài không chê. Nói đúng hơn, lòng tôi thích nghĩ đến Phật hơn là nhớ đến người trần thế, nên cũng không muốn gần họ. Lúc đó, tuy mang thân nghiệp, nhưng tâm thông được với Phật, tôi có cảm giác hơn người thế tục, vì bỏ xác này, tôi còn biết đường đi về với Phật. Nhờ không quan tâm đến chúng sanh, lo tu cho chính mình, trải qua thời gian dài, độ cảm tâm với Phật cao, phiền não thế gian không tác hại. Từ đó, nghiệp tiêu, tâm hoan hỷ sanh, tướng hảo hiện.

Bước đầu lạy Phật, mệt đẫm mồ hôi là biết nghiệp ta nặng. Dần dần, nghiệp tiêu, hôi dơ cũng mất, không còn đổ mồ hôi. Và tiến hơn nữa, không cảm thấy mệt mỏi, nhưng thấy vui. Cho đến không lạy Phật, có cảm giác như thiếu hụt, mất mát. Điều này chứng tỏ nghiệp ác giảm, căn lành tăng trưởng.

Đạt được thành quả ấy, người xem thường chúng ta bắt đầu để ý, tìm hiểu về ta. Tuy nhiên, khi căn lành sanh, phải cố gắng nuôi dưỡng nó. Nếu không, căn lành sẽ ốm bịnh, chúng ta trở thành nhất xiển đề, không tu được. Thực tế cho thấy nhiều người tinh tấn một thời gian, sau lại trở nên ác xấu, vì họ đã để cho căn lành chết mất.

Mỗi ngày siêng năng lạy Phật, tụng kinh và suy nghĩ lời Phật dạy, ứng dụng trong cuộc sống, căn lành sẽ lớn dần theo thành quả tu hành của chúng ta, tác động cho người sanh thiện cảm với ta.

Trên bước đường tu, đến đây, nhiều người thường dễ bị hư. Bước đầu, không được ai ngó ngàng, dễ tu, nhưng hảo tướng sanh thì ở đâu cũng mời thỉnh. Chúng ta phải quán sát căn lành của mình có đủ sức thuyết phục bạn ác hay không ? Nếu căn lành ta nhỏ, mà nghiệp của người thì lớn, họ sẽ dập chúng ta chết, ví như cây mới lên, phải coi chừng nhổ cỏ dại. Chúng ta tiếp xúc với người, lòng vẫn an nhiên, mới nên tiếp tục giúp họ, để căn lành của họ và ta cùng tăng trưởng. Nhưng căn lành của ta không ngăn chặn được nghiệp ác của người, thì coi chừng ta bị họ độ ngược lại.

Bước đầu tu phải dè dặt. Chỉ giúp đỡ người đến mức độ nào mà ta có thể kiểm soát được. Vì vậy, căn lành còn nhỏ, chỉ nên chơi với người tốt. Vượt quá sức, chúng ta bị hại, tức phạm sai lầm rồi, người xem thường chà đạp, chắc chắn chúng ta khó tiến tu. Chỉ còn cách lạy Phật, sám hối, hướng về Phật, Bồ tát để tu lại. Tất nhiên là phải cực khổ hơn giai đoạn một ta bắt đầu phát tâm tu. Âm thầm nỗ lực sám hối đến khi người không thấy ta xấu, mới trở lại tu chung với đại chúng được.

Chúng ta tán thán Phật, tạo được độ cảm tâm rồi, đầu tiên lạy Tam bảo vì Phật dạy muốn tu phải quy y Tam bảo, dù xuất gia hay tại gia. Ở đây chúng ta hướng về mười phương Tam Bảo quy y :

"Nam mô quy thập phương tận hư không giới nhất thiết chư Phật.

Nam mô quy y thập phương tận hư không giới nhất thiết tôn pháp.

Nam mô quy y thập phương tận hư không giới nhất thiết Hiền Thánh Tăng".

Thực tế chúng ta tu dễ cảm điều này. Ở thế giới Ta bà toàn là chuyện phiền muộn, dễ chán, nên không để tâm. Bắt đầu tu hành, phải gá tâm ở Tịnh độ mười phương. Chỗ nào có Tịnh độ, chúng ta theo. Chỗ nào Ta bà, chúng ta rời bỏ. Mang tâm niệm tầm đạo, tầm tri thức mười phương, nghĩa là đặt niềm tin ở thế giới an lành.

"Nam mô quy y thập phương tận hư không giới nhất thiết chư Phật".

Khởi điểm chúng ta tình nguyện đi theo Phật ứng hoá thân trên cuộc đời. Thấy Phật ứng hóa thân chỗ nào, hiện trong các loài, mang các thân hình thuyết pháp, chúng ta thấy biết được, cũng đến bằng tất cả lòng mình, dù Phật ở chân trời góc biển nào. Vì vậy, quy y Phật không có ý nghĩ ở chùa, nhưng bất cứ chỗ nào có Phật, chúng ta cũng tới, không nề gian nguy khổ cực.

Chúng ta tới với Phật bằng thân hay tâm. Tuy nhiên, vì sanh vào lúc không có Phật trên cuộc đời, nên chỉ có thể đến với Phật bằng tâm hay thức. Đứng yên, hướng tâm về nơi xa xăm, bằng lòng thành đó, chúng ta quy y với Phật, mới thấy được Ngài. Có bao nhiêu Phật trong mười phương, chúng ta có bấy nhiêu tâm thức để lễ. Tôi lễ Phật theo cách này nên thường quên hết tất cả việc bên ngoài. Quan trọng là giữa tâm thức tôi nở bung pháp giới và Phật xuất hiện trong đó để tôi đảnh lễ. Bằng thần thức lễ Phật, nghĩa là mỗi ngày

đọc kinh, biết được việc làm của mười phương Phật, thần thức tiếp thu đưa vào A lại da thức. Bất giác một hôm, chúng ta ngủ quên, thì A lại da mở cửa cho Phật đó hiện ra.

Sơ tâm tu phải luôn sống với Phật, hướng về chân lý và để tâm đến tam thừa tứ quả giải thoát Tăng. Đừng hướng đến nghiệp Tăng, ác Tăng, họ sẽ truyền cho chúng ta phiền não, nghiệp chướng trần lao.

Quy y thập phương Hiền Thánh Tăng gồm Hiền Thánh Tăng của nhị thừa và Bồ tát thừa. Hiền vị của nhị thừa là người đắc từ sơ quả đến tam quả và hàng A la hán là Thánh vị. Tam Hiền của Bồ tát thừa thuộc hàng thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng. Hàng Thánh vị của Bồ tát thừa từ sơ địa đến thập địa.

Khi xướng lên câu :

“Nam mô quy y thập phương tận hư không giới nhất thiết Hiền Thánh Tăng”, chúng ta cảm nhận rằng nhờ nương theo Hiền Thánh Tăng và dùng giải thoát tri kiến hương, thấy được đồng lúc mười phương Phật.

Tận hư không giới mười phương có bao nhiêu Đức Phật hiện ra, ta đều đảnh lễ. Trên lộ trình tu tập, tùy mức độ hành trì mà thấy tận hư không giới mỗi ngày một khác. Dưới tầm mắt của A la hán, thấy được 75 ức Phật độ.

Qua tận hư không giới của Bồ tát cộng thêm 76 ức Phật độ và đến tam kỳ quả mãn, phần tận hư không giới cộng thêm 77 ức Phật độ. Đó là mức độ thấy được tất cả pháp giới.

Hàng tam thừa tu lễ cho đủ túc số này. Nhưng đặc biệt là theo Viên thừa, chỉ lạy Hồng danh thông được tất cả pháp. Vì vậy, Ngài Bất Không Tam tạng tán thán pháp Hồng danh sám hối là pháp cao tột.

Nhờ nương với Tam bảo mười phương, lạy ứng hóa thân Phật, Bồ tát và học giáo nghĩa của các Ngài lưu lại, tâm chúng ta từ từ an lành, trí tuệ sáng ra. Từ đó, nhìn ngược lại mới nhận ra Tam bảo của Pháp Hoa hay Phật thừa vượt lên sanh diệt, thường hằng, miên viễn, chúng ta sung sướng niệm :

“Nam mô Tối thượng thừa Viên giáo Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.”

Bước đầu niệm Phật, pháp, Tăng, nhưng nay tu Pháp Hoa niệm ngược lại, pháp trở thành chính, Phật là phụ, vì kinh Pháp Hoa là mẹ sanh ra các Đức

Phật. Chư Phật đều do tu hành chánh pháp, mới thành Phật, nên pháp là chân lý có trước, Phật ra đời sau. Dù Phật nào cũng phải an trụ chân lý, rời bỏ chân lý không còn là Phật nữa.

Vì vậy, trước tiên chúng ta quy y pháp là Tối thượng thừa Viên giáo Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, chỉ cho chân lý, khác với pháp phương tiện. Pháp đó cao tột dung thông được tất cả pháp. Trên tinh thần hành trì được pháp viên dung vô ngại, hành giả đến với người tu các pháp khác như tham thiền, trì chú, niệm Phật, Khất sĩ, Nam tông... , chúng ta được họ chấp nhận và trở thành người xuất sắc nhất. Trái lại, nếu đến với người mà bị đánh đuổi, thì không phải là Pháp Hoa.

Tu Pháp Hoa phải kết hợp được Diệu pháp và Liên hoa, nghĩa là bên trong đầy đủ chân thật pháp bất biến và bên ngoài tùy duyên làm lợi ích cuộc đời. Ai cần, ta sẵn lòng giúp; xong việc, ta là ta. Ta không là của ai, nhưng là của tất cả.

Khi nhận ra được Pháp Hoa là mẹ của các Đức Phật, chúng ta quyết tâm tu theo diệu pháp, tìm thấy được trong phẩm Như Lai thọ lượng, Đức Phật khẳng định Ngài thành Phật từ vô lượng kiếp trước. Kinh diễn tả bằng con số ngũ bách ức trần điểm, không phải mới thành. Đức Phật đã thành Vô thượng chánh đẳng giác từ lâu xa đó là Báo thân Lô Xá Na. Từ Phật Báo thân viên mãn Lô Xá Na mới hiện ra trăm ngàn muôn ức ứng hóa thân để giáo hóa chúng sanh. Phật Thích Ca là một hiện thân trong loài người.

Nhờ có sự hiện hữu của Phật Thích Ca trên cuộc đời, chúng ta nương theo hình bóng của Ngài mà tìm được Đức Phật cửu viễn Lô Xá Na kết hợp bằng phước đức, trí tuệ đầy đủ.

Chính vì cốt lõi bên trong của Phật Thích Ca là Báo thân viên mãn, nên hiện đời mang sanh thân như mọi người, nhưng Đức Phật Thích Ca tiêu biểu cho mẫu người hành Viên giáo, dung được và tổng hợp được tất cả, không vướng mắc pháp nào. Ngài hiện hữu sáng ngời trên cuộc đời, từ trẻ già, giàu nghèo, khôn dại, đều tôn Ngài là bậc Thầy, là đấng cha lành. Tâm Phật hàm chứa pháp tối thượng viên dung vô ngại và hiện ra bên ngoài 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp và cuộc sống cao thượng thể hiện đầy đủ Diệu Pháp Liên Hoa.

Thấy được Đức Phật là bậc sáng suốt nhất, cao cả nhất, phước đức nhất, dung thông tất cả, chúng ta sung sướng đảnh lễ :

“Nam mô Cửu viễn thật thành đại ân giáo chủ Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật”.

Đó là Đức Phật bất sanh bất diệt thành Phật từ lâu xa, không phải mới thành. Cả một công phu hành Bồ tát đạo trong quá khứ, không đơn giản, nhờ vậy đời này Ngài hiện thân lại, thông minh xuất chúng, văn võ song toàn, mới 12 tuổi mà giỏi đến độ không thầy nào có khả năng dạy được.

Ngài thành Phật từ ngũ bách ức trần kiếp ở trong thế giới Thường Tịch Quang, không ai có thể xâm phạm. Vì thương nhân gian, Đức Phật phải mang thân ngũ ấm Thích Ca Mâu Ni để dìu dắt chúng ta trở về với cuộc sống vĩnh hằng an lạc như Ngài.

Cảm nhận sâu sắc lòng từ vô hạn của Phật như vậy, chúng ta mang cùng tâm trạng với Xá Lợi Phất ở hội Pháp Hoa, rơi lệ bạch Phật rằng tu hành theo ngoại đạo thiệt khổ sở, nhưng khổ rồi vẫn hoàn khổ. May nhờ Phật mở lối đưa đường, trong chớp mắt đạt quả vị A la hán. Ơn lớn của Thế Tôn, dù có dùng đầu đội, vai mang trong vô số kiếp, cũng không đền đáp được.

Chúng ta dùng tâm kiên cố ấy mà đảnh lễ quy y với Đức Phật cửu viễn có tâm kim cang bất hoại và thầm cám ơn Ngài đã khai mở chân lý.

Sau đó chúng ta lạy :

Nam mô Pháp Hoa Kinh chứng tín thị hiện Đa Bảo Như Lai, tiêu biểu cho Tăng bảo của Pháp Hoa.

Trước chúng ta lạy Hiền Thánh Tăng là người thay Phật giáo hóa chúng sanh. Nay Tăng của Bổn môn Pháp Hoa chỉ cho Đức Đa Bảo Như Lai là vị Phật quá khứ hiện thân lại nghe Phật Thích Ca thuyết pháp mới có chân lý, vì chân lý chỉ phô bày khi người nói và người nghe đồng đẳng, thông nhau.

Phật Thích Ca nói không lời và Đa Bảo nghe không tiếng. Hai tâm của Đa Bảo và Thích Ca thống nhất thành một, thể hiện Tam Bảo của Pháp Hoa có một. Thật vậy, mặc dù chia Tam Bảo thành ba là : Pháp tiêu biểu bằng Diệu pháp, Phật tiêu biểu bằng Đức cửu viễn thật thành Thích Ca Mâu Ni và Tăng là Đa Bảo. Nhưng ba phần này hợp thành một, vì Đức Thích Ca thành Phật do ngộ pháp và Ngài từ chân lý hiện thân trên cuộc đời vận dụng pháp, nói pháp cho người. Ai nghe, tu hành, ngộ được bản nguyên, trở về chân lý.

Trên tinh thần ấy, lạy kinh Pháp Hoa, lạy Phật cửu viễn thật thành Bổn sư Thích Ca Mâu Ni và Đa Bảo, nhằm mở ra cho chúng ta hiểu biết như vậy và đánh thức Phật tâm bên trong của chúng ta. Vì vậy, tu bên ngoài nhưng không tỉnh thức bên trong chỉ là nấu cát muốn thành cơm. Chúng ta thấy nhiều người càng tu càng dữ, càng khờ, vì phạm sai lầm này.

Với cách tu đánh thức bên trong bằng cách đem Phật, Pháp, Tăng vào lòng, lâu ngày ba điều quý báu này tự hiện ra trong cuộc sống chúng ta. Bổn môn Pháp Hoa diễn tả rằng tâm họ là Thiền, thân làm giống Phật, lời nói là pháp.

Đức Phật sanh tiền thuyết pháp làm an vui cho người, chúng ta từng bước cũng làm như vậy mới đắc đạo. Tâm là Thiền, chỉ cho tâm yên tĩnh đến mức độ trần duyên không khuấy động được.

Tâm thanh tịnh, trong suốt, hòa hợp, không chống trái, tiêu biểu qua hình ảnh Tăng già. Trên bước đường tu, lần lần phát triển yên tĩnh, sáng suốt ngay trong lòng, mặc cho cuộc đời làm gì cũng được, đừng để tâm ta giao động. Tu như vậy, nên khi bị ai làm phiền, tôi sợ và phục họ. Trái lại, bị khuấy phá, tôi không khởi niệm tức giận, tôi sung sướng vì tự biết mình gần được Phật.

Người được bản tâm thanh tịnh rồi, việc làm và lời nói của họ đều là chân lý. Người chưa đắc đạo, dù có nói chân lý cũng thành tà pháp. Điều này dễ nhận ra trên thực tế, chúng ta thấy người tốt, họ nói gì cũng tốt. Người không có đạo đức, dù có trau chuốt lời hoa mỹ, cũng chẳng ai tin được.

Quan trọng ở hành động và tâm của chúng ta. Chính vì vậy, có khi Thầy rầy mắng chúng ta, nhưng đó là lời đạo đức, người nịnh mà chúng ta vẫn thấy đó là lời phi đạo đức. Thuở nhỏ, học với Hòa thượng Trí Tịnh, tôi luôn nhớ Ngài dạy rằng nghe người khen phải tự xét lại mình, nên từ chối lời khen hay cố gắng vươn lên cho được như vậy.

Chúng ta nương theo Tam bảo, thấy Phật Đa Bảo từ quá khứ hiện thân trong suốt, Phật Thích Ca là đấng vô thượng năng nhơn và lời Phật nói nhằm khai thị nhất thừa. Chúng ta cũng đánh thức cái trong suốt, đánh thức phần vô thượng năng nhơn, điều chỉnh lời nói và cuộc sống của chúng ta.

Trên căn bản đó, chúng ta càng thu ngắn khoảng cách giữa thế giới xa xăm của chư Phật và thế giới này gần lại bao nhiêu, thì càng dễ tiếp cận chân lý bấy nhiêu. Thu ngắn bằng cách nào ? Theo tôi, khi phát nguyện đồng hạnh

với Bồ tát nào, sẽ được vị ấy gia hộ. Trở về thực tế, được một hạnh Bồ tát nào, sẽ có Bồ tát hữu hình hay một số người tốt đến hợp tác, giúp đỡ và thương quý chúng ta. Làm được như vậy, chúng ta kéo Tịnh độ gần lại Ta bà, vì mang qua đây được một Bồ tát là đẩy được một ác ma. Khi tu, ác ma còn đến quấy nhiễu, tự biết chúng ta còn cách xa đạo, chưa phải người trì kinh Diệu Pháp.

Theo tinh thần Pháp Hoa, Tịnh độ và Ta bà chỉ là hai mặt của một bàn tay. Khởi một niệm ác là Ta bà, một niệm thiện là Tịnh độ. Tịnh độ của Pháp Hoa nằm trong tâm của chúng ta.

Tóm lại, đi trên lộ trình tu hành, quy y theo Bổn môn Pháp Hoa, Đức Đạo sư dẫn chúng ta nhập môn qua cửa Tam Bảo mười phương, mở ra chân trời an lạc. Có được hành trang quý báu ấy, chúng ta tiến lên thâm nhập thế giới Pháp Hoa, kính lễ Đức Phật hằng hữu miên viễn, bất sanh bất diệt và Đức Đa Bảo Như Lai.

Mong rằng Tăng Ni Phật tử luôn nhiếp tâm an trụ trong diệu pháp, thân luôn hiện hữu tươi đẹp lợi ích cuộc đời, ngõ hầu báo đáp công ơn muôn một của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni Phật.

---o0o---

A - LỄ PHẬT QUÁ KHỨ

Tu Pháp Hoa không đặt nặng vấn đề văn tự, ngữ ngôn, nhưng chú trọng đến thọ trì cốt lõi của pháp để tiến tu có kết quả. Nghi thức thọ trì Bổn môn Pháp Hoa gồm năm phần : Nguyện hương, lễ Phật, sám hối, phát nguyện và hồi hướng.

Trước tiên, chúng ta đảnh lễ Phật trong kinh Pháp Hoa nhằm mục tiêu trồng căn lành với các Ngài. Điều này cần thiết, vì Phật dạy rằng không có căn lành, không thể thọ trì Pháp Hoa. Muốn trồng căn lành phải thực hiện pháp lễ bái cung kính các Đức Phật, mang hình ảnh thánh thiện của Ngài vào tâm.

Tiến sang giai đoạn hai, ngoài việc kính lễ Phật, chúng ta cần tìm nghĩa lý sâu xa của kinh, xem Phật suy nghĩ như thế nào để hướng tư tưởng theo đó. Đây là pháp trồng căn lành ở Phật huệ.

Thực hành hai pháp này lâu ngày, thân tướng trở thành dễ thương và nhận thức sáng suốt giống Phật, tức nuôi lớn căn lành của chúng ta. Trên nền tảng đó mới có tư cách thọ trì Pháp Hoa.

Sau cùng, chúng ta muốn đi theo lộ trình Pháp Hoa, tất yếu phải tu Bồ tát hạnh, vì Pháp Hoa là pháp tu của Bồ tát, làm việc cứu nhân độ thế, lợi ích cho người.

Trong ba pháp tu trồng căn lành này, bước đầu từ thuở nhỏ, ngày nào tôi cũng lạy Phật, ít nhất 200 lạy. Tự nguyện lạy với tất cả tâm hoan hỷ và lòng thành kính, không phải bị bắt buộc. Trong khi các chú tiểu khác đi ngủ sau thời công phu khuya, tôi tiếp tục lễ Phật. Nhờ vậy, tinh thần thư thái, sáng suốt, nên lễ xong, tôi lại đọc kinh sách, dễ dàng nhận ra được ý Phật dạy.

Người có căn lành và sống với căn lành, tự nhiên tâm tánh khác với người mang nghiệp ác. Người ác thường có tâm niệm tranh chấp, muốn hưởng thụ, nhưng không chịu làm việc. Trái lại, người có căn lành, tu Bồ tát pháp, phát tâm bồ đề, bản thân họ không cần gì, chỉ thích làm lợi cho người.

Riêng tôi, nhờ siêng năng lạy Phật, thọ trì lý kinh, phát triển căn lành thêm sâu dày, tác động cho tôi vui thích công quả. Bất cứ tu ở chùa nào, tôi cũng tự mình tìm kiếm việc làm, không nề hà việc khó, việc khổ, không đợi sai biểu, bắt buộc mới làm.

Trong phần lễ Phật, tôi trích ra danh hiệu Phật, Bồ tát trong kinh Pháp Hoa. Chúng ta lễ lạy để liên hệ với các Ngài, học kinh nghiệm hành đạo của bậc tiền bối, ứng dụng vào cuộc sống hiện tại cho được lợi lạc.

Mở đầu, chúng ta quy y đảnh lễ Tam bảo mười phương và Tam bảo theo tinh thần Pháp Hoa, hành giả đảnh lễ ba đời mười phương các Đức Phật, hiện thân trên cuộc đời giáo hóa chúng sanh. Với pháp tu này, ba đời mười phương Phật được thu lại trong một niệm tâm của chúng ta, nhưng khi mở ra, không đâu không đến được.

Riêng tôi, 20 năm trước, chuyên thọ trì Hồng danh Pháp Hoa, nhận được an lành và niềm hoan hỷ vô cùng tận. Tôi cảm thấy giữa Phật và tôi có mối liên hệ gần gũi thân thương. Thiết nghĩ nhiều đời tôi đã từng thân cận, cúng dường các Ngài, nên đời này nhắc đến tên, thấy quen liền. Không có độ cảm này, tức không có nhân duyên với Phật, với kinh Pháp Hoa, tu hành khó kết quả.

Nghe danh hiệu Phật, nhận ra liên hệ thân quen và gợi nhớ xa thêm các Ngài đã từng làm những việc thánh thiện gì. Nhớ lại công hạnh Phật quá khứ, tất nhiên cũng nhớ đến quá khứ của ta mà cảm thấy xấu hổ, vì ta như thế nào mới ra nông nỗi như thế này. Lạy Phật, so sánh như vậy, chắc chắn chúng ta hết lòng ăn năn, sửa đổi, tu hành.

Lễ Phật ba đời mười phương là cách lễ của người tu Đại thừa. Lễ Phật quá khứ là học kinh nghiệm tu đạt kết quả hoàn hảo của bậc tiền bối. Lễ Phật hiện tại là cầu thiện tri thức giúp đỡ và lễ Phật vị lai là tranh thủ người chống đối trở về với chúng ta.

Như vậy, đảnh lễ ba đời mười phương Phật, chúng ta muốn tạo một thế giới hay một xã hội mà mọi người đều là Phật. Vì chúng ta đang sống trong thế giới đầy nghiệp chướng và phiền não, tràn ngập tranh giành, thù hận, sát hại nhau. Từ thế giới khổ đau này, chúng ta phát tâm bồ đề, tu hành, lần lần thăng hoa đời sống tâm linh, phát triển Phật huệ, thấy được dòng hiện hữu liên tục của Phật quá khứ, nối tiếp đến Phật hiện tại và Phật vị lai.

Kinh Pháp Hoa nêu 10 vị Phật quá khứ. Nhìn về Phật quá khứ, tức nhìn những tấm gương sáng trong lịch sử. Đức Phật nhắc cho chúng ta nhân hạnh tu hành của các vị Phật quá khứ như Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, Phật Oai Âm Vương, v.v..., để chúng ta nương theo đó mà tự rèn luyện, sửa mình.

Theo kinh nghiệm tu của riêng tôi, vị Phật nào tôi cảm thấy gần gũi nhất thì lúc có sự cố gì trong cuộc sống tu hành, tôi nhớ ngay đến vị Phật đó và thấy công hạnh các Ngài hiện ra. Trên bước đường tu, chúng ta không cảm đức, không thấy nhân địa tu hành của Phật, chỉ lạy suông, không thể có kết quả.

Kính lễ chư Phật quá khứ không còn hiện hữu trên cuộc đời, nghĩa là trân trọng cả một sự nghiệp trí tuệ của các Ngài để lại, làm gương sáng cho chúng ta noi theo.

1 - ĐẢNH LỄ PHẬT OAI ÂM VƯƠNG

Mở đầu là Phật Oai Âm Vương. Theo Thiền tông, Oai Âm Vương là vị đầu tiên ngộ pháp thành Phật. Ở thời kỳ trước Ngài, không có Phật. (Oai Âm Vương Phật tiền, dĩ pháp ấn tâm).

Đối với hành giả Pháp Hoa, lạy Phật Oai Âm Vương là lạy hai muôn ức Phật, tạo cho ta độ cảm đảnh lễ Đức Phật khởi thủy. Đức Phật quá khứ này dẫn đến hiện tại và mãi trong tương lai vẫn hiện hữu không mất. Điển hình như tiền thân của Phật Thích Ca là Thường Bất Khinh đã từng hành đạo Bồ tát trong thời tượng pháp của Phật Oai Âm Vương. Nhờ có đối tượng là các Tỳ kheo tăng thượng mạn đánh chửi, ném đá, Ngài chứng ngộ pháp, nghe được 200 muôn ức bài kệ Pháp Hoa của Phật Oai Âm Vương thuyết, lậu tâm được thanh tịnh, thấy thật tướng các pháp. Lúc trước, Thường Bất Khinh nói, họ đánh chửi, không nghe. Sau khi ngộ chân lý, thấy cái đáng nói, đáng làm, thì hàng tăng thượng mạn quay lại cầu học.

Oai Âm Vương nghĩa là lời nói có quyền uy cao nhất. Pháp của Oai Âm Vương tiêu biểu cho chân lý thể hiện dưới dạng quyền uy tuyệt đối, tức lời nói phải đúng chân lý, làm lợi ích cho người an vui, giải thoát.

Chúng ta lạy Phật Oai Âm Vương hay học theo hiểu biết tuyệt đối của Ngài, từ đó phát ra lời nói xác thực, có giá trị. Lạy Phật Oai Âm Vương , cũng khiến tôi nhớ đến lời dạy của Hòa thượng Trí Tịnh nhắc nhở “ Biết là nói được. Và còn phải biết thêm có nên nói hay không và nói ở đâu, nói với ai, lúc nào”. Nói không đúng lúc, không đúng đối tượng hoặc bắt chước lặp y lời người lớn, đều có thể chuốc họa vào thân.

Tôi lạy Phật Oai Âm Vương hình dung hiểu biết tuyệt vời, lời nói có uy lực tuyệt đối của Ngài mà nhớ đến thân phận mình cố gắng phát huy tự thân. Với phương cách lạy Phật, quán tưởng và thể nghiệm trong cuộc sống tu hành như vậy, tôi được Phật lực gia bị, lần hồi từng bước, lời nói cũng có giá trị, được một số người tôn trọng, nghe theo.

2 - ĐẢNH LỄ PHẬT NHẬT NGUYỆT ĐĂNG MINH

Tuy nhiên, để cho việc thấy đúng và lời nói có giá trị, kinh Pháp Hoa giới thiệu chúng ta học thêm với Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh.

Khi lạy Ngài, chúng ta nhớ đến phẩm Tựa trong kinh Pháp Hoa, theo đó nghi thức nói pháp chân thật của các Đức Phật đều giống nhau. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi từ vô lượng kiếp trước mang tên là Diệu Quang đã thấy Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh hiện thần biến tướng trước khi nói kinh Pháp Hoa.

Lạy Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh là lạy hai vạn Phật đồng tên và đồng họ Phả Loa Đọa. Đức Phật này đã có trước khi Phật Thích Ca ra đời. Lạy Ngài để mong được ánh quang của Ngài soi rọi đến ta, để thu ngắn thời gian hành đạo và tiếp nhận được pháp chân thật.

Nhờ pháp tu này mà chỉ trong 49 ngày, Nhật Liên Thánh nhân thấy được các Đức Phật quá khứ, nghe được pháp âm và được xưng tụng như Thượng Hạnh Bồ tát.

Hai vạn Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh tuần tự ra đời, mang cùng tên, nhằm chỉ chân lý hằng hữu, tức bất cứ Phật nào cũng phải giống nhau ở điểm Nhật, Nguyệt, Đăng, Minh.

Minh là ánh sáng. Nhật là mặt trời. Nguyệt là mặt trăng, Đăng là đèn. Nghĩa là Phật có ánh sáng trí tuệ, biết và làm được tất cả ; nhưng tùy thời, tùy chỗ, sử dụng trí tuệ khác nhau, nên phân ra có ánh sáng mặt trời, mặt trăng và đèn.

Nhật, nguyệt, đăng, tiêu biểu cho ba thân Phật. Một Phật nhưng hình dung thành ba thân. Nói cách khác, một nguời muốn làm được việc phải có ba điều kiện hay hằng hữu dưới ba dạng khác nhau; có lúc như mặt trời, lúc là mặt trăng hay ngọn đèn.

Mặt trời chỉ cho Pháp thân Phật muôn đời không thay đổi. Trí tuệ tuyệt vời của Pháp thân Phật ví như ánh sáng mặt trời cực mạnh, cao nhất, nắm bắt chân lý và vận dụng chân lý tự tại.

Theo tinh thần này, trong thời Pháp Hoa, Đức Phật thuyết chân lý. 5.000 Tỳ kheo tăng thượng mạn bỏ đi, không nghe. Đức Phật khẳng định họ là cỏ rác, ra đi càng tốt.

Các thời pháp trước, Phật không nói thẳng như vậy. Vì lòng từ bi, muốn cho mọi người đến gần chân lý, Ngài phải sử dụng ánh sáng mát dịu hơn, không nóng gắt như ánh mặt trời. Ngài vỗ về, khuyến khích chúng ta tu, giáo hóa bằng cách lấy Ngài làm thí dụ để chúng ta noi theo tu hành.

Ai bắt chước thực hành theo, được Phật khen ngợi, không theo thì thôi. Ngài không nói thẳng lỗi, nhằm tránh chạm tự ái. Đức Phật đối với chúng ta tràn đầy lòng khoan dung y như bà mẹ hiện đối với đứa con ngu dại.

Ánh sáng mặt trăng trong đêm dài sanh tử thỉnh thoảng lóe lên. Nơi nào có nước, dù nước đục hay trong, đều có trăng hiện vào. Cũng vậy, người nào có tâm hồn dịu hòa, ngay thật đều thấy Phật. Phật này là Phật Báo thân giáo hóa chúng sanh.

Tuy nhiên, ở thế gian tìm được người ngay thật, dịu hòa, không dễ. Ngoài ra, còn đỏi hỏi tâm hồn chúng ta lắng yên hoàn toàn, mới tiếp nhận được Báo thân Phật soi sáng. Tâm vừa ngay thật, dịu hòa, vừa yên tĩnh. Điều này quá khó đối với chúng sanh đầy nghiệp chướng ở Ta bà, nên chúng ta không thể nào hiểu và thấy được Báo thân Phật.

Từ đó, Ngài muốn giáo hóa chúng ta, phải ứng hiện mang thân tứ đại, ngũ uẩn giống như ta. Phật hiện sanh thân, dùng ngôn ngữ và thân người để giáo hóa, rồi Niết bàn, được tiêu biểu bằng cây đèn.

Nhờ ngọn đèn của Phật rọi đường, tức nương theo kho tàng giáo lý của Ngài để lại, chúng ta thoát ra khỏi đường hầm sanh tử. Như vậy, ánh sáng giác ngộ hay trí tuệ của Phật phân làm ba thứ : giáo hóa chúng sanh trên tâm bình đẳng, trên Bồ tát hạnh và ứng hiện tùy loại hình.

Chúng ta lạy Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, liên tưởng đến Pháp thân, Báo thân và Ứng thân Phật, cũng tự luyện cho mình có ba thân hay ba tâm : bình đẳng, đại bi và hằng thuận.

Càng lạy, càng nuôi lớn ba tâm này, chứng tỏ chúng ta đang cảm hạnh Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh và nhận được lực Phật gia bị. Nếu không sanh trưởng được ba tâm này, tức không phát huy được Pháp thân, Báo thân của chính mình, coi như lạy vô ích.

3 - ĐẢNH LỄ PHẬT NHIÊN ĐĂNG

Cuối thời Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh có Phật Nhiên Đăng. Nhiên Đăng nghĩa là mồi đèn. Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh có đủ ba thân giáo hóa chúng sanh, nhưng Phật Nhiên Đăng mang tính thừa kế chư Phật mà kinh diễn tả là Phật sau cùng.

Trước kia, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh làm được tất cả, khi là mặt trời, lúc làm mặt trăng hay làm ngọn đèn. Đến thời Phật Nhiên Đăng, không thể được

như vậy. Phải lùi xuống một nấc, chỉ làm nhiệm vụ mồi đèn, làm công tác gạch nối giữa người trước và người sau để gợi niềm tin cho họ tiến lên.

Lạy Phật Nhiên Đăng, tôi quán tưởng Ngài châm ngọn đèn trí tuệ cho Phật Thích Ca và mồi ánh sáng cho ngọn đèn tâm của chúng ta bừng sáng, bắc nhịp cầu nối liền thế giới tối tăm của người có căn lành với thế giới rực sáng của chư Phật.

4 - ĐẢNH LỄ PHẬT ĐẠI THÔNG TRÍ THẮNG

Kế đến, chúng ta kính lễ Đức Phật Đại Thông Trí Thắng, một vị có trí năng siêu việt. Trong phẩm Hóa thành dụ cho biết khi chưa tu, Ngài đã là Chuyển luân Thánh vương cai trị khắp thiên hạ thái bình. Lúc nhận ra đạo giải thoát cao quý cùng tột, Ngài liền xuất gia, giao ngôi lại cho 16 vương tử.

Đặc biệt, Ngài thành Phật rồi mà vẫn yên lặng trong 10 tiểu kiếp, chưa thuyết pháp. Đó là điều mà tôi tâm đắc khi học hạnh của Phật Đại Thông Trí Thắng. Ngài yên lặng, không nói, nhưng tác động trong khắp mười phương. Các Đại Phạm Thiên vương kéo đến cúng dường thượng diệu và thỉnh Phật thuyết pháp.

Các vị trời cao nhất cùng với 16 vương tử tiêu biểu cho tầng lớp trí thức lãnh đạo thiên thượng và nhân gian đến thỉnh Phật giảng dạy thì còn ai dám chống đối, chê bai.

Bốn phương, tám hướng Đại Phạm Thiên vương và 16 vương tử cầu thỉnh, nói lên lòng khát ngưỡng giáo pháp cao độ. Chính lúc đó mới đúng thời tiết nhân duyên để Phật thuyết pháp.

Thuyết pháp sớm, không đúng thời, họ tiếp nhận hời hợt, pháp không tác động vào tâm, không tẩy được trần nghiệp, nên phước không sanh mà nghiệp tăng trưởng, không thể tu được.

Lạy Phật Đại Thông Trí Thắng, chúng ta lập chí tu hành sao cho đạt được quả đức và dùng đức cảm hóa chúng sanh. Không vội vàng dạy người khi bản thân còn nhiều lỗi lầm, sai trái.

5- ĐẢNH LỄ PHẬT KHÔNG VƯƠNG

Lạy Phật Không Vương gợi nhắc đến phẩm Thọ học, vô học nhơn ký trong kinh Pháp Hoa, hiểu được thế nào là Bồ tát đạo.

Tất cả trời người đều xem A Nan là vương tử mới xuất gia, tu hành và mắc nạn Ma Đăng già. Nhưng Phật Thích Ca cho biết với sự bảo chứng của Phật Không Vương, A Nan là một đại Bồ tát lưu nghiệp để hóa độ chúng sanh. Ngài tu hành trong sự hộ niệm của Phật Không Vương, tạo được muôn ngàn công đức ở tất cả Phật độ. Ngài phát nguyện đời đời kiếp kiếp hộ trì tạng pháp Như Lai. Kinh điển còn tồn tại cho chúng ta nương theo tu hành đều do công đức của Ngài A Nan, một vị Bồ tát lớn thị hiện nghiệp thân.

Đức Thích Ca cho biết nếu nói ra sự thật của Ngài A Nan thì trời người sẽ kinh nghi và Tỳ kheo tự tôn phải đọa. Ngày nay, chúng ta không kinh nghi mà còn kính lễ Phật Không Vương qua Ngài A Nan, chắc chắn cũng được Đức Phật này hộ niệm và thành tựu được hạnh Bồ tát như Ngài A Nan trong mười phương thế giới Phật.

6 - ĐẢNH LỄ PHẬT TỰ TẠI ĐĂNG VƯƠNG

Lạy Phật Tự Tại Đăng Vương, chúng ta tập sống theo Ngài, đừng để tâm vướng bận bất cứ việc gì của trần gian mới thực sự giải thoát. Lòng thanh thản, vượt qua bao cạm bẫy, chướng ngại của cuộc đời, ví như mây bay không gì ngăn cản được.

7 - ĐẢNH LỄ PHẬT NHẬT NGUYỆT TỊNH MINH ĐỨC

Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức là vị đạo sư của Dược Vương Bồ tát. Ngài trợ hóa cho Dược Vương thành tựu được Nhất thiết chúng sanh hỷ kiến Bồ tát thân.

Tịnh Minh nghĩa là tịch nhi thường chiếu,không còn hiện hữu ở thế gian, nhưng đức hạnh vẫn lưu truyền, tác động mạnh đến độ làm cho Dược Vương hiện Nhất thiết sắc thân tam muội.

Đắc tam muội này, chúng sanh cần loại thân nào, Bồ tát hiện thân đó giáo hóa và hiểu được ngôn ngữ, giải được tâm tư, nguyện vọng của tất cả loài, gọi là Giải nhất thiết ngữ ngôn Đà la ni.

Lạy Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, cầu mong Ngài nhiếp trì để chúng ta cũng làm được những việc khó làm như Bồ tát Dược Vương.

8 - ĐẢNH LỄ PHẬT VÂN LÔI ÂM VƯƠNG

Ngài giáo dưỡng Diệu Âm Bồ tát đạt được thần lực đặc biệt. Trong kinh ghi Diệu Âm mới khởi niệm đến Ta bà, ở đây liền nổi lên 84.000 hoa sen báu, trong chớp mắt, Ngài lại trở về thế giới phương Đông.

Vân Lôi Âm là âm thanh sấm sét trên trời, tiêu biểu cho quyền uy của Đức Phật. Xướng danh, đảnh lễ Ngài, chúng ta nghĩ đến thân phận mình không giáo hóa được ai, nên ước mơ nhận được lực siêu tuyệt của Đức Phật Vân Lôi Âm trợ giúp chúng ta phát huy khả năng, cũng có được lực nhiếp hóa mọi chướng ngại trên cuộc đời và làm được việc lớn như Diệu Âm Bồ tát.

9 - ĐẢNH LỄ PHẬT VÂN LÔI ÂM TÚ VƯƠNG HOA TRÍ

Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí tiêu biểu cho trí sáng suốt, giác ngộ viên mãn. Chúng ta hoàn toàn mù mờ trước mọi sinh hoạt diễn biến của muôn loài, trong khi Đức Phật hiểu rõ ngọn ngành từ nhân đến quả.

Chúng ta đảnh lễ, cầu mong Đức Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Phật rọi sáng tâm trí để chúng ta thấy rõ phần nào bộ mặt thực của chúng sanh mà phát ra được ngôn ngữ, âm thanh giáo hóa đầy sức mạnh thuyết phục.

10- ĐẢNH LỄ THẬP PHƯƠNG TẬN HƯ KHÔNG BIẾN PHÁP GIỚI QUÁ KHỨ NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT

Cuối cùng, chúng ta tổng lễ các Đức Phật quá khứ và đặc biệt nêu danh các vị Phật trên, tạo cho ta một ý thức về nguồn, kính phục, lễ lạy nhân hạnh quả đức của các Ngài. Đức hạnh ấy vẫn tỏa sáng soi đường cho chúng ta phát huy nhân hạnh của chính mình.

Càng lạy 10 vị Phật quá khứ, tâm hồn chúng ta càng tương giao với Phật, nhận được lực Phật hỗ trợ để dũng mảnh tinh tấn trên lộ trình hành Bồ tát đạo đời đời kiếp kiếp không lui sụt.

---o0o---

B - ĐẢNH LỄ PHẬT HIỆN TẠI

Trải một thời gian dài không có Đức Phật ra đời, chúng ta khó nêu bâât được những điều chân thiện mỹ của Ngài, nếu không được chư vị Tổ sư và các bậc cao đức từng thế hệ kế thừa, chứng minh bằng cuộc sống cao đẹp của các Ngài. Sự hiện hữu của Phật hiện tại nối liền với quá khứ là điều rất quan trọng. Thật vậy, ngày nay, chúng ta ca ngợi Phật Thích Ca hay các vị Tổ sư, nhưng không có các bậc cao Tăng hiện tại sống gương mẫu giống Phật, giống Tổ, chúng ta cũng không thể tác động cho người phát tâm được.

Riêng tôi, trên bước đường tu nhờ gặp những bậc xuất thế, giúp tôi vững niềm tin. Điển hình như Thiền sư Sato ở Nhật Bản gợi cho tôi hiểu được sức mạnh của trí tuệ do Thiền định. Tôi nhận ra sự đắc đạo của Ngài qua các tín hiệu như Ngài biết trước cho người ra đón khi tôi đến thăm, dù không báo trước. Ngài cũng biết rõ ý định của tôi và khuyên nên về Việt Nam hành đạo, dễ tạo công đức hơn.

Trong Hồng danh Pháp Hoa nêu danh 18 vị Phật hiện tại, trong khi Phật quá khứ chỉ có 10 vị. Quá khứ ít, hiện tại nhiều là điều đáng mừng. Nhưng còn mang ý nghĩa khác nữa là những gì quá khứ thường bị giới hạn trong vòng tâm thức chúng ta, tức suy tư của chúng ta không có đối tượng.

18 vị Phật hiện tại gồm 5 vị Phật mà tiền thân là 15 vương tử của Phật Đại Thông Trí Thắng lãnh đạo tám phương, cộng thêm 3 vị là Phật Thiện Đức, Tịnh Hoa Tú Vương Trí và Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương. Con số 18 thường được các danh Tăng lý giải là 6 căn tiếp xúc với 6 trần, sanh ra 6 thức hay cộng cả ba lại thành 18, gọi là thập bát giới, tiêu biểu cho loại hình thế giới do tâm thức chúng ta biến hiện. Nói chung là hiểu biết của chúng ta không nằm ngoài căn trần thức.

Vì vậy, chúng ta lạy 18 vị Phật hiện tại ở tám phương để tạo mối liên hệ căn trần thức ; nói cách khác, tìm quan hệ trong cuộc sống chúng ta mà lấy Phật đức trang nghiêm để giúp ta thành Phật.

Mỗi phương đều có một vị Phật tương ưng với nghiệp thức chúng ta. Từ góc độ ấy, nhìn đâu cũng thấy Phật là ta đã tạo được cảnh Niết bàn ngay trên trần gian. Trái lại, chúng ta nhìn ra cuộc đời thấy toàn chúng sanh tệ ác, tất nhiên ta sẽ bực tức, đau khổ. Tất cả cảnh sướng vui, Cực lạc hay Ta bà, đau khổ địa ngục cũng đều từ tâm chúng ta mà tạo thành. Ý thức sâu sắc như vậy thì dại gì mà không quán thấy Phật để có được cảnh Cực lạc.

Kính lễ 18 vị Phật hiện tại, hoặc gần hơn, chúng ta hiểu Phật là tuệ giác, tức những người sáng suốt được tôn trọng. Chúng ta quan sát cách sống của họ để điều chỉnh cách sống của chính mình, không phải lễ tên Phật suông.

1 - ĐẢNH LỄ CHƯ PHẬT Ở PHƯƠNG ĐÔNG

Trước tiên, kính lễ 5 vị Phật ở phương Đông. Đối với tôi, lạy Phật ở phương Đông dễ cảm nhận hân hoan vì nơi đó mặt trời mọc, tiêu biểu cho sức sống đang lên. Đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa, diễn tả Vô lượng nghĩa, cũng phóng quang về phương Đông, cho thấy 18.000 thế giới hay nguồn sống của các loài chúng sanh.

Những gì sắp mọc ở phương Đông hay lạy Phật phương Đông, ta thấy bao nhiêu Đức Phật sắp hiện ra. Đó là cả ước vọng nhìn về tương lai. Chúng ta cầu nguyện các Ngài, lần lần trên cuộc sống thực tế, thiện tri thức cũng đến hợp tác với chúng ta.

* Lạy Phật A Súc tiêu biểu cho ánh sáng trí tuệ hay còn có tên là Phật Vô Động, chúng ta hình dung ra thầy của Duy Ma Cật. Nhờ nương với trí tuệ sáng suốt của Phật Vô Động, Duy Ma trở thành người kỳ vĩ trên cuộc đời. Phật Vô Động không đến Ta Bà, nhưng gởi Bồ tát Duy Ma đến. Từ thế giới phương Đông của Phật Vô Động, hiện thân lại cuộc đời, mang tên Duy Ma, nghĩa là bản tâm thanh tịnh, thấy được mọi việc chính xác và làm lợi ích cho mọi người, được kính trọng tuyệt đối. Ngài thành công vì không lập y khuôn giải quyết của người trước. Duy Ma học được sáng suốt của Phật A Súc, sử dụng sáng suốt để quyết định những gì thực tế trải ra trước mắt, nói và làm phù hợp với cuộc sống thực tại.

Trên thực tế, tôi lạy Phật A Súc, thường nghĩ về những bậc chân tu mà tôi được thân cận. Có vị tuy ít nói, nhưng ai cũng kính nể như cố Hòa thượng Thiện Hòa. Trong buổi họp, Ngài ít phát biểu, nhưng mọi người thường muốn lắng nghe ý kiến Ngài. Vị thứ hai là Hòa thượng Trí Tịnh, thường ở trong phòng, ít tiếp xúc với người và cũng ít nói. Tuy nhiên, với cương vị Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương, Ngài đang giữ vai trò quan trọng trong Giáo hội. Và một vị cũng ít nói, có tác động cao hơn nữa là cố Hòa thượng Pháp chủ ở chùa Hồng Phúc. Mọi người muốn cầu học với Ngài, tìm hiểu về Ngài. Đó là ba vị cao đức tôi đã từng tiếp xúc, cảm thấy có sự gần gũi với Phật Vô Động. Trước khi học Phật Vô Động, tôi học được ở ba vị này ít nói, ít làm, nhưng trở thành người quan trọng, ảnh hưởng sâu sắc cho những tâm hồn cầu đạo.

Chúng ta đang sống trong đêm dài sanh tử, cầu ánh sáng của Phật A Súc rọi sáng lòng ta để nhận ra được những gì đáng nói, đáng làm cho đạo pháp trường tồn.

* Kế đến lạy Phật Tu Di Đảnh. Tu Di hay Diệu Cao là tên ngọn núi cao nhất trong Diêm phù đề. Phật Tu Di Đảnh tiêu biểu cho bậc đạo đức cao nhất. Lạy Ngài, chúng ta nỗ lực trau giồi đạo đức càng cao càng tốt, mới có thể khuyên đời, dạy người. Nương với Ngài, chúng ta chuyển đổi từ con người bình thường, phát huy đức hạnh đến mức cao nhất, đạt quả vị Toàn giác.

Đảnh lễ Phật A Súc và Tu Di Đảnh, chúng ta nhớ đến tiền thân hai vị này là vương tử của Đức Đại Thông Trí Thắng Phật, đã có khả năng lãnh trị phương Đông. Mọi vật, mọi loài ở đó đều động, nhưng các Ngài vẫn an nhiên, không gì lay động tác hại được. Trong thế giới thanh tịnh không động loạn ấy, hai vị mới tìm ra được những điều phi thường mà thành Vô thượng Đẳng giác. Đó là điều gợi chúng ta suy nghĩ về hai vị này.

* Từ trí tuệ vô động của Phật A Súc, chúng ta tiến lên, học với Phật Thiện Đức tác động vào cuộc đời, mang an vui giải thoát cho người. Thật vậy, vua A Xà Thế phạm đủ ngũ nghịch thập ác tội, tuy còn sống mà đã thấy cảnh địa ngục hiện ra, cung điện hôi thối. Kỳ Bà Thánh y cũng đành bó tay. Nhưng nhờ căn lành đời trước, Phật quang soi đến tâm, khiến ông hối hận về việc đã thả voi say giết Phật và cũng nương ánh quang này, ông đảnh lễ được Phật Thiện Đức ở phương Đông mà hết tội và chứng Sơ quả.

Thuở nhỏ, tôi nghĩ mình trần lao nghiệp chướng nhiều, e sợ khó tu. Tuy nhiên, đọc kinh Quán Phổ Hiền thấy A Xà Thế nương với Phật Thiện Đức, giải được nghiệp bịnh phong hủi. Từ đó, tôi phát tâm lạy Phật Thiện Đức không biết chán, không cần nghĩ đến tiền nghiệp mà nghiệp tự tiêu. Vì vậy, tôi đặt thêm danh đức Ngài vào Hồng danh Pháp Hoa làm đối tượng kính lễ, mặc dù kinh Pháp Hoa không đề cập đến Ngài.

Tại sao lạy Phật Thiện Đức tội được tiêu ? Theo kinh Nguyên thủy, tội không thể tiêu. Trong khi kinh Quán Phổ Hiền, Phật dạy : "Dù tạo tội nhiều đến đâu chăng nữa, nếu đảnh lễ Phật Thiện Đức thì tất cả đều tiêu tan". Tôi thắc mắc điều này và cầu Phật thương xót cho tôi nhận ra thâm ý Ngài. Sau cùng, bằng niềm tin sâu sắc ở lời Phật dạy trong kinh Quán Phổ Hiền, tôi hết lòng lạy Phật A Súc và quả thật tội tiêu, phước sanh. Tôi vượt qua khó khăn, có được thành quả như ngày nay.

Theo tôi, nghiệp chướng trần lao tiêu là do phước của chúng ta và quan trọng ở điểm được Phật bảo chứng. Chúng ta có thể hiểu ý này qua thí dụ tương tự như khi phạm nhân được ân xá, bản án được ngưng thi hành, nhờ đó tội nhân không bị hành hình, thoát chết. Cũng vậy, người có nghiệp chướng khổ đau, cảm được Phật Thiện Đức, đức hạnh và tâm từ của Ngài quá lớn, nên chỉ nghĩ về Ngài, thì thay đổi được định mệnh của chúng ta, bao nhiêu nghiệp tự rơi rụng như mùa Xuân, băng tuyết tự tan rã.

Chúng ta lạy Phật Thiện Đức, nương theo đức hạnh của Ngài để hành đạo, tội được tạm ngưng, chúng ta phải lo sám hối. Tu có kết quả thì xoá được nghiệp. Nghĩa là chúng ta lấy công chuộc tội, tạm gác nghiệp qua một bên, không nghĩ đến, lo làm việc công đức cho phước sanh. Đức Phật dạy nếu lấy ác để đối chọi lại với ác thì việc ác luôn luôn tăng trưởng. Chúng ta thường tự nghĩ phải nói cho hơn người, ra tay cho hơn người, nên phải đấu tranh không ngừng. Nhưng trái lại, lấy đức cảm hóa người là ý chính phải ghi nhớ khi lạy Phật Thiện Đức. Người ta nghĩ ác về mình, đối xử tệ với mình, thì theo Phật Thiện Đức, mình phải nghĩ thiện về họ.

Thuở nhỏ, tánh tôi ít chịu nhường ai, nhưng vẫn gặp hoài cảnh khổ. Tuy nhiên, nhờ lạy Phật Thiện Đức, khi bị ai chọc giận, tôi nhớ đến Ngài, lấy đức xóa hết, nên sẵn sàng chịu nhịn, chịu thua. Kết quả chuyển được nghiệp, thay đổi được hoàn cảnh xấu ác thành tốt.

* Kế đến diện kiến Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai ở phương Đông, là Thầy của Diệu Âm Bồ tát. Chúng ta đảnh lễ để học pháp giáo hóa của Ngài

trong Thiền định. Ngài không nói, không phô diễn, nhưng tĩnh lặng của Ngài khiến chúng sanh phát tâm Bồ đề, được giải thoát. Diệu Âm Bồ tát thọ lãnh pháp này của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai, nên chưa đến Ta bà mà 84.000 hoa sen báu đã xuất hiện ở Kỳ Xà Quật, trên đường Ngài đi qua, hoa rơi, đất rung động. Đức Phật Thích Ca cho biết Ngài điều được Diệu Âm đến Ta bà là ngầm giới thiệu cho chúng ta sự hiện hữu của vị Bồ tát này.

Vì vậy, tha thiết lạy Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai để Ngài nhiếp trì, tăng lực cho chúng ta giáo hóa được chúng sanh dễ dàng như Ngài.

Bồ tát Diệu Âm đã đến Ta bà, nhưng chúng hội không thấy. Thanh Văn, Bồ tát dùng pháp nhãn, huệ nhãn cũng không thấy. Đó là cách hành đạo của Diệu Âm làm được tất cả, nhưng không ai biết và cũng không cần ai biết, lấy tịnh để giáo hóa chúng sanh.

* Lễ Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương là Thầy của Phổ Hiền Bồ tát.

Phổ Hiền Bồ tát không hành đạo âm thầm lặng lẽ như Diệu Âm. Phổ Hiền dùng động để nhiếp hóa chúng sanh. Chúng sanh không thấy quyền uy, không sợ, nên Ngài từ phương Đông đến Ta bà thật hùng dũng với Thiên long bát bộ chúng đi theo. Trí Giả gọi cách thuyết pháp của Phổ Hiền là “phiêu chương”, nghĩa là biểu dương lực lượng, đưa ra những gì người ưa thích, nể phục, mới có thể ảnh hưởng họ. Phổ Hiền đến đâu, thì Trời mưa hoa Mạn đà la, Mạn thù sa, đất rúng nứt. Đất hay tâm địa chỉ cho tâm. Đất rúng nứt và mưa hoa diễn tả tâm người rung động đón nhận an vui, vơi khổ. Chúng ta dễ nhận ý này, vì trên thực tế, nếu có người đến giúp đỡ, dù họ chưa đến, tâm chúng ta đã rung động, họ mới hứa cho, chúng ta đã bớt khổ. Đến với tư cách mang tiền của để cứu trợ, dùng quyền uy để cứu giúp, sau đó thuyết pháp nhất định người phải kính trọng nghe theo.

Phổ Hiền nhờ thần lực của Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương mà có được cách giáo hóa chúng sanh uy đức vô song ở thế giới động loạn, hoàn toàn khác với giáo hoá trong thiền định của Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai.

Ngài Phổ Hiền nương theo Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương được, vậy chúng ta cũng hướng về vị Phật này để cầu nguyện Ngài nhiếp trì cho chúng ta có chút phần nào uy đức như Phổ Hiền Bồ tát.

Hướng về nguồn sống ở phương Đông lạy 5 vị Phật : A Súc, Tu Di Đảnh, Thiện Đức, Tịnh Hoa Tú Vương Trí, Bảo Oai Đức Thượng Vương, chúng ta

có cảm nghĩ thọ nhận được năm điều tốt đẹp phi phàm từ các Ngài truyền đến : giáo hóa chúng ta trở thành vô động, giúp ta đạt được đức hạnh cao tuyệt nhất Ta bà, tịnh hóa được nghiệp chướng sâu dày của ta một cách nhẹ nhàng, tác động cho ta giáo hóa được chúng sanh trong thiền định và thành tựu đầy đủ uy đức. Đảnh lễ để tìm liên hệ ta và các Ngài trong năm dạng thức ấy mới có thể vững bước tiến tu.

2 - ĐẢNH LỄ CHƯ PHẬT Ở PHƯƠNG ĐÔNG NAM : SƯ TỬ ÂM PHẬT VÀ SƯ TỬ TƯỚNG PHẬT

Sau khi lạy 5 vị Phật ở phương Đông, chúng ta hướng về phương Đông Nam đảnh lễ Sư Tử Âm Phật và Sư Tử Tướng Phật.

Sư tử là chúa sơn lâm, gầm lên muôn thú đều sợ. Tiếng nói của Đức Phật thường được ví như sư tử hống, tiêu biểu cho tiếng nói của chân lý, dẹp tan ngoại đạo, tà giáo. Thực tế cho thấy pháp Phật giảng dạy khiến các học thuyết đương thời không còn đứng vững và không giáo hóa được người kính tin theo nữa.

Đức Phật gợi ý trong kinh về Sư Tử Âm, Sư Tử Tướng Phật và chúng ta kết hợp hiện tại để thấy được điều đó trong cuộc sống thường nhật. Thật vậy, những vị chân tu với ngôn ngữ nhẹ nhàng, không trấn át người, nhưng không ai dám làm trái ý vì lời nói và việc làm của các Ngài chan hòa tình thương và trí sáng suốt. Tôi từng tiếp xúc với những vị Thiền sư chống gậy trúc, trông rất ung dung nhàn hạ, sống rất giản dị mà mọi người đều cúi rạp xuống, tuân thủ lời các Ngài dạy một cách tuyệt đối. Hoặc có người đau khổ cùng tột, không còn thiết sống, nhưng nhìn thấy dung mạo Thiền sư, lòng vơi ưu sầu, được giải thoát liền.

Kính lễ hai vị Phật này, tạo mối quan hệ giữa ta và các Ngài, thì cảm nhận được sức che chở nào đó trong cuộc sống ta. Và tiến xa hơn, đồng cảm tâm với các Ngài giúp tiếng nói chúng ta có giá trị như Sư Tử Âm Phật và hình tướng đĩnh đạc làm người phải kính phục phát tâm như Sư Tử Tướng Phật.

3 - ĐẢNH LỄ CHƯ PHẬT Ở PHƯƠNG NAM : HƯ KHÔNG TRỤ PHẬT VÀ THƯỜNG DIỆT PHẬT

Khi nương được quyền uy của Phật Sư Tử Âm và Sư Tử Tướng, chúng ta có thể sanh tâm ỷ lại, xem thường người khác thì sẽ bị tai hoạ. Vì vậy, phải bước thêm một bước, qua phương Nam đảnh lễ Hư Không Trụ Phật và Thường Diệt Phật.

Tâm Phật lúc nào cũng như hư không, dung chứa được tất cả muôn loài. Chúng ta lạy Phật Hư Không Trụ, cầu gia bị, hay nói khác, luyện tâm giống như Ngài, an trú pháp, dung được tất cả, không còn bất cứ người nào hay việc gì có khả năng gây phiền lụy cho ta. Nhờ trụ hư không hay pháp không, biết tất cả đều tùy duyên sanh diệt, nên chúng ta sẵn sàng tha thứ, buông bỏ tất cả vướng mắc ân cũng như oán. Cuộc đời dù phức tạp đến đâu, chúng ta lạy Phật Thường Diệt, cầu nguyện cho tâm được thanh tịnh như Ngài.

Càng kính lễ Hư Không Trụ Phật và Thường Diệt Phật, lòng chúng ta càng thanh thản. Đó là cách tu lễ Phật để lập hạnh, không phải lạy suông và tụng ngân nga cho hay trên đầu môi chót lưỡi.

4 - ĐẢNH LỄ CHƯ PHẬT Ở PHƯƠNG TÂY NAM : ĐẾ TƯỚNG PHẬT VÀ PHẠM TƯỚNG PHẬT

Tiếp theo, lạy Đế Tướng Phật và Phạm Tướng Phật ở phương Đông Nam. Hai vị Phật này tiêu biểu cho quyền uy, đức hạnh, ví như Trời Đế Thích và Đại Phạm Thiên vương. Chúng ta đảnh lễ các Ngài, tạo mối liên hệ trợ lực, biến thế giới động loạn trở thành hoàn toàn bình yên.

5 - ĐẢNH LỄ CHƯ PHẬT Ở PHƯƠNG TÂY : A DI ĐÀ PHẬT VÀ ĐỘ NHẤT THIẾT THẾ GIAN KHỔ NÃO PHẬT

Đến phương Tây, chúng ta diện kiến Đức Phật A Di Đà. Ngài vốn có duyên lớn với chúng sanh ở Ta bà. Niệm danh hiệu Ngài, chúng ta nhớ đến phẩm Hóa Thành Dụ. Khi còn là vương tử của Phật Đại Thông Trí Thắng, Ngài giảng kinh Pháp Hoa trong suốt 84.000 kiếp để khai thị cho Thanh Văn, giúp họ thành tựu vô lượng công đức. Nương tinh thần Hóa thành, Ngài kiến tạo thế giới Cực lạc ở phương Tây, làm nơi an dưỡng cho các Bồ tát sau những tháng ngày phục vụ ở Ta bà. Hành giả nào diệt sạch mọi ý niệm ở Ta bà, hướng tâm trọn vẹn về ao thất bảo của Cực lạc thế giới để kết được thai sen, thì chỉ nghe pháp âm của Phật, Bồ tát, không còn nghe tiếng nói chúng sanh,

cho đến ngày sen nở. Ở đây không còn bị phiền não quấy rầy, vì được làm bạn với các bậc thượng thiện nhân cho đến khi thành Phật.

Phật A Di Đà kiến tạo được thế giới Cực lạc kỳ diệu vì thánh tài của ngài là vô lượng quang, vô lượng thọ, vô lượng công đức. Vô lượng quang tiêu biểu cho hiểu biết chính xác cao tột, cộng thêm thọ mạng dài lâu vô cùng và đầy đủ công đức hay có sẵn phương tiện trong tay. Vì vậy, cảnh giới Tây phương của Ngài tất yếu phải vui cùng cực.

Một vị Phật khác cùng ở phương Tây với Phật Di Đà là Độ Nhấùt Thiết Thế Gian Khổ Não Phật. Nghe danh hiệu Ngài, chúng ta biết được công hạnh cứu khổ của Ngài lớn lao vô hạn. Mọi chúng sanh khổ đau, khởi niệm nghĩ tưởng đến Ngài liền được cứu thoát.

Đảnh lễ hai vị Phật ở phương Tây, chúng ta ước mơ một ngày nào đó cũng đạt đến hiểu biết và thọ mạng cùng công đức đầy đủ như Phật Di Đà, giúp được người hết khổ như Đức Phật Độ Nhứt Thiết Thế Gian Khổ Não.

6 - ĐẢNH LỄ CHƯ PHẬT Ở PHƯƠNG TÂY BẮC : TU DI TƯỚNG PHẬT VÀ ĐA MA LA BẠT CHIÊN ĐÀN HƯƠNG THẦN THÔNG PHẬT

Phật Tu Di Tướng nghĩa là Đức Phật hiện thân đầy đủ phước đức, trí tuệ lớn lao như núi Tu Di. Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông là hương đức hạnh có khả năng bay ngược gió, tác động cho người phát tâm tu hành, an vui giải thoát.

Quy ngưỡng hai vị Phật này, mong sao các Ngài nhiếp trì cho chúng ta tu tạo được đức tướng và đạo hạnh để giáo hóa chúng sanh thành tựu như các Ngài.

7 - ĐẢNH LỄ CHƯ PHẬT Ở PHƯƠNG BẮC : VÂN TỰ TẠI PHẬT VÀ VÂN TỰ TẠI VƯƠNG PHẬT

Đến phương Bắc, chúng ta ra mắt Phật Vân Tự Tại và Vân Tự Tại Vương. Hai Ngài hành đạo hoàn toàn tự tại, ung dung như áng mây bay trên bầu trời. Mây lướt nhẹ nhàng qua núi rừng, khắp hư không, không gì ngăn cản được. Ta xuất hiện trên cuộc đời cũng ở dạng đó. Đảnh lễ các Ngài, chúng ta học

cách xử thế giống như vậy, không cần lo nghĩ tính toan, đối phó mà mọi việc thành tựu viên mãn.

8 - ĐẢNH LỄ CHƯ PHẬT Ở PHƯƠNG ĐÔNG BẮC : HOẠI NHẤT THIẾT THẾ GIAN BỐ ÚY PHẬT VÀ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Sau cùng ở phương Đông Bắc, có Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bố Úy Phật chuyên giải khổ cho người bị oan ức. Nếu không đến được với Ngài, chúng ta còn một vị Phật rất gần gũi, thân thương để kêu cứu. Đó là Đức Thích Ca, giáo chủ cõi Ta bà, vị Đạo sư hiện thân trên cuộc đời chỉ vì thương tưởng đến chúng ta. Thật vậy, từ vô lượng kiếp, Ngài hằng hữu bất tử ở Thường Tịch Quang Tịnh độ, vì thương chúng ta mà thọ sanh thân Thích Ca Mâu Ni. Thích Ca nghĩa là năng nhân, một con người vạn năng, có tấm lòng từ bi vô hạn, trở lại Ta bà giúp mọi người thoát khỏi khổ não trầm luân sanh tử, trở về bờ giác.

Cầu nguyện hai vị Phật ở phương Đông Bắc hay nói cách khác, giao gánh nặng trần ai lại cho các Ngài, chúng ta mới rảnh rang tu hành, giáo hóa độ sanh ngõ hầu báo đáp công ơn Phật đã cưu mang khổ ách cho chúng ta.

Tóm lại, chúng ta kính lễ 18 vị Phật hiện tại ở tám phương để liên hệ với các Ngài, lấy Phật đức trang nghiêm thân tâm. Từ đó, trong cuộc sống thường nhật sẽ gặp được những bậc chân tu, các thiện tri thức khai ngộ cho chúng ta. Trong mối tương giao vô hình bằng tâm linh, chúng ta nhận sự trợ lực của các đức Phật ở 8 phương cùng với sự giáo dưỡng, giúp đỡ của các vị tri thức, đạo đức đang sinh hoạt trên cuộc đời, chúng ta dễ dàng thành tựu công đức, tiến tu an lành trong Nhà Lửa tam giới.

---o0o---

C - LỄ PHẬT VỊ LAI

Sau khi tổng lễ tất cả các Đức Phật hiện tại trong tám phương, chúng ta tiếp tục đảnh lễ các Đức Phật vị lai. Nghĩa là sau khi chúng ta nương với các Đức Phật hiện tại tạo cho ta và người có nguồn sống rồi, chúng ta mới hướng đến tương lai làm cho Phật pháp cửu trụ bằng cách xây dựng cho thế hệ kế tiếp thành tựu những việc làm tốt đẹp.

Tinh thần này đã được Đức Phật Thích Ca thể hiện trong phẩm Như Lai thần lực. Ngài mang tất cả công đức tu tạo được đầu tư cho pháp giới chúng sanh. Việc làm này được kinh diễn tả bằng hình ảnh Phật thè lưỡi, phóng ánh sáng....

Phật vị lai là những vị Bồ tát đã trồng căn lành với chư Phật mười phương và được Phật thọ ký. Riêng hội Pháp Hoa, sự thọ ký có tính cách đặc biệt hơn các hội khác.

Trong phẩm Pháp sư thứ 10, Đức Phật thọ ký cho tất cả các loài từ chư Thiên cho đến phi nhơn về dự hội đều thành Phật trong tương lai. Chẳng những các người về nghe kinh ở Linh Sơn được thọ ký mà sau khi Phật Niết bàn, nếu có người thọ trì kinh Pháp Hoa một câu, một kệ cho đến một niệm tùy hỷ đều được thọ ký.

Từ tổng ký thu hẹp lại trong hội Pháp Hoa nêu đích danh thọ ký cho 16 vị đã trồng căn lành với hằng sa Đức Phật quá khứ và sau khi được thọ ký, tiếp tục tu Bồ tát đạo trong khắp mười phương.

Ngày nay, chúng ta phát nguyện thọ trì kinh Pháp Hoa, nghĩa là đi chung đường với các Ngài, nên cảm đức và kính lễ để kết duyên tu hành, mong được các Ngài làm pháp lữ đồng hành dìu dắt chúng ta thành tựu Vô thượng Bồ đề.

Các vị được thọ ký thành Phật mà chúng ta đảnh lễ là Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Phú Lâu Na, Ca Diếp, Kiều Trần Như, A Nan, La Hầu La, Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên, Kiên Mãn, Đề Bà Đạt Đa, Kiều Đàm Di, Gia Du Đà La, Diệu Trang Nghiêm và 2.000 vị hữu học, vô học. Ngoài những vị này, chúng ta đảnh lễ Phật vị lai còn nhắm đến kính lễ những người đồng học, đồng tu với chúng ta, vì chắc chắn chúng ta sẽ gặp lại họ trong hội Pháp Hoa ở các kiếp sau.

1 - ĐẢNH LỄ TỊNH THÂN PHẬT

Đức Phật vị lai được xướng lễ đầu tiên là Tịnh Thân Phật. Ngài mang tôn danh này vì có thân trong sạch hoàn toàn, được Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thọ ký. Trên bước đường tu, chúng ta lạy Phật Tịnh Thân hay cầu mong sao được gần gũi pháp lữ thuần thiện, không phạm lỗi lầm. Họ là

những người đã tu trong quá khứ còn hiện thân lại Ta bà. Tu hành chung với mẫu người có giới thân huệ mạng như vậy rất cần cho chúng ta.

Tôi lạy Tịnh Thân Phật nhận ra được ý đó. Thật vậy, sống ở Ta bà, không còn gì may mắn hơn là có được những pháp lữ tốt, trong sạch. Những người tốt theo tôi tu hành, họ không vi phạm luật đạo cũng như luật thế gian, tạo thành đạo tràng trong sạch, tiến tu an lành. Ngược lại, nếu thành phần xấu thâm nhập, sẽ gây ra đủ thứ phiền toái, cho đến nghiêm trọng hơn, tạo tội ác, phạm pháp, chắc chắn đạo tràng sẽ tan vỡ theo. Thực tế đã chứng minh điều này.

Kính lễ Tịnh Thân Phật, là người thừa kế sự nghiệp hoằng truyền kinh Pháp Hoa của hai muôn Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Lạy Ngài để trồng căn lành nơi Ngài, cầu Ngài gia bị khiến người tốt đến tu chung tạo thành thế giới bình ổn cho ta và người.

Từ đó tiến xa hơn, cùng đi với Ngài đến bảo sở, đến thế giới Phật. Nếu đến được chỗ có châu báu, thì ta cũng nhận được đầy đủ như Ngài không khác. Qua đường hiểm sanh tử với một Bồ tát đầy đủ phước đức như Ngài, chắc chắn chúng ta không gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, cầu mong Ngài xuất hiện như một đại đạo sư của chúng ta.

2 - ĐẢNH LỄ HOA QUANG PHẬT

Kế tiếp kính lễ Phật Hoa Quang hay hậu thân của Xá Lợi Phất. Ngài là Bồ tát thoái chuyển xuống làm Thanh văn, có trí tuệ bậc nhất trong hàng đệ tử Phật, được cả hai hệ Nam và Bắc truyền tôn kính.

Xá Lợi Phất cũng là chúng duyên khởi cho Đức Phật nói kinh Di Đà, Bát Nhã và nói việc tu hành thành đạo bất khả tư nghì của Quán Thế Âm. Đến hội Pháp Hoa, Đức Phật từ chánh định Vô lượng nghĩa xứ trở lại sinh hoạt đời thường, cũng gọi Xá Lợi Phất trước tiên để giảng kinh Pháp Hoa. Ngài đã được Phật Thích Ca thọ ký sau khi cúng dường bao nhiêu nghìn muôn ức Phật, phụng trì chánh pháp, đầy đủ đạo Bồ tát sẽ thành Phật.

Ngài về Tịnh độ trước Phật Thích Ca nhập diệt một ngày. Nhắc đến Ngài ta nghĩ ngay tới phẩm Nhà lửa và không khỏi ước mơ Ngài xuất hiện như một ngọn hải đăng trong đêm dài sanh tử, xuất hiện như một lái đò đưa khách đến Tây phương.

Xướng lạy tôn danh Hoa Quang Phật, chúng ta liên tưởng đến ý nghĩa Hoa là tinh ba, Quang là ánh sáng. Ánh sáng này từ Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh chiếu đến, nhưng người tu phải biết lựa chọn giáo pháp nào thích hợp với hoàn cảnh. Sử dụng pháp Phật đúng chỗ, đúng lúc, đúng người là điều rất quan trọng; vì nếu dùng ánh sáng hay chân lý không phù hợp thực tế cũng trở thành hại. Vì vậy, khi Phật tại thế, Ngài giảng dạy ở Xá Vệ khác với pháp ở Tỳ Da Ly hay Vương Xá. Nói chung, Đức Phật thuyết hơn 300 hội không hề giống nhau.

Hoa Quang làm Phật trong tương lai, nghĩa là Ngài biết chắt lọc tinh ba đạo pháp, ứng dụng có hiệu quả trong cuộc sống, thăng hoa cho mình và lợi lạc cho người. Tôi lạy Phật Hoa Quang, thường suy nghĩ giả sử ngay bây giờ có Đức Phật ra đời, Ngài sẽ nói gì với chúng ta. Tôi thuyết pháp theo tinh thần này hơn là lặp lại những gì có sẵn trong kinh.

3 - ĐẢNH LỄ HOA TÚC AN HÀNH PHẬT

Ngài Kiên Mãn nối tiếp ánh sáng của Phật Hoa Quang, được thọ ký là Hoa Túc An Hành Phật, nghĩa là từng bước đi có hoa sen đỡ chân. Tôi đảnh lễ vị Phật này, thầm cám ơn Phật và các vị tiền bối thừa kế. Lạy với lòng cảm thương và kính mến các Ngài vô hạnh đến độ rớt nước mắt. Tự nghĩ thật là diễm phúc cho chúng ta có được đấng giáo chủ trọn lành, được các vị luận sư để lại kho tàng pháp bảo vô giá, được Thầy Tổ nuôi dưỡng, un đúc. Về vật chất, đầy đủ chỗ ăn ở tiện nghi.

Xưa kia, các Tổ đi trên chông gai. Ngày nay, chúng ta thừa hưởng sự nghiệp của các Ngài, tiến bước trên hoa sen. Với điều kiện quá tốt như vậy mà tu không đắc đạo, rõ ràng là lỗi hoàn toàn ở chúng ta. Đức Phật để lại gia tài vĩ đại và các bậc cha anh dày công xây dựng. Chúng ta chỉ việc thừa hưởng suốt đời cũng không hết. Vì thế, không làm được gì lợi lạc thêm thì cũng xin đừng phá hỏng.

Lạy Phật Hoa Túc An Hành, chúng ta nỗ lực thiết thân kiểm nghiệm giáo pháp, đi đúng trên hoa sen của Đức Phật đã đặt sẵn để từng bước tiến đến tương lai thành Phật.

4 - ĐẢNH LỄ QUANG MINH PHẬT

Đảnh lễ Quang Minh Phật là hậu thân của Tổ Ca Diếp, là một người truyền pháp ngoài ngữ ngôn văn tự, là người duy trì mạng mạch của đạo qua mấy ngàn năm lịch sử bằng tâm, bằng Thiền định.

Thật vậy, Tổ Ca Diếp không khổ công giảng dạy mà pháp ngữ của Ngài chấn động cõi đại thiên, không truyền đạo mà tất cả đều xưng là Thiền gia pháp tử.

Lạy Ngài, liên hệ với Ngài, có nghĩa là tìm đến thế giới siêu nhiên, đến thế giới của các Bồ tát Tùng địa dũng xuất hoằng đạo và tìm sự an bình vĩnh cửu của Pháp thân.

5 - ĐẢNH LỄ SƠN HẢI HUỆ TỰ TẠI THÔNG VƯƠNG PHẬT

Đảnh lễ Phật Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương là hậu thân của Ngài A Nan. Ngài là vị đại đệ tử của Phật Thích Ca chuyên kiết tập kinh điển. Không phải chỉ trong một đời mà từ thời Phật Không Vương lâu xa, Ngài đã phát nguyện thắp sáng ngọn đèn chánh pháp của chư Phật để lưu truyền mãi mãi trong vô số kiếp ở mười phương. Thực hiện hạnh nguyện sâu dày như vậy, nên Ngài có tầm nhìn xa, trông rộng, ví như núi cao vời vợi, biển cả mênh mông.

Trên bước đường tiến đến Vô thượng Đẳng giác, tất yếu đòi hỏi trong tương lai chúng ta cũng phải có hiểu biết như vậy. Điều này không đơn giản, muốn vượt đường hiểm sanh tử, chúng ta cầu Ngài gia bị, ban cho những lời chỉ dạy để hướng dẫn chúng ta tránh khỏi hầm hố chông gai, không bị tổn hoại giới thân huệ mạng.

Trên thực tế, cầu nguyện vị Phật này có cảm ứng, tôi gặp danh Tăng khai ngộ, nhận ra nhiều điều quý báu mà tự mình không bao giờ tìm được. Có may mắn gần gũi người học rộng, biết nhiều, chúng ta học được kinh nghiệm sống rất quý, nhất định tuệ giác của chúng ta sẽ phát sanh và tăng trưởng.

6 - KẾ TIẾP, ĐẢNH LỄ CÁC ĐỨC PHẬT VỊ LAI NHƯ

QUANG MINH, DANH TƯỚNG, DIÊM PHÙ NA ĐỀ KIM QUANG, ĐA MA LA BẠT CHIÊN ĐÀN HƯƠNG, PHÁP MINH, PHỔ MINH, ĐẠO THẤT BẢO HOA, BẢO TƯỚNG, THIÊN VƯƠNG, NHẤÙT THIẾT CHÚNG SANH HỶ KIẾN, CỤ TÚC THIÊN VẠN QUANG TƯỚNG. ĐÓ LÀ HẬU THÂN CỦA CA DIẾP, TU BỒ ĐỀ, CA CHIÊN DIÊN,

MỤC KIỀN LIÊN, PHÚ LÂU NA, KIỀU TRẦN NHƯ, LA HẦU LA, 2000 VỊ HỮU HỌC VÀ VÔ HỌC, ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA, GIA DU ĐÀ LA VÀ VUA DIỆU TRANG NGHIÊM

Trên đây là các vị được nêu đích danh, hiện tại các Ngài sanh lại theo bản nguyện để hành đạo Bồ tát mà ta thấy ẩn hiện khắp đó đây. Hoặc có người giữ nguyên thân để làm chứng tín cho đến ngày Phật ra đời hoặc thị hiện lại dưới hình thức đại pháp sư để gia bị cho chúng sanh đời sau tu hành.

7 - RIÊNG CHƯ NI QUẢN LÝ TỰ VIỆN, MUỐN CHÚNG ĐƯỢC HÒA THUẬN, PHẢI SIÊNG LỄ LẠY NHẤT THIẾT CHÚNG SANH HỶ KIẾN PHẬT VÀ CỤ TÚC THIÊN VẠN QUANG TƯỚNG PHẬT

Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật là hậu thân của Kiều Đàm Di, một người được 6.000 Tỳ kheo Ni kính trọng và phục tùng, một người nữ tu được tam mật gia trì của chư Phật. Lễ lạy Ngài, nương công đức của Ngài, đại chúng thương ta, kính ta và nghe lời ta vô điều kiện.

Khởi đầu tu, chúng ta chỉ thấy chúng sanh, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não. Tuy nhiên, sau một thời gian trồng căn lành với các Đức Phật, lạy ba đời mười phương Phật, cái thấy của chúng ta đổi khác, thấy có Phật quá khứ, hiện tại, vị lai từ từ đến với chúng ta.

Khi xưa tôi ở Nhật về, thấy ở Việt Nam khó tu quá vì tôi không quen với tánh tình hơn thua, khó chịu của thầy tu cho đến cư sĩ. Tôi khởi niệm bực bội và muốn trở lại Nhật. Nhưng sau đó, nhờ lạy Hồng danh Pháp Hoa, kính lễ ba đời các Đức Phật, tôi nhận ra người tốt xuất hiện, không phải họ từ chốn xa lạ nào tới.

Cũng người đó, trước chúng ta thấy họ xấu, nhưng nay họ tốt. Tốt xấu không phải do bên ngoài, nguyên nhân dẫn đến tốt xấu tùy thuộc ở thiện nghiệp hay ác nghiệp của chính ta.

Ý thức như vậy, người thực tu không lo bề ngoài, chỉ lo tu chơn tâm. Điều chỉnh cho tâm tốt xuất hiện trước thì thực tế sẽ tốt theo. Không quan tâm đến hoàn cảnh xấu và người xấu, chỉ một lòng lạy Phật Tịnh Thân, Hoa Quang, Hoa Túc An Hành, Pháp Minh, Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương..., nghĩa là chuyên tâm kính lễ các vị lai Phật, lâu ngày chung quanh chúng ta toàn là Phật. Từ Phật bên ngoài cho đến Phật trong tâm và khi mở mắt nhìn đời, ngỡ họ là Phật thiệt. Bấy giờ, họ cũng trở thành Phật theo tâm niệm của chúng ta.

Theo tôi, lạy Phật để tu đúng pháp, nhất định sẽ có được kết quả như vậy. Tuy nhiên, nếu lạy Phật mà phân ra Phật tốt và chúng sanh xấu, thì càng lạy Phật, ông Phật của chúng ta càng xấu.

Hiểu rõ như vậy, lạy Phật nhiều chừng nào, tâm chúng ta phải thánh thiện nhiều chừng nấy. Khi quên tất cả cái xấu trên cuộc đời, chỉ lo tu, đến ngày nào đức sanh ra, biến người nói xấu trở thành người nói tốt chúng ta.

Tôi đã kiểm nghiệm pháp này, chung quanh tôi thường có người chống phá. Nhưng tôi không hề có ý niệm đó, chỉ để tâm kính lễ Phật. Sau đó, họ trở thành người ủng hộ tôi.

Thiết nghĩ lạy Phật mà vẫn nhớ cái xấu của người thì càng lạy, nghiệp càng tăng. Nhưng nếu chúng ta biết lấy cái đẹp của Phật gắn lên cho người, người sẽ tốt theo. Đó là pháp tu từ giả biến thành thật.

Trong lịch sử, chúng ta thấy rõ điều này. Điển hình như Tổ Huệ Đăng và Tổ Phi Lai thực sự không xuất thân từ thầy tu. Thật ra các Ngài là nhà cách mạng thất vận, trốn vô chùa, mặc áo tu và được người cung kính coi là Thầy. Với thời gian, nên quen lần, nghĩ mình là Thầy, cũng học kinh, suy nghĩ, hiểu nghĩa lý kinh và tu, Ngài trở thành Tổ.

Ngược lại, tôi cũng thấy có người chưa đến nỗi tệ xấu, nhưng chúng ta khinh dể họ, khiến họ nổi nóng, nói bậy và họ tự cho rằng lỡ hư rồi thì họ làm cho hư luôn.

Theo tôi, tất cả lỗi của người, chúng ta không để tâm và chỉ nghĩ đem điều tốt trang nghiêm cho họ. Dần dần, họ trở nên tốt thực. Bấy giờ, ta có pháp lữ đồng hành. Đừng dại dột đẩy họ vô thế chống đối ta.

Chúng ta tu Pháp Hoa hình dung người khác là Phật tương lai, nên sanh tâm cung kính tâm Bồ đề của họ thì Bồ đề tâm họ tự lớn. Giúp người tin tưởng được khả năng của họ có thể tiến bước trên con đường thánh thiện là điều chúng ta nhắm đến khi lễ Phật vị lai.

Bản thân tôi khi tu học ở Nhật, may mắn được Thầy hiền bạn tốt viết thư động viên và tin tưởng tôi sẽ làm được những điều tốt đẹp cho đạo. Lòng tin yêu gửi gắm ấy khiến tôi nỗ lực hơn nữa.

Sau cùng, tổng lễ THẬP PHƯƠNG TẬN HƯ KHÔNG BIẾN PHÁP GIỚI VỊ LAI NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT. Nghĩa là quán tưởng mọi người trong pháp giới, không ai không thành Phật trong tương lai, nên chúng ta lạy để kết duyên với họ. Thiết nghĩ Phật tánh của quý vị đã nhận được lạy của tôi từ quá khứ. Lạy qua tương quan Phật tánh, không phải lạy xác thân tội lỗi. Nhờ duyên lành này dẫn đến hiện tại chúng ta gặp nhau, cùng tu chung trong pháp hội.

Chúng ta cứ nhìn về tương lai, hướng đến thành Phật của mọi người mà sanh tâm kính trọng như Phật, thì công đức chúng ta vô lượng. Thật vậy, kinh Pháp Hoa dạy đối với Phật quá khứ đã thành Phật, không có vấn đề gì tác hại các Ngài được. Dù có chửi mắng Phật trong một kiếp, tội cũng không nặng bằng phá pháp, làm cho người thoái tâm, không tu, tức là đã giết chết một Đức Phật vị lai.

Tóm lại, siêng năng kính lễ các Đức Phật vị lai, nhằm tạo niềm tin cho người và kết thành sự hỗ tương và bồi dưỡng căn lành cho nhau để thành Phật. Tất cả Tăng Ni Phật tử đều là vị lai Phật. Vì vậy, tổng lễ Đức Phật vị lai, chúng ta cùng tu tập tương kính lễ nhau, phát huy tâm Bồ đề và Phật tánh của nhau. Và chúng ta hợp lực xây dựng sự bình ổn cho ngôi nhà Phật pháp trường tồn, để cùng nhau thăng hoa đến ngày đạt quả vị Vô thượng Bồ đề.

---o0o---

D - ĐẢNH LỄ BỒ TÁT

Kinh Pháp Hoa quy định Bồ tát là những người làm lợi ích chúng sanh và được sự hộ niệm của chư Phật. Có 3 cấp bậc Bồ tát. Ở dạng cao nhất là Bồ tát Tùng địa dũng xuất hay Bồ tát Pháp thân, thị tùng của Pháp thân Phật.

Các Ngài trụ trong thế giới Thường Tịch Quang, ở ngoài tầm mắt của phàm phu. Chỉ sau khi thành tựu 3 pháp : đại từ bi, nhẫn nhục và nhấùt thiết pháp không, chúng ta dự vào hội không trung thuyết pháp mới diện kiến được các Ngài. Nhờ lực gia trì của Bồ tát vô hình này, chúng ta tu dưới dạng thức nào cũng giữ gìn và phát triển tâm Bồ đề được.

Kế đến là Bồ tát mười phương lai thính Pháp Hoa kinh hay Bồ tát thị tùng Báo thân Phật, có 80.000 vị. Nhưng đến hội không trung thuyết pháp, số này tăng lên nhị vạn, bát vạn, bát thập vạn ức na do tha. Con số này cũng là số biến không cùng. Muốn đảnh lễ các Ngài, chúng ta phải thâm nhập được thế giới Thật Báo trang nghiêm.

Thập phương du hóa Bồ tát đông vô số, thu hẹp lại, hội Pháp Hoa nêu danh 37 vị, tiêu biểu cho 37 phẩm trợ đạo. Hàng ngày, kính lễ 37 vị Bồ tát này để kiểm tra tâm thức và cuộc sống của chúng ta cho tương ưng với 37 pháp thánh thiện. Hay nói cách khác, tập làm theo hạnh nguyện các Ngài, sẽ nhận được lực Bồ tát hộ niệm trong thế liên hoàn hỗ tương; chúng ta dễ dàng tạo được công đức.

Hạng cuối cùng là Bồ tát mới phát tâm, hay những người cùng tu chung. Đây là Bồ tát từ nhân hướng quả, khác với Bồ tát lớn vừa nói là Bồ tát từ quả hướng nhân. Chúng ta tôn trọng và từng bước dìu dắt người mới phát tâm tiến thân trên đường đạo hạnh. Tuy nhiên, muốn giúp đỡ họ, chúng ta cần phải được trợ lực của hai hàng Bồ tát lớn từ quả hướng nhân. Vì các Bồ tát mới phát tâm, nghiệp chướng còn nhiều, thuộc loại “vui tu, buồn bỏ”; độ được họ không bỏ cuộc là vấn đề không đơn giản.

Trước tiên, chúng ta lạy Bồ tát mười phương lai thính Pháp Hoa kinh để tiếp nhận sự trợ lực cho ta và người. Tôi lạy Bồ tát mười phương thường thưa với các Ngài rằng tôi không cần gì, nhưng quyến thuộc của tôi còn nhiều phiền não, còn có nhiều yêu cầu. Vì vậy để giải quyết nghiệp chướng của họ, giúp đỡ họ, tôi cầu nguyện vị Bồ tát có hạnh nguyện tương ưng, xin Ngài gia hộ cho họ. Nhờ Bồ tát mười phương trợ lực mà bản thân ta thăng hoa và quyến thuộc chúng ta cũng được an vui theo.

Ngoài ra, đảnh lễ Bồ tát đến dự hội Pháp Hoa, nhiều đến 80 muôn ức vị, gợi cho chúng ta suy nghĩ ở trên thế gian này, người làm việc thiện, cứu tế xã hội, lợi ích cuộc đời không phải ít. Chúng ta cần liên kết với người có hiểu biết, có tình thương trong việc làm và học hỏi với họ, không thể làm một mình được. Người tốt sẽ đến với ta, cùng nhau thực hiện điều tốt mang an vui, lợi ích cho người, đạo hạnh Bồ tát nhờ đó được tăng trưởng.

1 - ĐẢNH LỄ BỒ TÁT MƯỜI PHƯƠNG LAI THÍNH PHÁP HOA KINH

* ĐẢNH LỄ VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT

Mở đầu Bồ tát lai thính Pháp Hoa kinh là Văn Thù Sư Lợi tiêu biểu cho bậc đại trí. Ngài hiện hữu từ thời Phật Nhaặt Nguyệt Đăng Minh, tên là Diệu Quang. Lúc đó, Ngài cũng là bậc Bồ tát thượng thủ và vẫn giữ ngôi vị đó cho đến nay.

Những người được Bồ tát Văn Thù giáo hóa đều thành Phật, trong đó có Phật Nhiên Đăng. Và chính Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Phật Thích Ca.

Ngài xuất hiện trong hội Pháp Hoa để giới thiệu Phật Nhaặt Nguyệt Đăng Minh và Ngài xuống cung rồng Ta Kiệt La giảng kinh Pháp Hoa 8 năm. Đến hội Không trung thuyết pháp, Văn Thù lại xuất hiện với đông đảo Bồ tát thị tùng, đặc biệt có Long nữ thoạt nhiên thành Phật.

Đức Phật cho biết Văn Thù là thầy của ba đời các Đức Phật. Điều này gợi nhắc hành giả trên bước đường tu, phải nương theo bậc cao đức am hiểu đúng đắn lời Phật dạy và thực hiện được cuộc sống theo tam tạng thánh điển.

Chỉ có kinh Pháp Hoa mở ra cánh cửa cho thấy Văn Thù Sư Lợi là vị cổ Phật hiện lại làm Bồ tát nên trí tuệ của Ngài thật vô cùng. Từ người thấp nhất đến người cao nhất, Ngài đều hiểu rõ và cưu mang, giúp họ thành Phật.

Ý thức như vậy, chúng ta càng kính lễ Bồ tát Văn Thù, càng nỗ lực phát huy trí tuệ, đồng thời cầu nguyện trí lực Ngài soi sáng tâm trí để chúng ta đạt được thấy biết chính xác như thật, ngõ hầu giải quyết lợi ích cho mình và người.

* ĐẢNH LỄ QUAN ÂM BỒ TÁT

Khi có được trí Văn Thù rọi sáng, hay phải suy nghĩ chín chắn rồi, chúng ta mới niệm Quan Âm, tức theo hạnh đại từ bi, cứu nhân độ thế. Vì không có trí tuệ chỉ đạo, giúp người sẽ hóa ra hại người và còn hại cả ta nữa.

Có trí tuệ, Bồ tát Quan Âm dạy chúng ta cách nhìn đời, thấy rõ căn tánh hành nghiệp của chúng sanh, nghe rõ tiếng nói của ngũ uẩn, mới biết người đáng độ, việc đáng cứu và giải quyết tốt đẹp cho người.

Ngoài việc cứu độ chúng sanh ở cõi Ta bà, Ngài còn trợ hóa Đức Phật Di Đà ở Tây phương Tịnh độ. Hành đạo ở hai trụ xứ tịnh uế tương phản như vậy, cho thấy Ngài là vị cổ Phật Chánh Pháp Minh Như Lai. Từ Phật cảnh giới, Ngài bước xuống cõi Ta bà, hiện hóa trên cuộc đời dưới 32 dạng hình khác nhau, để đưa chúng sanh về bờ giải thoát.

* ĐẢNH LỄ ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT

Kế tiếp, đảnh lễ Vô Biên Quang Trí Thân Đại Hùng, Đại Lực, Đại Thế Chí Bồ tát. Ngài có hạnh nguyện phóng ánh quang đến những người có tịnh nhân ở Ta bà. Tiếp nhận được ánh sáng gia bị của Ngài, sẽ trở nên thông minh, hiền lành, khỏe mạnh hơn.

Tuy nhiên, muốn nhận được lực nhiếp trì, niệm danh hiệu Bồ tát Đại Thế Chí, chúng ta cần cố gắng phát huy tịnh nhân của chính mình. Ở trong đời ngũ trược ác thế, mọi người luôn sống với năm thứ nhơ bẩn : kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược. Trái lại, theo Ngài, chúng ta luôn nuôi dưỡng tịnh nhân hay năm hạt giống thiện.

Thật vậy, sống trong kiếp trược là thời đại đấu tranh kiên cố, lòng chúng ta luôn thanh thản, khoan dung với người, không hơn thua tranh chấp, vì có hạt nhân thanh tịnh bên trong.

Kiến trược là không ai bằng lòng với cuộc sống của mình, luôn luôn bực bội. Đó chính là hạt nhân ác, nên những cái họ không ưa sẽ gắn chặt với họ đời đời vĩnh kiếp. Riêng tôi, cái gì không thích, nó tự biến mất. Điều gì thích, tự hiện ra, vì biết trồng hạt nhân thanh tịnh. Thiết nghĩ khi tâm hồn trong sạch hay trang bị hạt nhân thanh tịnh, cảnh giới bên ngoài tự động an vui theo.

Phiền não trược của chúng sanh đầy rẫy, tựu trung có sáu thứ chính : tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Chúng ta tự kiểm tra xem những nghiệp nhơ bẩn này còn tác động thân tâm mình hay không. Đức Phật dạy phiền não phát xuất từ lòng tham. Do tham nhưng không đạt được như ý, mới sanh ra bực tức, dẫn đến mất khôn.

Chúng ta có tịnh nhân, để tâm hồn lắng yên. Nhờ vậy, thấy rõ lý nhân duyên của mọi việc trên cuộc đời, giải được những gút mắt, khó khăn trong sinh hoạt đời thường, đồng thời chuẩn bị tư lương phong phú cho con đường trở về Tịnh độ của mình. Tu như vậy, khi mãn duyên ở cõi này, chắc chắn chúng ta sẽ sanh về Tịnh độ.

Trên nền tảng cần gieo trồng tịnh nhân, chúng ta tu Tịnh độ nên lưu ý, nếu chỉ niệm Phật suông, không đủ. Muốn sanh về thế giới Phật, phải nuôi điều thiện trong tâm. Trái lại, trồng toàn hạt nhân ác của Ta bà như tham lam, ghét ganh, tranh giành, sân hận, si mê..., tất nhiên, vĩnh kiếp ở cõi ô trược này mà hưởng quả đã gieo.

* ĐẢNH LỄ THƯỜNG TINH TẤN BỒ TÁT

Ngoài ra, một vị Bồ tát rất thân thương đối với người tu Pháp Hoa, đó là Ngài Thường Tinh Tấn. Trong 37 trợ đạo phẩm, Ngài có nguyện chuyên tu tứ Chánh cần. Ngài làm công việc duy nhất là kiểm tra chính bản thân để thanh lọc hai phần thiện ác. Đem điều thánh thiện vô lòng, thể hiện trong cuộc sống và loại bỏ điều ác xấu khỏi thân tâm.

Trong vô số kiếp quá khứ, Thường Tinh Tấn Bồ tát đã trải thân chịu cam khổ thực hành pháp tu này và phát nguyện tận vị lai kiếp hành Bồ tát đạo, trả ơn Phật bằng cách đem pháp môn Ngài tu có kết quả để khai ngộ cho người noi theo tu hành.

Hòa thượng Niwano cũng dạy áp dụng pháp tu này bằng cách khi làm được một điều tốt, thì đánh dấu bằng một hột đậu trắng. Làm một việc xấu thì đánh dấu bằng hột đậu đen. Cuối tháng, kiểm lại xem thường thấy niệm ác nhiều hơn niệm thiện.

Biết như vậy, chúng ta cố gắng siêng tu, nếu ác tâm nổi lên, cần đoạn ngay, không cho phát triển và phải chân thành sám hối. Ý thức sâu sắc điều này và

khởi tu từ đó, mới có hy vọng đắc đạo. Theo tôi, cuộc đời là tấm gương cho chúng ta soi bóng, tội lỗi nhiều thì người khinh chê, phước đức thì người kính trọng. Vì vậy, bị khinh chê, chúng ta cần nỗ lực siêng tu hơn.

Tôi thường nhớ lời cố Hòa thượng Thiện Hoa dạy, lấy đó làm tư lương phát huy đạo nghiệp. Ngài nhắc nhở rằng nhờ có nhiều người bài báng, chúng ta mới ra công tu hành.

Kính lễ Thường Tinh Tấn Bồ tát, chúng ta càng cố gắng vượt khó, cương quyết loại bỏ xấu ác, siêng năng phát triển tốt lành là hạnh Bồ tát, quả Như Lai.

* ĐẢNH LỄ NGUYỆT QUANG BỒ TÁT

Trang bị bi, trí, dũng của Bồ tát Văn Thù, Quan Âm và Đắc Đại Thế, theo gương của Thường Tinh Tấn, chúng ta vào đời bắt gặp hiện hữu dễ thương của Bồ tát Nguyệt Quang. Ngài không bao giờ nổi nóng, luôn bình tĩnh, nhẹ nhàng làm dịu mát chúng ta trước những oi bức của cuộc đời.

* ĐẢNH LỄ PHỔ HIỀN BỒ TÁT

Cuối cùng, chúng ta đảnh lễ Phổ Hiền Bồ tát là vị tiêu biểu cho uy đức vô cùng cực. Thiết nghĩ mọi việc làm muốn thành tựu, ta phải có uy đức. Có đức hạnh, người dễ cảm mến ta. Nhưng gần gũi thường, chúng sanh cũng dễ lờn mặt. Không có uy thì khó điều được người.

Phổ Hiền Bồ tát có nguyện rất dễ thương, Ngài đến để ngăn chặn ma và bảo vệ người tu. Khi nào chúng ta làm điều tốt, Phổ Hiền trợ lực gia bị. Nhưng làm việc trái đạo, ta bị lương tâm hành hạ, có thể hiểu đó là uy đức của Phổ Hiền tác động đến ta.

Trên bước đường tu, chúng ta nhìn vô tấm gương đời mà tự sửa mình cho tốt. Tuy nhiên, bên cạnh thực tế phũ phàng, đắng cay, chúng ta còn có hình ảnh Phật và vô số Bồ tát tuyệt vời. Đó là nơi trú ngụ an lành nhất, ấm áp nhất, vì chỉ có tình thương bao la vô bờ bến và trí tuệ sáng ngời của các Ngài mới có khả năng an ủi, vỗ về, đẩy mạnh bước tiến đạo hạnh của chúng ta trên 500 do tuần đường hiểm.

Tóm lại, kính lễ chư vị Bồ tát, nhằm nhắc nhở chúng ta công hạnh của các Ngài, ngõ hầu gieo trồng, nuôi dưỡng, phát huy đức hạnh của chính chúng ta. Thực hiện được bao nhiêu hạnh nguyện giống các Ngài, chúng ta sẽ tiếp nhận được bấy nhiêu lực gia bị từ các Ngài truyền đến. Từ đó, dễ dàng tăng trưởng Bồ đề tâm và phước đức trên con đường tu tạo Bồ tát hạnh.

2 - ĐẢNH LỄ BỒ TÁT TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

Sau khi tổng lễ nhị vạn, bát vạn, bát thập vạn ức na do tha Bồ tát lai thính Pháp Hoa kinh, nghĩa là liên kết với Bồ tát hữu hình, hữu danh trong khắp mười phương, chúng ta đảnh lễ Bồ tát ẩn danh, vô hình gọi là Bồ tát tùng địa dũng xuất.

Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật muốn giới thiệu Bồ tát cửu trụ ở Ta bà, luôn luôn làm việc tốt một cách âm thầm lặng lẽ. Họ là Bồ tát từ quả hướng nhân, đã đủ trí tuệ vô thượng và tâm từ bi, vì thương nhân gian mà hiện thân trên cuộc đời giáo hóa chúng sanh, nhưng không bao giờ để lộ cho biết họ là người siêu việt.

Thí dụ như Di Lặc hiện thân làm Tế Điên Hòa thượng. Người ta nghĩ ông điên. Nhưng trước khi mất, ông mới cho biết là hiện thân của Bồ tát Di Lặc và nói bài kệ. Nói xong, Ngài thị tịch. Ngài được coi là Tổ của Duy thức học, chuyên phân tích tâm con người và đưa ra pháp tu gạn lọc tâm cho trong sạch đến mức hoàn toàn, thành Phật. Bài kệ ấy như sau :

Tam điểm như tinh tượng

Hoành câu tợ nguyệt tà

Phi mao tùng thử đắc

Tố Phật giả do tha.

Bài kệ nói về tâm của con người. Viết theo chữ Hán có 3 điểm như ngôi sao, hình móc câu như mặt trăng. Trở thành loài thú mang lông đội sừng hay thành Phật cũng đều từ tâm mà tạo nên.

Hoặc Bồ tát Quan Âm hiện thân chịu nhiều đau khổ đắng cay, nhưng vẫn nhẫn nhịn tu hành cho đến ngày hoàn thành mục tiêu giáo hóa. Ngài ra đi rồi, ta mới biết người có tình thương cao cả đó là Quan Âm Bồ tát.

Nói chung, tất cả Bồ tát vì cứu khổ chúng sanh, hiện thân trên cuộc đời, sống bình thường như chúng ta, nhưng việc làm của các Ngài thì thật phi thường. Khi từ giã cõi đời, họ để lại dấu ấn của những bậc siêu phàm, chúng ta mới nhận ra họ là Bồ tát. Pháp Hoa gọi đó là Bồ tát Tùng địa dũng xuất là Bồ tát từ đất trồi lên.

Đối với hành giả Pháp Hoa, nhận được sự mật tá của Bồ tát Tùng địa dũng xuất là điều hết sức quan trọng. Thật vậy, tuy chúng ta không thể thấy các Ngài, nhưng nếu tu đúng Phật đạo, chúng ta đến nơi nào, mọi việc đều được an bài tốt đẹp.

Riêng tôi, với niềm tin sâu sắc nơi Bồ tát Tùng địa dũng xuất, việc hành đạo trở thành đơn giản, không cần tính toán. Thiết nghĩ nếu là việc do Phật bổ xứ, Giáo hội giao trách nhiệm, Bồ tát mật tá oai linh, chúng ta hết lòng làm, thì việc khó cũng hóa dễ, việc nguy hiểm cũng thành an lành.

Bồ tát Tùng địa dũng xuất đông vô số, có đến lục vạn hằng hà sa, trong đó dẫn đầu là bốn vị : Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh, An Lập Hạnh. Bốn vị thượng thủ này rất quan trọng, mang bốn đức tính của thường trú Pháp thân.

Kính lễ bốn vị Bồ tát thượng thủ, chúng ta phải tu bồi bốn đức giống các Ngài. Không thể hiện bốn đức ấy trong cuộc sống, lễ lạy suông cũng vô ích.

* ĐẢNH LỄ THƯỢNG HẠNH BỒ TÁT

Bồ tát Thượng Hạnh đồng với Pháp Thượng Bồ tát trong kinh Bảo Tích, có khả năng giáo hóa cao tột, làm được những việc cao quý mà người thường không với tới được. Kính lễ Ngài, chúng ta phải lập chí hướng thượng, không an phận với cuộc sống thấp hèn, nỗ lực phát triển tri thức và đạo đức cho đến ngày thành Phật.

Nuôi chí và lập hạnh như vậy, tương ưng với Bồ tát Thượng Hạnh và chư Phật mười phương, chắc chắn nhận được lực gia bị của các Ngài. Dù biết các Ngài hộ niệm, chúng ta cũng không ỷ lại, chỉ lo gắng sức phát triển tự

thân. Bấy giờ không van xin, các Ngài vẫn giúp cho chúng ta tăng trưởng đạo lực.

Trái lại, cầu khẩn đến đâu chăng nữa, Bồ tát lực, Phật lực cũng không bao giờ đến với người có tánh hèn mọn, thích nhờ vả. Người Nhật học kinh Pháp Hoa chịu ảnh hưởng tinh thần Thượng Hạnh Bồ tát, thường chỉ giúp đỡ người có chí phấn đấu vượt khó, không nuôi người ăn hại.

* ĐẢNH LỄ VÔ BIÊN HẠNH BỒ TÁT

Vô Biên Hạnh Bồ tát hay Bồ tát đa hạnh mới có thể giáo hóa được chúng sanh căn tánh, hành nghiệp khác nhau. Thể hiện tinh thần vô biên hạnh, tức hạnh hằng thuận chúng sanh của Phổ Hiền Bồ tát, Phật giáo truyền sang Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản, Thái Lan... đều được chư vị Tổ sư sinh hoạt theo những mô hình khác nhau, phù hợp với dân tộc tính nơi đó. Nhờ đó, đạo pháp tồn tại, hưng thịnh lâu dài. Vì vậy, áp dụng mô hình cố định, không thay đổi, không phù hợp thực tế cuộc sống hiện tại, chính là đưa Phật giáo đến chỗ diệt vong.

Chúng ta cầu vị Bồ tát này gia bị, nghĩa là cố gắng đa dạng hóa khả năng của mình. Đừng để lạc vào khung cứng nhắc, cố định, không thể phát triển công đức.

* ĐẢNH LỄ TỊNH HẠNH BỒ TÁT

Tịnh Hạnh là hạnh trong sạch, từ việc làm đến tâm tư, tình cảm hoàn toàn thánh thiện. Kính lễ Bồ tát Tịnh Hạnh, trên bước đường tu, dù làm việc lớn hay nhỏ, làm ít hay nhiều, chúng ta luôn luôn giữ tâm bình ổn, trong sạch.

* ĐẢNH LỄ AN LẬP HẠNH BỒ TÁT

Cuối cùng, chúng ta nối gót theo An Lập Hạnh Bồ tát, nghĩa là đứng đúng vị trí, trụ vững chắc, không bị vật khuynh đảo, tức sống hài hòa với mọi hoàn cảnh, mọi người; nhưng không bị người chi phối, hoàn cảnh không cuốn trôi. Muôn đời tư chất của người đệ tử Phật không thay đổi. Vào đời, chúng ta thấy người đòi hỏi nhiều, thì biết họ không phải là Bồ tát, không nên gần gũi. Người mà hoàn cảnh nào cũng an vui, chúng ta có thể kết thân được.

Trên bước đường hành đạo, chúng ta có những người thuộc bốn loại hình này hợp tác, nhất định thành công. Bốn thượng thủ Bồ tát Tùng địa dũng xuất dẫn đạo cho 6 muôn hằng hà sa Bồ tát. Điều này có thể hiểu là nếu chúng ta sống với bốn đức tánh của bốn vị Bồ tát thượng thủ thì sẽ luôn luôn có người ở khắp mọi nơi đến làm quyến thuộc. Họ xuất hiện từ đủ giai cấp trong xã hội, nhưng ở thành phần nào, cũng là người tốt nhất đến với chúng ta.

Đảnh lễ bốn vị Bồ tát này để cầu được gia hộ, nghĩa là chúng ta hành đạo theo bốn phương thức của các Ngài chỉ giáo, mọi việc tự thành tựu tốt đẹp, ngoài sức hiểu biết thông thường.

* TỔNG LỄ BỒ TÁT TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

Ngoài bốn vị Bồ tát thượng thủ, chúng ta tổng lễ nhị vạn, bát vạn, bát thập vạn ức na do tha Bồ tát tùng địa dũng xuất đã thọ nhận lời di chúc của Phật Thích Ca truyền bá kinh Pháp Hoa sau Phật diệt độ ở cõi Ta bà, nhằm tạo thắng duyên, nhận lực gia bị nơi các Ngài.

3 - TỔNG LỄ THÁNH HIỀN BỒ TÁT

Kế đến, chúng ta tổng lễ các vị Thánh Hiền Bồ tát trong hội Pháp Hoa. Đức Phật thuyết hơn 300 hội, nhưng chúng ta lấy quyến thuộc Pháp Hoa làm chính, vì đồng hạnh nguyện dễ tu chung hơn.

* ĐẢNH LỄ NGÀI A NAN VÀ CÁC VỊ ĐẠI THÁNH TĂNG

Tiếp theo, lạy Ngài A Nan và 12.000 vị đại Thánh Tăng. Các Ngài là đối tượng cho Phật Thích Ca nói kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu. 12.000 vị này tiêu biểu cho thập nhị xứ, tức 6 căn tiếp xúc với 6 trần. Nói chung đó là tất cả hiểu biết của chúng ta trên cuộc đời.

Đảnh lễ các Ngài, thầm ghi nhận công lao các Ngài đã đóng góp cho Phật pháp, nhất là đối với Ngài A Nan đã trùng tuyên kinh điển. Nhờ đó, chúng ta mới có chỗ nương thân, tiến bước tu tập.

* ĐẢNH LỄ PHẬT DI MẪU VÀ TỲ KHEO NI CHÚNG

Ngoài ra, cũng đảnh lễ Phật Di Mẫu hay Kiều Đàm Di dẫn đầu 6.000 Tỳ kheo Ni từ Sơ quả đến A la hán, tham dự hội Pháp Hoa.

---o0o---

E - ĐẢNH LỄ PHÁP HOA KINH HOẰNG THÔNG LIỆT VỊ TỔ SƯ

Sau đó, tổng lễ các vị Tổ sư truyền bá kinh Pháp Hoa. Chúng ta nhớ lại từ quá khứ Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, Phật Nhiên Đăng, Phật Oai Âm Vương..., cho đến Phật Thích Ca và các vị Tổ sư nối tiếp.

Kính lễ, cảm nhận ân đức của các Ngài đã giảng dạy, xả thân truyền đạo khắp nơi, tạo thành hệ thống kinh Pháp Hoa cho chúng ta nương theo tu hành.

Tóm lại, chúng ta tổng lễ tất cả các vị Thanh văn, các vị truyền giáo thể hiện ba ý nghĩa. Thứ nhất là lạy trong ý thức báo ơn, vì chúng ta là những người thừa kế sự nghiệp của các Ngài. Các Ngài là những vị duy trì sinh mệnh tương tục của đạo. Những vị này đã được thọ ký, phát hiện được Phật tánh, chắc chắn đang hành đạo dưới mọi dạng hình.

Ngoài ra, lạy các Ngài đồng nghĩa với lạy Phật vị lai. Nhờ lễ lạy trong thế tương ưng tu tập, mọi chống trái trở thành thuận hòa, tạo mối liên hệ quyến thuộc giữ pháp còn mãi trên cuộc đời.

Và sau khi Phật Niết bàn, Tăng Ni là hiện thân của Phật. Lễ lạy họ là duy trì tướng thế gian thường trụ Tam bảo. Đề cao các vị Thánh Tăng để phàm Tăng ý thức được vai trò và sứ mạng của mình.

---o0o---

G - ĐẢNH LỄ PHÁP HOA KINH THỦ HỘ THIỆN THẦN

Kết thúc, chúng ta lạy thủ hộ thần giúp chúng ta an lành trên bước đường tu. Tiêu biểu trong kinh Pháp Hoa có bốn vị Thiên vương đã phát nguyện hộ trì hành giả Pháp Hoa sau Phật diệt độ : Đại Phạm, Đế Thích, Tỳ Sa Môn và Trì Quốc.

* Đại Phạm Thiên vương theo Ấn Độ giáo là chủ cõi Ta Bà, tiêu biểu cho quyền uy bậc nhất. Trong kinh Pháp Hoa, từ thời Phật Đại Thông Trí Thắng, họ đã đến thỉnh Phật chuyển pháp luân. Nếu họ xuất hiện trên cuộc đời, dù không tu, nhưng là người trí thức. Ta kính trọng họ thì cũng được họ hợp tác với ta.

* Đế Thích Thiên vương cai quản 33 tầng trời, sanh lại cuộc đời thường làm vua. Họ là người có phước báo, có quyền uy, thế lực lớn. Đế Thích phát nguyện giữ gìn người trì kinh Pháp Hoa. Chúng ta lạy để nhắc nhở họ đến hỗ trợ theo như lời nguyện.

* Tỳ Sa Môn Thiên vương là vị thống nhiếp chư thần và Trì Quốc Thiên vương coi cuộc sống nhân gian.

Nói chung, tất cả người từ lớn nhất là Đại Phạm, vua chúa, cho đến thấp nhất là sơn thần, thổ địa cùng tùy hỷ, bảo vệ chánh pháp, chúng ta đều kính lễ. Không phải đọc suông, nhưng ta có ý niệm thực như vậy

Bản thân tôi, khi kính lễ thực và đi vào cuộc sống, tôi gặp những người tu của tôn giáo khác, họ không chống trái mà còn có thiện cảm với tôi. Thiết nghĩ những tôn giáo khác đều có phần đặc thù của họ. Chúng ta không làm mất lòng, từ bậc cao nhất đến người nhỏ nhất, ta đều quý trọng thì chắc chắn sẽ được họ quý mến và tạo được vòng đai tình thương, an ổn.

Kính lễ bốn vị Thiên vương và tất cả thiện thần, cũng có nghĩa là trong thực tế cuộc sống, chúng ta tạo được cảm tình tốt với những người thông thái, có phước báo, có thế lực, việc hành đạo dễ dàng thành công. Và kính lễ như vậy cũng nhằm trồng căn lành cho tất cả các loài.

---o0o---

IV - SÁM HỐI

Sám hối không có nghĩa là đọc suông cho Phật nghe để Ngài tha tội cho ta. Mỗi cách sám hối đều có ý nghĩa riêng, tìm được cốt lõi ấy mà tu mới có kết quả.

Bình thường, chúng ta phạm lỗi với ai thì trực tiếp xin lỗi người đó. Nhưng tu Hồng danh sám hối, chúng ta lạy Phật, xưng tán danh hiệu Phật, Bồ tát và

trồng căn lành ở các Ngài, nhờ các Ngài bảo lãnh để giải trừ ác nghiệp giữa ta và người.

Thật vậy, khi còn mang thân nghiệp đầy ắp tội lỗi, chúng ta không có cách gì để người chấp nhận, tha thứ được. Ngoài ra, từ vô thỉ kiếp, chúng ta đã tạo biết bao oan trái trong các loài, các cõi. Làm cách nào có thể đến từng nơi, từng loài để xin lỗi từng việc.

Chúng ta biết rõ Đức Phật là bậc Toàn giác, Toàn trí, có khả năng điều động khắp pháp giới, thông suốt ba đời, thu thành một niệm. Vì vậy, chúng ta phải mượn lực Phật mới có thể sám hối với tất cả. Lạy Phật, nương theo Phật đức tu hành, tội theo đó mất dần và phước sanh ra. Cũng giống như nương tựa với người có quyền thế, phước báo, thì chủ nợ cũng để yên cho ta làm ăn, một thời gian phục hồi được cơ nghiệp, trả được nợ.

Ứng dụng pháp sám hối này trên thực tế sẽ thấy rõ kết quả. Khi chúng ta lạy Phật, chiêm ngưỡng Ngài, chỉ nghĩ đến Ngài, không nhớ nghĩ gì khác, thì hình ảnh thánh thiện, cuộc sống cao cả của Phật tác động tâm ta. Bấy giờ, tâm đã in được hình ảnh Phật, tất nhiên chúng ta sẽ hiện tướng dễ thương, người không còn muốn gây sự nữa.

Chúng ta lạy Phật, thấy Phật bằng mắt, bằng tâm hay niềm tin, nghiệp chúng ta tiêu. Nghiệp quá khứ dồn lại thành nghiệp hiện tại, thể hiện qua thân, khẩu, ý. Nhưng ý chủ động, thuộc về tánh nghiệp. Vì nghiệp này có sẵn trong lòng, nên có người tái sanh lại còn nhỏ đã hung dữ, tham lam.

Chúng ta sám hối là không cho nghiệp ác trong lòng bộc khởi một khoảng thời gian, thì nghiệp tự nhiên bị thủ tiêu. Ví như hột giống gieo xuống đất thành cây, cứ vậy luân chuyển tồn tại. Nhưng nay chúng ta không gieo, lâu ngày hột giống tự hủy.

Tuy nhiên, không cho hạt giống nghiệp sanh khởi, tức hạn chế nó, không cho hiện ra thành lời nói hay cử chỉ, hành động bên ngoài là điều dễ làm. Ngăn chặn nghiệp, không cho sanh khởi trong tâm mới khó. Thực tế chúng ta thấy có người được huấn luyện thành ác, trong tâm họ rất độc ác, nhưng bên ngoài vẫn tỏ vẻ thật hiền. Họ không để lộ nghiệp ác ra lời nói hay cử chỉ.

Đối với người thực tu, sám hối phải chặn được nghiệp trong tâm. Vì chúng ta biết nghiệp bên ngoài hiện hành rồi cũng tự tàn, còn nghiệp trong tâm quan trọng hơn, nó làm nhân dẫn chúng ta đi thọ sanh đời sau.

Ví dụ vua A Dục kéo quân xâm lăng, giết cả xứ Kalinga. Về sau, ông hối hận, nỗ lực làm nhiều việc thiện, hộ pháp, trở thành người có công nhất đối với đạo. Chính hành động ác đã tác động vô tâm thiện, tạo thành hạt nhân thiện bên trong, khiến ông tin Phật tuyệt đối, xóa được nghiệp ác.

Tại sao lạy Phật, chúng ta tiêu nghiệp ?

Đức Phật cho biết công đức tu hành của mười phương Phật rất lớn. Trong đời thường, chúng ta chỉ mới thấy một vị chân tu đạo đức, lòng chúng ta đã được thanh thản, nghiệp ác đã lắng xuống, huống chi Phật là đấng trọn lành.

Lạy Phật bằng niềm tin, thấy Phật bằng mắt, bằng tâm, Trí Giả đại sư gọi là thấy Phật hảo tướng, thì nghiệp tiêu, hảo tướng ta sanh ra. Người thực dạ tu hành, hảo tướng sẽ hiện ra trước nhất trong đôi mắt. Nhờ lạy Phật, cảm tâm Phật, tác động tâm ta yên tĩnh, thể hiện ra đôi mắt hiền lành, trong sáng.

Kế tiếp, tướng hảo hiện ra trên môi, trên lưỡi. Miệng tươi như hoa, lời nói hiền hòa, từ ái, âm thanh nghe mát lòng. Hoặc tướng hảo hiện ra trên thân, có dáng đi nhẹ nhàng, thanh thoát, người nhìn thấy phát tâm tu. Đó là tướng lành hiện sớm nhất khi tu có công đức. Còn những tướng khác đòi hỏi phải có quá trình tu hành, nhiều khi phải đến đời sau mới đổi được.

Bản thân tôi thuở nhỏ không có hơi tụng kinh vì bị suy tim và bệnh suyễn. Nhưng bằng tâm thành, tôi lạy Phật, từ lạy ngũ bách danh, đến lạy vạn Phật, lạy Hồng danh sám hối. Một khoảng thời gian, nhờ công đức lạy Phật, nghiệp tiêu, bệnh suyễn tự hết, nhịp tim cũng bình thường, một hơi thở có thể kéo dài rất lâu và tụng kinh, giảng kinh nhiều, giọng càng thanh ra.

Ít nhất một ngày phải lạy một thời Hồng danh sám hối. Và dành khoảng thời gian khác để niệm Phật trong tâm, đừng để tâm niệm những việc thế gian. Pháp lạy Phật, niệm Phật có công năng quét sạch nghiệp ác của chúng ta và làm ta an vui. Đó là lấy pháp rửa nghiệp thế gian. Nhưng nghiệp đạo thì chịu thua. Nghĩa là ta đi chùa nhiều hay ở chùa tu, mà chỉ thấy toàn xấu ác của chùa thì chẳng còn ai cứu được.

Với pháp Hồng danh sám hối, chúng ta tự cải tạo thân tâm, lời nói, việc làm càng giống Phật càng tốt. Từ đó, bước chân vào đời hành đạo, mà còn gặp người gây khó khăn, chúng ta tự biết còn dư nghiệp đời trước, phải sám hối ngay bằng cách niệm Phật để xóa nghiệp.

Tôi có kinh nghiệm về pháp này. Khi thấy người sắp gây, tôi liền nhiếp tâm niệm Phật, sự iền dịu trong tâm tỏa ra nét mặt, trong lời nói, tác động vào đối tượng hung dữ, khiến họ không thể nào hung hăng được nữa. Sám hối thực phải có kết quả tiêu tội như vậy.

Vì tội tạo từ tâm, nên sám hối theo Pháp Hoa cần thực hiện từ chân tâm. Chân tâm và pháp giới đồng một thể. Trên tinh thần đó, chúng ta nương Phật lực, nhiếp tâm tu hành, dồn tất cả nợ nần, tội lỗi về chân tánh. Trả nghiệp ở chân tánh, thông tất cả, nên xóa được tất cả nghiệp.

Trước khi sám hối, phải tạo liên hệ với Phật bằng cách nguyện hương. Dùng năm phần tâm hương của ta để nối liền với năm phần Pháp thân Phật. Thỉnh được Phật đến trước mặt rồi, chúng ta mới đảnh lễ và thành khẩn thưa với Phật rằng :

Con xưa đã tạo bao ác nghiệp,

Đều bởi vô thỉ tham, sân, si,

Từ thân, khẩu, ý mà sanh ra,

Tất cả con nay xin sám hối.

Nghĩa là ta ăn năn những lỗi lầm đã tạo từ vô lượng kiếp trước và hứa không dám tái phạm nữa. Thật vậy, quỳ trước Phật, với ý thức sám hối bằng tâm thành cao độ, nên Phật lực soi rọi thân tâm, khiến chúng ta cảm nhận được nghiệp chướng của ta từ vô lượng kiếp. Giờ đây, vừa sanh lại trên cuộc đời, chưa làm điều gì tội lỗi, đã nhận ngay quả khổ rồi.

Đức Phật dạy nhìn quả hiện tại để biết được nghiệp ác đời trước. Ngày nay nghèo đói, vì do bỏn sẻn, hoặc gian tham, trộm cắp từ nhiều đời. Riêng tôi, sanh trong gia đình nghèo, từ thuở nhỏ phải ăn cơm với muối hoặc ăn khoai mì. Tôi lạy sám hối, nhớ lời Phật dạy, nhận ra nghiệp chướng nhiều đời, ăn năn đến độ rơi nước mắt.

Từ đó về sau, nỗ lực bồi công lập đức, hết lòng làm công cho Phật, chẳng dám tiêu xài, thậm chí, ý nghĩ thụ hưởng cũng không hề móng khởi. Chỉ một lòng tích lũy công đức, ngõ hầu chuẩn bị tư lương đầy đủ cho cuộc hành trình Bồ tát đạo dài xa trong vô số kiếp tới.

Chân tình sám hối, thấy được nghiệp, mới có thể xóa bỏ vết nhơ tội lỗi, trở thành con người đạo đức. Trái lại, cứ mỗi ngày hay mỗi tháng, hai lần lạy Phật sám hối, nhưng chứng nào tật nấy còn nguyên vẹn, quả là nói láo quá mức.

Sám hối đúng pháp phải thực hiện trên nền tảng trả nghiệp cũ, không vay thêm nghiệp mới. Nhưng trả ít mà vay thêm nhiều, chắc chắn đời sau khổ hơn nữa, con đường đạo nghiệp ắt hẳn khó tiến xa.

Đức Phật cho biết do nhiều đời từng sát sanh hại mạng, nay chúng ta phải chiêu cảm quả khổ của bệnh hoạn, yếu đuối, thân thể bất toàn, hoặc bị đánh, bị giết, luôn sống trong sợ hãi.

Tôi thường quan sát cuộc sống trong hiện tại mà cảm nhận được tiền nghiệp của tôi. Tự suy nghĩ bao nhiêu người sống trong an lành, không biết chiến tranh là gì. Tại sao tôi mới 7 tuổi đã phải khổ sở chạy giặc.

Nhận ra tiền khiên nghiệp chướng từ nghiệp sát mà ra thân phận nông nỗi như vầy, đối trước Phật, lòng dặn lòng từ đây về sau, không bao giờ dám sát hại nữa.

Tuy cả đạo tràng cùng đọc chung bốn câu kệ sám hối của kinh Hoa Nghiêm : Con xưa đã tạo bao ác nghiệp..., nhưng mỗi người có hoàn cảnh riêng, tạo ác nghiệp không giống nhau, nên trả quả báo cũng khác. Vì vậy, cùng một lời kinh mà ý của mỗi người sám hối với Phật đều khác nhau.

Theo Phật, ý thức sâu sắc nguồn gốc của tất cả tội đều phát xuất từ tham, sân, si. Tham, sân, si là tội trong lòng thuộc ý nghiệp, tác động ra bên ngoài cho thân và khẩu tạo tội theo.

Thật vậy, do u mê của ý nghiệp khiến cho thân ưa sát hại, trộm cắp, tà dâm ; miệng ưa nói láo, nói lưỡi đôi chiều, nói đâm thọc, nói lời hung ác. Ý chủ động tạo ra tội và chuyên chở tất cả tội lỗi từ nguyên thỉ chồng chất vô số kiếp mang đến hiện đời, chứa đầy đủ trong tâm.

Với nền tảng là tiền khiên nghiệp chướng tham, sân, si, hay tích lũy ba nghiệp của ý xấu xa như vậy, nên ngày nay mang thân tồi tàn, lời nói khó thương. Nhưng nếu ai động đến, ta liền phản ứng, mạnh nhất là giết hay ít nhất cũng văng lời thô tục.

Thiết nghĩ nếu nghiệp ác quá khứ không có, tất nhiên ta phải được hưởng phước. Người nhìn thấy liền sanh kính trọng, từ đó thân và khẩu nghiệp không thể bộc phát.

Thực lòng tu, nhận rõ túc nghiệp và quyết tâm sám hối cho nghiệp đời trước tiêu, thì khó khăn, bệnh hoạn, yếu đuối... không đến với ta nữa.

Vì vậy, sám hối phải xóa được nghiệp tiền khiên. Không sám hối nghiệp quá khứ, có tu gì cũng là xây lâu đài trên cát.

Mặc dù ý nghiệp tiềm ẩn bên trong tạo tội, nhưng nhờ có thân khẩu bên ngoài giúp chúng ta phát hiện ra được nghiệp ác trong lòng của mình. Theo tôi, khi người vô cớ gây khó khăn, tôi thường nghĩ đời trước mình từng như vậy, nên đời này hiện ra tướng khó thương.

Tôi nhớ lời Phật dạy, không dám giận họ, vì nhờ họ mà tôi biết được túc nghiệp của mình. Thành tâm sám hối, quyết trả nghiệp cũ, họ không còn gây sự, là biết mình đã trả xong oan trái đời trước.

Đối cảnh hằng ngày, chúng ta luôn tâm niệm bất cứ điều gì xảy ra cũng là tiền khiên nghiệp chướng. Nếu càng tính toan, phấn đấu, chúng ta càng bực mình và chuốc lấy đau khổ. Nhưng biết xóa túc nghiệp trong lòng chúng ta, hoàn cảnh bên ngoài tự thay đổi tốt.

Trên căn bản ấy, tu đúng pháp, nghiệp tiêu dần. Chẳng hạn, sau một thời gian tu hành, chúng ta sám được nghiệp bệnh, trở thành khỏe mạnh. Xưa kia, tôi thường đau yếu. Tôi nhắm vô nghiệp này mà sám. Bỗng dưng hết bệnh một cách dễ dàng. Đến nay bệnh không tái phát, tự biết mình đã xóa được nghiệp này.

Hoặc chúng ta rơi vào hoàn cảnh nghèo, sám cho tiêu nghiệp tham, cuộc sống cũng sẽ khá dần lên. Bản thân tôi, nhờ nương Phật lực, sử dụng được kho báu của Ngài, cũng xóa được kiếp nghèo đói.

Sám hối, xóa được bệnh và nghèo, chúng ta lo trừ khử tiếp hai nghiệp : ngu dốt và xấu xí, vì mang thân ngu và xấu đến đâu, chắc chắn cũng khổ. Tôi tự ý thức khi 4 nghiệp : nghèo, ngu, bệnh, xấu, còn đeo đẳng, mang nặng, phải lo cởi bỏ lần, mỗi ngày tiến lên một ít. Tu sao từ bịnh thành khỏe, từ nghèo thành khá, từ ngu thành trí, từ xấu xí thành cao sang, cho đến đủ 32 hảo tướng như Phật.

Điều quan trọng là trong lòng luôn có Phật ngự trị để chúng ta nương tựa sám hối. Chúng ta không đơn độc. Phật chứng minh thiện chí của chúng ta, trả nghiệp cũ, không tạo nghiệp mới.

Nhờ nương Phật, chúng ta trả dễ hơn. Thật vậy, tôi nhờ hưởng phước báo vô tận của Phật mà thoát được kiếp lầm than. Nhờ sử dụng được phần nào kho báu trí tuệ của Phật mà tâm trí sáng ra, giải quyết việc tốt đẹp.

Cảm nhận này được Ca Diếp nói lên trong thí dụ cùng tử. Thân phận gã nghèo nàn, khổ sở, không vốn liếng, không có tài, hay đó cũng chính là hình ảnh của chúng ta. Tuy nhiên, nhờ sống với Phật, làm thuê cho Ngài, ăn hột cơm của Ngài, theo sự chỉ dạy của Ngài, chúng ta nuôi dưỡng được mạng sống, phát triển được khả năng, tạo được đạo nghiệp. Từ đó, đức hạnh thăng hoa, thân tướng quang minh, khỏe mạnh.

Thành tựu được như vậy, tuy chưa đạt đến quả vị Phật, nhưng đã sử dụng được kho tàng phước báo, trí tuệ của Đức Phật. Lúc ấy, đứng trên lập trường Phật để giáo hóa chúng sanh, tức giai đoạn hai, thay Phật lo cho người.

Riêng tôi, thường nghĩ làm gì cũng để cúng dường Phật, không nhằm mục đích riêng tư, nhưng vẫn hưởng được lợi lạc, tăng trưởng tri thức.

Tóm lại, thực tâm tu pháp Hồng danh sám hối, càng đảnh lễ Phật, càng xóa được tiền khiên nghiệp chướng. Dùng đức hạnh Phật trang nghiêm thân tâm, tu tạo thêm công đức. Người nhìn thấy phải sanh tâm hoan hỷ, trí tuệ, đạo đức của ta và người đều thăng hoa. Đó là chơn sám hối, mang lại lợi ích thiết thực cho ta và người trên bước đường tiến tu đạo hạnh, đồng thời báo đáp được công ơn muôn một của Đức Từ phụ.

---o0o---

V - PHÁT NGUYỆN

Sống giữa chợ đời, đương nhiên cảnh xấu ác nhiều hơn là điều tốt lành. Người tu Pháp Hoa tin tưởng rằng ở trong cảnh giới nhiều ác ít thiện ấy, họ vẫn tiến tu được là nhờ Bồ tát, Thánh Hiền trợ lực vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, nếu chúng ta phạm nhiều lỗi lầm, chắc chắn các Ngài không gia bị thì khó mà đương đầu với phiền não, ma chướng.

Chúng ta sám hối cho tiêu nghiệp cũ và ngăn ngừa không cho tội mới sanh ra, bằng cách phát nguyện. Sám hối và phát nguyện có liên hệ hỗ tương mật thiết.

Thật vậy, tâm trí chúng ta diễn biến liên tục, không ngừng. Vì vậy, trên bước đường tu, chúng ta nên thay những dữ kiện xấu trong tâm bằng chất liệu tốt, mà kinh diễn tả là phá một phần vô minh, phải chứng một phần Pháp thân.

Phần Pháp thân tu tạo là do phát nguyện thọ trì, đọc tụng chơn kinh. Lấy hình ảnh phước đức, việc làm thánh thiện của Phật trang nghiêm cho thân tâm và lời nói của chúng ta. Vì không dùng Phật ngữ thì ta sẽ nói những lời không tốt, không suy nghĩ theo Phật thì sẽ suy nghĩ theo thế gian, không làm như Phật thì phải hành động như người đời.

Chúng ta thành tựu được việc làm, lời nói, ý tưởng giống Phật, sẽ tự động xóa được ngôn ngữ, hành động và ý tưởng xấu ác của chúng sanh trong thân tâm ta.

Như vậy, phần sám hối đi kèm với phát nguyện, để đưa Phật, pháp vào thay thế cho thân tâm chúng sanh, còn chỉ đoạn ác mà không tu thiện, không thể được.

Sau khi sám hối cho thân tâm trong sạch, chúng ta đối trước Phật phát nguyện, nghĩa là xin lãnh việc làm với Phật, Phật bảo làm gì ta làm nấy. Khi Phật tại thế, chúng ta dễ dàng hỏi Ngài. Nhưng Phật Niết bàn, chúng ta phải tìm Phật Pháp thân thường trú. Và chỉ có con người tâm linh của chúng ta mới tương ưng được với Ngài.

Sám hối thanh tịnh và bằng con người tâm linh, tức tánh linh, biết được Phật bổ xứ ta đi giáo hóa ở nơi nào, giao cho ta làm gì. Đến đúng chỗ Phật bổ xứ thì phong cảnh nơi ấy tự vui lên, chúng ta cảm thấy an lành và có sự gắn bó thân thương mật thiết. Vì vậy, công việc có khó khăn, cực khổ mấy,

chúng ta cũng vượt qua được và thành công. Còn Phật không bổ xứ, việc dễ cũng không làm được.

Làm việc của Phật giao phó mới là Phật sự. Phải làm theo Phật, đừng làm theo tâm ta, vì tâm ta còn đầy tham vọng, phiền não nhiễm ô, làm theo tâm xấu ác ấy, nhất định phải khổ. Trong kinh Pháp Hoa, chúng ta thấy vua Diệu Trang Nghiêm ý thức sâu sắc tinh thần này, nên đã phát nguyện làm theo Phật, không dám tự ý làm.

Với tư cách là con Phật, chúng ta không van xin, nhưng quán sát xem Phật, Bồ tát làm gì, thì nguyện làm theo các Ngài.

Đức Phật Thích Ca cho biết thuở quá khứ xa xưa, Ngài cùng với Đức Di Đà và Dược Sư hành Bồ tát đạo. Tuy cùng ở Ta bà nhìn thấy trần thế khổ đau, nhưng ba vị lập ba lời nguyện khác nhau.

Phật Di Đà có 48 lời nguyện, Phật Dược Sư có 12 nguyện và Phật Thích Ca nguyện mãi mãi ở Ta bà, nhưng phân thân mười phương giáo hóa.

Cả ba vị đã thành tựu chí nguyện, nên đều thành Phật, kiến tạo ba thế giới khác nhau : Tịnh độ Tây phương Cực lạc, Đông phương Tịnh lưu ly và Thường Tịch Quang Tịnh độ.

Như vậy, phát nguyện là mục tiêu quan trọng mà chúng ta phát tâm Bồ đề vạch ra và quyết chí đạt cho được. Tuy nhiên, phần phát nguyện thay đổi tùy theo hoàn cảnh, tâm niệm và khả năng của từng người có khác nhau, không phải lập y lời theo mô hình có sẵn.

Trên tinh thần ấy, khi trì kinh Pháp Hoa, ở ba giai đoạn khác nhau trên bước đường hành đạo, tôi có ba lời nguyện.

Trong giai đoạn một, thọ trì Pháp Hoa, tôi cảm nhận sâu sắc áo nghĩa của phẩm Hiện Bảo tháp. Từ đó, bằng chân tình mà tôi phát lời nguyện đầu tiên :

"Đệ tử chúng con nghe từ Bảo tháp, vang ra những tiếng ca ngợi Thế Tôn : Thiện tai, thiện tai, Thích Ca Mâu Ni. Ngài đã sử dụng đại huệ bình đẳng, nói pháp Bồ tát, Phật sở hộ niệm, Diệu Pháp Hoa kinh. Như thị, như thị, Thích Ca Mâu Ni, chỗ Ngài nói, đó là pháp chân thật. Cho nên chúng con, nương theo công đức của kinh Pháp Hoa, thọ trì đọc tụng. Cúi mong ba đời, mười phương chư Phật, đại địa Bồ tát, Bát bộ Thiên long, thập La sát nữ,

cùng Thánh Hiền Tăng, thùy từ gia hộ, khiến cho đệ tử phá được phiền não, hàng phục chúng ma, tu đạo Bồ tát, vào tri kiến Phật, độ khắp chúng sanh, đồng thành Phật đạo".

Đối trước hoàn cảnh lúc ấy, tràn đầy chông gai khó khăn, tôi hướng tâm cao độ về hội Linh Sơn, một cảnh giới an lành của Phật, Thánh chúng và Đức Đa Bảo. Bằng niềm tin tuyệt đối và tâm yên tĩnh kỳ diệu, tôi nghe văng vẳng từ pháp hội, âm thanh vi diệu của pháp đàm giữa Đức Thích Ca và Phật Đa Bảo.

Tôi nhận ra các pháp trước chỉ là phương tiện. Đến khi Đức Đa Bảo xuất hiện, mới hiển thị pháp chân thật. Tôi dốc lòng cầu pháp chân thật, mong chư Phật và Bồ tát hộ trì, giúp tôi thanh tịnh để hiểu đươc và thọ trì pháp này. Với độ cảm ấy, tôi phát nguyện theo lời chỉ dạy của Đức Đa Bảo Như Lai, cầu Bồ tát Tùng địa dũng xuất cùng làm pháp lữ đồng hành với tôi.

Từ phát nguyện này, một số người bắt đầu tìm đến, khiến tôi có cảm nghĩ các Bồ tát Tùng địa dũng xuất đã nhận lời thỉnh cầu của tôi mà tác động cho người phát tâm theo tu. Ngoài ra, những người hung dữ tiêu biểu cho thập La sát nữ cũng đến, nhưng họ đã đóng góp lòng thành, giúp ích cho Phật sự thành tựu.

Trải qua một thời gian hành đạo, nhờ sự mật tá uy linh của các Ngài, tôi hoàn tất được một số Phật sự, tu tạo được một ít công đức, nên tự biết mình đã đi đúng con đường Phật dạy.

Lòng hoan hỷ với thành quả mà Phật, Bồ tát đã trợ giúp cho tôi, cùng với tâm an lạc trong chốn Ta bà, tôi lại nuôi chí nguyện dấn thân trên lộ trình Bồ tát đạo qua lời nguyện kế tiếp :

"Nguyện đời đời kiếp kiếp làm hành giả Pháp Hoa kinh. Thọ trì đọc tụng Pháp Hoa kinh. Quảng tuyên, lưu bố Pháp Hoa kinh. Tu học nhơn hạnh Pháp Hoa kinh".

Muốn lưu giữ mạng mạch Phật pháp tồn tại mãi trên cuộc đời, chúng ta phải thọ trì đọc tụng Pháp Hoa kinh. Lâu ngày, kinh này thâm nhập vào tâm, rửa sạch lòng trần, giúp ta thanh tịnh, giải thoát, hiểu biết đúng đắn, mới khả dĩ thay Phật giáo hóa chúng sanh.

Sau đó, quảng tuyên, lưu bố Pháp Hoa kinh, nghĩa là ở nơi nào, chúng ta cũng thể hiện mô hình Phật đạo trong cuộc sống thực, không phải nói suông. Chúng ta thay Phật truyền bá những điều cao quý. Và cuối cùng, tiếp tục tu học nhân hạnh Pháp Hoa kinh, cho đến ngày thành đạt quả Vô thượng Đẳng giác.

Trong những năm gần đây, bước đường hành đạo của tôi có nhiều thay đổi lớn. Đối tượng giáo hóa cũng đa dạng hơn. Một ngày, thân tâm thanh thản trong mùa An cư kiết hạ, an trụ trong thế giới tràn đầy bi nguyện của chư Phật, chư Bồ tát ở hội Pháp Hoa, tôi chợt bắt gặp lại ước nguyện muôn thuở của người tu Pháp Hoa :

" Trước Phật đài con xin phát nguyện, cõi Ta bà thị hiện độ sanh. Thọ trì đọc tụng chơn kinh, quyết lòng tế độ chúng sanh muôn đời".

Có người thắc mắc rằng câu nguyện trên không ứng với hoàn cảnh của chúng ta, vì "thị hiện độ sanh" chỉ dành cho Phật hay Bồ tát đã thành Vô thượng Chánh đẳng giác vì thương nhân gian mà sanh lại. Chúng ta chưa có khả năng đó.

Theo tôi, lời nguyện này xây dựng trên tinh thần Viên giáo của kinh Pháp Hoa, nên tương ưng với chư Phật và cả với người mới phát tâm Bồ đề. Đức Phật cho biết chúng ta là Phật sẽ thành, và kinh Hoa Nghiêm cũng dạy hễ phát Bồ đề tâm là Phật.

Trên tinh thần ấy, chúng ta đã đứng ở lập trường Phật mà phát nguyện sẽ không phạm tội hư vọng. Nghĩa là với tâm hồn yên tĩnh, thoát trần, chúng ta phát nguyện tu dưới dạng chơn tâm. Vì phát từ bản tâm, tu ở bản thể nên đạt thanh tịnh, có đủ tư cách để phát lời thệ nguyện "thị hiện độ sanh".

Trái lại, đứng ở lập trường chúng sanh đầy phiền não nhiễm ô mà phát nguyện như vậy, chắc chắn phạm tội đại vọng ngữ.

Khi thâm nhập đạo tràng vô tướng, chơn tâm lưu lộ, quỳ trước Phật đài bằng tấm lòng thành, bạch với Phật thường trú Pháp thân. Thật ra, chúng ta đã cảm nhận an lành vô tận bên cạnh Đấng Từ phụ, nhưng nguyện vào thế giới Ta bà đầy phiền não.

Điều này gợi nhắc chúng ta nhớ đến con người chơn tánh thanh tịnh của mình. Dùng chơn linh ấy để liên hệ với Phật Pháp thân và trở về Ta bà, tiếp cận chúng sanh bằng huyễn thân ngũ uẩn.

Hành giả Pháp Hoa nguyện ở Ta bà, vì Niết bàn hay Tịnh độ không phải là môi trường tốt cho việc hành Bồ tát đạo, nơi đó phiền não không sanh thì công đức cũng không có.

Đối với chúng ta, mảnh đất tâm rất tốt cho cỏ dại phiền não phát triển sức sống. Vì vậy, chúng ta loại bỏ cỏ phiền não để gieo hạt giống Bồ đề, hay đổi tánh xấu thành tốt. Bấy giờ, chúng ta phát nguyện luôn ở Ta bà, nơi có nhiều quyến thuộc mà ta đã từng kết thân, và chúng sanh đau khổ đang cần đến chúng ta giúp đỡ. Đó là duyên giáo hóa còn tồn tại trên cuộc đời đối với chúng ta. Khi nào không còn chúng sanh đau khổ, ta mới an trú Niết bàn.

Chúng ta vĩnh kiếp ở Ta bà, thay Phật độ sanh bằng cách thọ trì, đọc tụng chân kinh. Thọ trì hay tiếp nhận, giữ gìn chân kinh là phần tinh ba của lời Phật dạy và loại ra những gì không thích hợp.

Kinh Văn Thù dạy rằng trong 49 năm, Như Lai chưa từng nói một lời. Ý này nhằm nhắc nhở người theo Phật không nên chấp chặt giới điều, trở thành bệnh chấp pháp, thì khó có tầm nhìn sáng suốt và giải thoát được.

Cơ thể tiếp thu thức ăn và biến thành chất dinh dưỡng nuôi sống chúng ta. Những gì không cần là cặn bã loại ra ngoài. Học giáo lý cũng vậy, tinh lọc để giữ lấy nghĩa lý sâu xa nuôi sống giới thân huệ mạng ngày một thăng hoa. Những phần không thích hợp cho đời sống tâm linh, cũng phải loại ra để tâm hồn trong sáng.

Có thể nói chúng ta chỉ tìm được chân kinh ngay trong Ta bà hay tìm được Pháp thân hằng hữu trong chính sanh thân này mà thôi. Thật vậy, chúng ta lạy Phật, sám hối, tụng kinh, nghe pháp bằng thân ngũ uẩn. Và khi pháp đã thâm nhập được rồi, tâm chúng ta thanh tịnh. Như vậy, nương theo pháp phương tiện bên ngoài mà chứng được pháp chân thật. Đắc đạo từ trong tâm và từ tâm đó hiện trở lại thân, tức ở ngay Ta bà thọ trì chơn kinh, tự tu hành không tế độ người khác, nhưng người nhìn thấy ta, được giải thoát theo.

Phật dạy Bồ tát không độ chúng sanh nào mà họ vẫn được nương nhờ, mới thiệt là giáo hóa. Còn có ý định giáo hóa là tham vọng, không giáo hóa được.

Theo tinh thần Pháp Hoa, trong chúng ta có hai phần : phần Ta bà nghiệp chướng, không giáo hóa được ai và hễ khởi tâm động niệm, muốn giáo hóa là thất bại ngay. Ngược lại, trong tâm thanh tịnh, hiện hảo tướng và người nhìn thấy thân tướng phạm hạnh của ta thì phát tâm theo Phật tu hành. Chính hảo tướng đó giáo hóa, hay Phật giáo hóa, không phải ta làm được. Môi, lưỡi hiện hảo tướng, phát ra âm thanh vi diệu, khiến người nghe thanh thản, hết ưu phiền, đó là pháp giáo hóa.

Cuộc sống chúng ta an nhiên, bất động, không để ý đến người, nhưng ai gần gũi ta cũng thấy an vui, cảm nhận được giáo pháp, đó là Thánh chúng giáo hóa, không phải ta dạy.

Vì từ tâm ta tương ưng với Thánh chúng, Pháp, Phật, nên hoàn toàn khách quan, không giáo hóa mà thực là giáo hóa. Nói chung, cuộc sống của chúng ta ví như hoa sen vươn lên từ bùn nhơ, tỏa hương thơm ngát cho đời. Sống ở thế giới đau khổ nhiễm ô, nhưng ta thể hiện mẫu người đạo đức, tri thức, tiêu biểu cho Phật pháp còn tồn tại trên thế gian, tác động cho người thương Phật, mến đạo, sống lợi ích cho đời và được an vui giải thoát. Bấy giờ , chúng ta đang tiếp độ chúng sanh, không phải mang cơm gạo cho người mới là cứu độ.

Đạt được lợi lạc trong nếp sống đạo như vậy, chúng ta nhớ lại mục tiêu Đức Phật hiện hữu trên cuộc đời, nhằm cứu vớt muôn loài ra khỏi sanh tử, liền khởi niệm thương quý Đức Phật vô ngần, nên cũng quyết chí ở lại Ta bà với Đấng Từ phụ Thích Ca.

Tuy chưa đạt quả vị Chánh đẳng giác, nhưng chúng ta vẫn nỗ lực giáo dưỡng người trong phạm vi khả năng mình, nguyện theo gương Ngài cứu giúp chúng sanh muôn đời, không ngừng nghỉ.

Các Ngài ở trong thế giới vô hình, chúng ta sống trên hiện tượng giới. Muốn giáo hóa chúng sanh, cần phải có thân ngũ uẩn. Vì vậy, chúng ta mời thỉnh các Ngài hợp tác, đầu tư trí tuệ vô lậu cho chúng ta. Tâm chúng ta thanh tịnh giải thoát, nhưng còn mang thân ngũ uẩn, nên xin Phật giao việc cho ta để ta có cơ hội phục vụ, trả ơn Phật.

Tâm ta đã gắn liền với Phật ở Tịnh độ, mà thân vẫn ở Ta bà, mới phát lên lời nguyện : "Cõi Ta bà thị hiện độ sanh". Lúc nào cũng phải nhớ để tâm ở Tịnh độ, vì tâm thanh thản, vô nhiễm mới giáo hóa được chúng sanh. Còn tâm

chúng sanh đủ thứ ác xấu mà tâm ta cũng "Ta bà", hai thứ này gặp nhau thì chỉ sanh ra phiền não, không giáo hóa được ai.

Chúng ta vì Phật mà ở Ta bà đời đời hành Bồ tát đạo, nên hạ quyết tâm : "Quyết lòng tế độ chúng sanh muôn đời". Dù có tan thân mất mạng cũng không thay đổi lời nguyện.

Theo tinh thần Đại thừa, đắc đạo rồi, chúng ta giữ thân lại để thay Phật giáo hóa độ sanh. Nói cách khác, ta đóng vai Phật để gợi ý cho chúng sanh biết được Đức Phật còn đang hiện hữu ở thế giới vĩnh hằng.

Tuy nhiên, muốn đóng vai Phật, ta phải cân nhắc làm sao y như Phật. Còn ta giống quỷ mà nhận là Phật, là phạm tội phá pháp, một tội nặng nhất, hơn cả tội ngũ nghịch thập ác.

Phật là đấng sáng suốt, giác ngộ. Đóng vai Phật, ta phải đủ sáng suốt để chỉ đạo cho mọi người tiến bước trên đường giải thoát. Không làm được như vậy, ta có tội.

Chúng ta đóng vai Tăng thì phải hòa hợp, thanh tịnh, không được tranh cãi, tranh chấp. Người đời mới có hơn thua, tranh giành quyền lợi. Người xuất gia hiện hữu không vì bất cứ quyền lợi nào, chỉ vì phục vụ Tam bảo, làm lợi ích cho người. Nếu trước Phật, chúng ta hứa đóng vai cư sĩ hộ đạo, tất nhiên phải lo cúng dường Tam bảo.

Tùy theo tư cách, vị trí của mỗi người mà có phát nguyện khác nhau, nhưng đều thể hiện trọn vẹn ý nghĩa của chân kinh. Nhìn chúng ta, người cảm nghĩ như Phật đang còn, là ta đã giữ được chân giá trị của đạo Phật ở thế gian.

Tu đúng pháp, sau mỗi thời kinh hay lễ sám, chúng ta phải thông minh ra, giỏi hơn. Trên bước đường tu, gặp việc khó, không giải quyết nổi, tôi liền tụng Bổn môn Pháp Hoa, việc tự sáng ra. Theo tôi, đó là Phật lực, Bồ tát lực gia bị cho ta nhận biết gút mắt của vấn đề, giải quyết nhẹ nhàng tốt đẹp.

"Thọ trì đọc tụng chân kinh", tức Diệu pháp chỉ có ở bản thể giới, khi bản tâm thanh tịnh và "Quyết lòng tế độ chúng sanh" là Liên hoa, hay việc làm tốt đẹp ở thế giới hiện tượng. Kết hợp hai phần bản thể và hiện tượng, mới có Diệu Pháp Liên Hoa.

Tóm lại, trên bước đường tu học, mỗi người trong chúng ta thọ trì, đọc tụng pháp Phật, tự suy nghĩ tìm lời nguyện thích hợp với khả năng, ý chí, việc làm của chính mình.

Chúng ta luôn ấp ủ lời nguyện ấy trong tâm và nỗ lực thực hiện trong cuộc sống. Đến ngày nào hoàn thành trọn vẹn ước nguyện mới mong đền đáp công ơn vô bờ bến của Đấng Từ phụ Thích Ca Mâu Ni.

Sau cùng, niệm ba lần Nam mô Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, để cầu mười phương chư Phật trong hội Pháp Hoa luôn gia bị cho chúng ta. Cầu mười phương Bồ tát tham dự hội Pháp Hoa, nhắc lại lời nguyện các Ngài đã tuyên hứa trước Phật nhận giữ gìn pháp tồn tại mãi trên thế gian lợi ích chúng hữu tình.

--- o0o ---

Chương III - Ý NGHĨA THỌ TRÌ 7 PHẨM BỔN MÔN PHÁP HOA KINH

Thọ trì kinh nghĩa là nhận kinh từ Phật và giữ kinh trong tâm, trong việc làm. Nói cách khác, ta nhận lãnh di huấn của Phật và thay thế Ngài hướng dẫn người thăng hoa tri thức, đạo đức.

Tuy nhiên, Phật tại thế, những người trực tiếp với Đức Phật dễ dàng nhận được ý Phật dạy. Chúng ta không trực tiếp với Ngài, nên phải mượn văn tự kinh, nương theo đó tu hành.

Trong kinh Pháp Hoa, chia ra ngũ chủng Pháp sư, tức là năm cách tu : thọ trì, đọc, tụng, biên chép, giảng nói. Đọc, tụng, biên chép, giảng nói là bốn trợ hạnh giúp ta phát huy chánh hạnh là thọ trì kinh.

Trong 28 phẩm kinh Pháp Hoa, có người chọn 10 phẩm cốt yếu để thọ trì, nhưng cũng có vị chọn một phẩm là phẩm Phổ Môn, như Hòa thượng Thiện Hoa lúc sanh tiền, hàng ngày Ngài chuyên trì tụng duy nhất phẩm này. Hoặc Ngài Huệ Đăng chỉ trì tụng từ phẩm Như Lai thần lực đến phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát. Ngài Nhật Liên Thánh nhân thì dạy thọ trì nhứt phẩm nhị bán, nghĩa là thọ trì một phẩm thứ 16 : Như Lai thọ lượng và nửa phẩm thứ 15 : Tùng địa dũng xuất và nửa phẩm thứ 17 : Phân biệt công đức.

Riêng tôi thì chọn 7 phẩm để hình thành Bổn môn. Đó là phẩm Tựa, Pháp sư, Tùng địa dũng xuất, Như Lai thọ lượng, Phân biệt công đức, Phổ môn, Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát.

Tại sao có sự khác biệt như vậy ? Có thể nói dưới dạng Bổn môn hay dạng đổi mới mà nhìn về giáo lý Phật để hiểu, để sống và truyền bá lợi lạc cho người là chính. Không rập y khuôn cũ, không chấp chặt vào văn tự, nhưng hiểu được ý chính của kinh và tuyển chọn những ý nào thích hợp với thời gian và quốc độ để ứng dụng vào cuộc sống là chính yếu.

Vì vậy, sử dụng 1 phẩm hay nhứt phẩm nhị bán, hay 7 phẩm là tùy theo sở ngộ của từng vị tu chứng khác nhau. Và pháp tu chứng ấy cũng thay đổi thích hợp tương ưng với thời kỳ, với hoàn cảnh của mỗi người khác nhau. Đó là nhận thức theo Đại thừa. Ở giai đoạn một, chúng ta học hiểu Phật pháp, phải đạt được sở đắc của riêng mình. Đến giai đoạn hai, đem sở đắc ấy ứng dụng vào cuộc sống, như khi tôi dạy ở các trường Phật học và tiếp xúc với tín đồ, lại gặp những khó khăn khác. Theo Bồ tát đạo, lúc ấy chúng ta có cái học trong nhân gian, làm nảy sinh ra những nhận thức khác. Và đến giai đoạn ba, từ sở đắc tiến đến vô sở đắc, chúng ta dạy, thuyết pháp ứng cảm tùy cơ mới thành công. Nếu Phật giáo theo mô hình cố định, không thể tồn tại. Sự đổi mới tư tưởng theo từng giai đoạn, từng hoàn cảnh, từng nước cho thích hợp để đưa Phật giáo đi lên.

Trong 7 phẩm Bổn môn, tôi không sử dụng y theo chánh văn của bộ kinh 28 phẩm, chỉ rút lấy những điểm chính yếu. Thọ trì Bổn môn nhằm nắm giữ yếu nghĩa kinh. Đến khi thuần thục, chúng ta vẫn thầm đọc kinh trong lòng và giai đoạn ba, không cần đọc thầm, nhưng cuộc sống của chúng ta đã tiêu biểu cho bộ kinh Pháp Hoa.

Bổn môn Pháp Hoa gồm 7 phẩm, con số 7 gợi chúng ta liên tưởng đến thất đại hay 7 nguyên tố hình thành vũ trụ nhân sinh theo đạo Phật là : địa, thủy, phong, hỏa, không, kiến, thức. 4 đại đầu thuộc phần vật chất và 3 đại sau thuộc tinh thần. Chúng sanh khổ sở trầm luân vì chịu sự chi phối hoàn toàn của 4 đại đầu. Đức Phật được giải thoát tự tại vì Ngài không bị chi phối của 4 đại mà còn vận dụng được 3 đại còn lại.

Bổn môn Pháp Hoa tuy chỉ có 7 phẩm, nhưng đó là thoại đầu mà tôi thường suy tư, ứng dụng thế nào để mở rộng tương ưng được với 7 quyển của kinh

Pháp Hoa, và mở rộng hơn nữa sao cho thâm nhập pháp giới, nghe được 20 muôn ức bài kệ Pháp Hoa của Phật Oai Âm Vương.

---o0o---

I - Ý NGHĨA PHẨM TỰA THỨ NHẤT

A – VĂN KINH

Tôi nghe như vầy, một thuở nọ Đức Phật ở núi Kỳ Xà Quật nơi thành Vương Xá cùng chúng Tỳ kheo một muôn hai ngàn gồm cả La hán và bậc tam hiền còn đang tu học. Tám vạn Bồ tát chuyển được pháp luân bất thoái, tâm từ trải khắp trong các cõi nước, được Phật khen ngợi vì họ đã từng cứu độ vô số chúng sanh thoát khỏi khổ não. Lại có chư Thiên hơn 70.000 từ Trời Tứ Thiên cho đến Hữu Đảnh cũng đều có mặt. Tám vị Long vương, bốn Càn thát bà, bốn A tu la, bốn Khẩn na la, bốn Ca lầu la, cùng nhiều quyến thuộc tham dự pháp hội. Vua A Xà Thế cùng với quần thần, những người hộ đạo quý trọng chánh pháp, thành kính đảnh lễ cúng dường Như Lai.

Đức Phật cũng vì những người phát tâm Đại thừa mà nói kinh Vô Lượng Nghĩa dạy cho Bồ tát những pháp bí yếu của các Như Lai. Nói kinh này xong, Đức Phật liền nhập Vô lượng nghĩa xứ tam muội, thân tâm bất động. Khi đó trời mưa hoa Mạn đà la, ma ha Mạn đà la, Mạn thù sa, ma ha Mạn thù sa cúng dường Đức Phật và cả chúng hội, đất đều rung động.

Bấy giờ, từ tướng bạch hào của Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng chiếu khắp phương Đông một muôn tám ngàn cõi nước. Tất cả chúng hội được thấy lục đạo tứ sanh từ ngục A Tỳ cho đến cõi Trời Hữu Đảnh sanh tử luân hồi, khổ não vô lượng. Lại thấy có Phật ra đời thuyết pháp giáo hóa độ chúng nhị thừa và hàng nhơn thiên. Cũng thấy có vị Bồ tát tùy thuận chúng sanh, hiện các loại hình, cứu khổ ban vui, thành tựu lục độ vạn hạnh, trụ bậc bất thoái. Lại thấy sau Phật Niết bàn, phân chia xá lợi, xây dựng tháp báu để trời người thờ.

Bấy giờ Di Lặc và hàng tứ chúng đều rất ngạc nhiên trước việc lạ lùng từ xưa chưa thấy, cho nên mới hỏi Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi vì duyên cớ gì mà có điềm này. Văn Thù Sư Lợi bảo đại chúng rằng vô số kiếp trước có Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, mọi người cung kính vì Ngài biết rõ thật tướng các pháp, giải được mọi việc xảy ra trong đời và vượt khó khăn,

làm Thầy Trời người, là bậc tôn quý đã vì Thanh văn nói pháp Tứ đế, vì hàng trí thức nói pháp nhân duyên, vì hàng Bồ tát nói pháp lục độ, làm cho chứng được Nhất thiết chủng trí. Kế đó, đến hai muôn Phật đồng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh tiếp tục ra đời.

Đức Phật sau cùng lúc chưa xuất gia có tám vương tử lãnh trị bốn phương đều được thái bình. Nhưng khi nghe vua thành Phật, họ liền bỏ ngôi theo Phật nghe pháp. Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cũng nói Vô Lượng Nghĩa rồi nhập Vô lượng nghĩa xứ tam muội như Đức Thích Tôn.

Sau khi xả định, Ngài nói Pháp Hoa khai thị nhất thừa trải 60 kiếp, những người nghe pháp không thấy mệt mỏi như khoảng bữa ăn. Nói kinh này xong, Ngài thọ Phật ký cho Ngài Đức Tạng rồi nhập Niết bàn.

Diệu Quang pháp sư trì kinh Pháp Hoa trải 80 kiếp giáo hóa đại chúng trụ bậc bất thoái. Tám vị vương tử kia đầy đủ đạo hạnh của chư Bồ tát nên đều thành Phật. Người thành sau cùng hiệu là Nhiên Đăng thầy của trời người và cũng là người thọ ký cho Đức Thích Ca.

Trong 800 người học rộng tài cao có một Bồ tát ưa xây chùa tháp, thường đến nhà giàu, nên bị đại chúng gọi là Cầu Danh. Dù bị xem thường, Ngài vẫn tiếp tục vun trồng cội lành ở các Đức Phật. Nay đủ từ tâm, thường ở chánh định, nên được Thích Tôn thọ ký kế đây thành Phật hiệu là Di Lặc. Còn Diệu Quang pháp sư chính là thân ta ở thời quá khứ.

Ta thấy điềm lành này cùng với trước kia đồng nhau không khác, cho nên nghĩ rằng Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh sẽ nói kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa dạy cho Bồ tát những điều bí yếu của các Như Lai.

B - GIẢI THÍCH

Mở đầu phẩm Tựa cho thấy Đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa trên núi Kỳ Xà Quật, nơi thành Vương Xá. Hiểu đơn giản theo Tích môn, thành Vương Xá chỉ là một địa danh ở Ấn Độ. Nhưng theo Ngài Trí Giả, lý giải dưới dạng Bổn môn, thành Vương Xá tiêu biểu cho mạng sống của con người gồm có nhà ngũ ấm hay thân sanh diệt của con người hàm chứa phần tâm linh bên trong.

Kỳ Xà Quật là ngọn núi ở Ấn Độ, còn có tên là Linh Thứu. Thứu là chim kên kên thường bay xuống Thi Lâm ăn xác người chết. Thứu chỉ cho vọng

thức của con người. Linh chỉ cho chân tâm. Linh Thứu tiêu biểu cho sự kết hợp giữa chân tâm và vọng thức. Chúng ta có hai phần : chân tâm và thức. Chân tâm của ta và Phật giống nhau, nên gia công tu, chúng ta cũng đạt quả vị như Phật. Tuy nhiên, chúng ta và Phật khác nhau ở phần thức. Đức Phật đã chuyển được 8 thức thành 4 trí, nên thấy biết sự vật hoàn toàn chính xác, không bị phiền não tác động và chuyển vật tự tại theo hướng thánh thiện. Về phần chúng ta, luôn luôn suy nghĩ và hành động theo sự sai khiến của 8 thức thuộc về vọng thức, tạo ra vô số tội lỗi tác hại cho cho các loài hàm linh. Tu Pháp Hoa, chúng ta phải trải qua quá trình chuyển đổi vọng thức, cách ly nó với phiền não, hạn chế nó để dẹp bốn núi sanh già bệnh chết, cho đến dẹp sạch ác xấu của vọng thức để chân tâm lưu lộ.

Kinh Pháp Hoa ghi chúng hội Pháp Hoa có 12.000 vị La hán, có bản kinh lại ghi 1.200 vị đắc La hán. Theo tinh thần Bổn môn không đặt nặng con số chính xác là bao nhiêu vị La hán, vì thêm một người hay bớt một người ở dạng chân tánh không thành vấn đề. Việc quan trọng ở điểm chúng ta phải thực hiện được điều gì lợi lạc cho mình và người trên bước đường tu. Theo tôi, con số 12.000 Tỳ kheo trong pháp hội tiêu biểu cho tất cả những gì Đức Phật thuyết giảng bằng ngôn ngữ lúc bấy giờ và còn lưu lại cho cuộc đời.

Khi Phật nói các kinh khác, vị Thanh văn mở đầu là Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên hay A Nan. Trong hội Pháp Hoa, Phật nhắc đến Kiều Trần Như trước. Sắp xếp thứ tự này mang ẩn ý quan trọng đối với hành giả tu Bổn môn, cần suy nghĩ. Ngài Kiều Trần Như là đối tượng thuyết pháp trước nhất của Đức Phật để hình thành Tam bảo đầu tiên. Đức Phật khai tâm họ bằng pháp tứ Thánh đế, nhưng sau đó, tại sao hầu như các kinh đều không nhắc đến Kiều Trần Như ?

Nếu hiểu thông thường, Kiều Trần Như ít nói, không thấy Ngài làm gì nổi bật như Xá Lợi Phất hay Mục Kiền Liên, A Nan, thì Phật nhắc đến làm gì. Tuy nhiên, đến hội Pháp Hoa, Đức Phật muốn chỉ cho chúng ta đừng chấp vào lời nói ; vì cái bên trong của con người không diễn tả được, mới thực sự quan trọng.

Kinh Pháp Hoa diễn tả tướng vắng lặng, vì vậy muốn thuyết Pháp Hoa phải đưa ra mẫu người không nói như Kiều Trần Như mà Trí Giả gọi là vô sanh. Không nói không có nghĩa là không biết. Ngài biết tất cả, vì trong hàng đệ tử Phật, Ngài đắc La hán trước tiên; nhưng không phát biểu, để sau Phú Lâu Na thuyết pháp là ý nghĩa vô sanh hiện ra sanh. Kinh ghi chúng hội thính pháp là Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v... Nghĩa

là hiểu theo Bổn môn, người phát xuất từ bản tâm thanh tịnh hiện ra lượng ánh sáng trí tuệ rộng lớn và thể hiện bằng việc làm đầy sức mạnh, dũng cảm, hàng phục được tà ma ngoại đạo, mới tiêu biểu cho Pháp Hoa. Trên tinh thần ấy, hành giả tu Bổn môn cố gắng tìm về nguồn, sống với bản tâm thanh tịnh, sẽ gặp Pháp thân Phật.

12.000 Tỳ kheo gồm có bậc La hán và tam hiền là chúng thường tùy của Phật. Các Ngài tu 37 trợ đạo phẩm phá lần từng lớp phiền não để đắc đạo, nên có những quả vị khác nhau. Trong đó, thấp nhất là người đạt quả vị giải thoát trong hoàn cảnh không giải thoát, tức hàng sơ quả. Họ đã có được tự thọ dụng thân, tâm lúc nào cũng an vui dù sống một mình hay ở với chúng.

Bên cạnh 12.000 Tỳ kheo còn có 80.000 Bồ tát vào đời cứu nhân độ thế. Bồ tát khác với Thanh văn. Thanh văn vui với chính mình, vui ở trong lòng, không cần làm, không cần đến với người. Tám vạn Bồ tát vì tâm từ trải khắp, đến để cứu khổ ban vui cho người, không làm vì tham vọng cá nhân. Đức Phật luôn khen ngợi Bồ tát là vậy.

Tám vạn Bồ tát, chúng ta không nên nghĩ đó là con số cố định. Vì Bồ tát cảm nhận pháp Phật bằng chân tâm, bằng niềm tin, không nghe qua thanh trần như người bình thường. Tám vạn Bồ tát hay con số 8 đối với hành giả Pháp Hoa tiêu biểu cho bát Chánh đạo. Hành giả đã thể nghiệm bát Chánh đạo trên lộ trình tiến tu Bồ tát hạnh và từ đó, đứng trên lập trường bát Chánh đạo vào đời giáo hóa chúng sanh, chắc chắn mang lợi ích an vui cho người.

Từ con số 80.000 Bồ tát, chúng ta liên tưởng đến 8 vạn tế hạnh của các Ngài. Điều này gợi nhắc chúng ta phải hoàn thiện tư cách mới khả dĩ giáo hóa người. Khi còn nhiều lỗi lầm xấu ác, đừng mong làm thầy dạy người, phải lo sửa đổi bản thân mình. Như vậy, hành giả Pháp Hoa cần trang bị bát Chánh đạo và 8 vạn tế hạnh. Đó là ý nghĩa của Bổn môn thể hiện qua hình ảnh 80.000 Bồ tát nghe pháp.

Ngoài ra, còn có bát bộ chúng gồm 70.000 chư Thiên, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lầu la, Khẩn na la. Các loại hình chúng sanh này cũng dẫn theo vô số quyến thuộc.

Chư Thiên hơn 70.000 vị từ Trời Dục giới và Sắc giới, nhưng không có Trời Vô sắc là Trời Tứ Không thiên đang trụ định. Chúng ta tu phải cẩn thận,

đừng lạc vô đó, phóng quang của Phật không tới đó, như Thầy của Uất Đầu Lam Phất trụ ở Tứ Không thiên, chờ hết phước thì rớt xuống.

Tám vị Long vương, bốn Càn thát bà, bốn A tu la, bốn Ca lầu la, bốn Khẩn na la, bốn Ma hầu la già, tất cả vị này họp chung gọi là Thiên long bát bộ thường đến nghe Phật thuyết pháp. Theo Đại thừa, thế lực vô hình chung quanh chúng ta là Hộ pháp long thiên rất quan trọng. Những người này trước kia đã tu hành, nhưng vì không được gặp Phật, nên họ phải chịu lưu nghiệp. Họ đã tu hơn chúng ta vì có quyền năng hơn, giỏi hơn, giàu hơn, nhưng họ thua ta ở điểm còn lưu nghiệp, còn nhiều sân hận, trong khi chúng ta tu, dứt bỏ nghiệp. Vì còn nghiệp sân, họ phải làm A tu la, không được phép xuất gia. Phật chỉ cho loài người xuất gia. Ca lầu la đời trước cũng giữ giới kỹ, nhưng lại phạm tội ngã mạn xem thường người hoặc Ma hầu la già tu nhưng phạm phải tội ghét người xấu, muốn hại người xấu, v.v... Họ tu nhiều, nhưng còn dư nghiệp, phải trả hết nghiệp, mới được thọ ký thành Phật.

Nói chung, từ cõi Trời cho đến hạ giới quỷ thần đều hoan hỷ. Đó là điều kiện thuyết kinh Pháp Hoa mà các kinh khác không có. Khi được thế lực vô hình tùy hỷ cao độ như vậy, trở lại thực tế, Đức Phật thuyết kinh này ở nước Ma Kiệt Đà, thành Vương Xá. Vua A Xà Thế phải phát tâm quy phục và tất cả người quý trọng chánh pháp, giỏi, tốt, đều tập trung đến nghe pháp, cúng dường. Bên cạnh Hộ pháp vô hình, cũng cần có Hộ pháp hữu hình mới an toàn trọn vẹn. Vì vậy, trong kinh Bảo Tích cho thấy Hộ pháp vô hình tác động vào A Xà Thế khiến ông phải phát tâm hộ đạo, nói lên sự hòa hợp của thế lực vô hình và hữu hình.

Theo tinh thần Bổn môn, cấu tạo đạo tràng trên căn bản là Thanh văn, Bồ tát, nhưng vẫn có bát bộ chúng và người cầm quyền sở tại ủng hộ. Từ nền tảng chúng hội đầy đủ thế lực siêu nhiên và sức mạnh hữu hình như vậy, Đức Phật thanh thản nói pháp quan trọng là Diệu Pháp Liên Hoa.

Thiết nghĩ ngày nay chúng ta thiết đặt đạo tràng cũng phải theo kiểu mẫu ấy mới khả dĩ tiến tu an lạc, giải thoát. Làm cách nào chúng ta nhận được lực gia bị của Bồ tát, Thánh chúng, chư Thiên và trở về thực tế, được người trí thức và quần chúng hỗ trợ, chắc chắn sẽ có sức mạnh không gì lay chuyển nổi. Thành tựu đạo tràng đúng pháp như vậy, mới có thể phát huy Phật pháp lợi lạc quần sanh.

Khi đại chúng gồm có Bồ tát, Thanh văn, bát bộ chúng, vua A Xà Thế và quần thần tụ họp đầy đủ, Đức Phật thấy đủ điều kiện, Ngài mới bắt đầu nói

kinh Đại thừa Vô Lượng Nghĩa. Như vậy, Phật không mở đầu bằng kinh Pháp Hoa, nhưng triển khai Vô Lượng Nghĩa trước.

Đức Phật nói Vô Lượng Nghĩa là nói pháp bí yếu của Như Lai cho Bồ tát. Từ trước, Phật nói pháp thông thường, nay mới nói bí mật của Như Lai cho người phát tâm Đại thừa. Họ không còn phiền não, thấy được Pháp thân và Báo thân Phật, Ngài mới nói sinh hoạt của hai thân này cho họ.

Từ trước kinh Pháp Hoa là kinh Hữu Lượng Nghĩa (có nghĩa giới hạn), chúng Thanh văn chấp lời thì chữ đâu nghĩa đó. Nhưng Phật dạy Bồ tát không phải như vậy, tất cả gì Như Lai nói thuộc phương tiện pháp nhằm giúp cho người xa rời chấp trước, kể cả chấp kinh. Phật nói Vô Lượng Nghĩa để đại chúng xóa đi tâm cố chấp và phát sinh trí tuệ. Một chữ, một câu của Phật dạy phải được hiểu đủ cách để làm lợi ích chúng hữu tình, sanh vô loài nào thì hiểu theo loài đó. Đó là bí yếu của Như Lai trao cho Bồ tát, hay nói cách khác, trao trí khôn, trao nhận thức cho chúng ta, làm cho chúng ta hiểu được cách sống và cách suy nghĩ. Đức Phật dạy chúng ta trí tuệ để lâm vào hoàn cảnh nào, chúng ta cũng hiểu biết, ứng dụng thành công. Ở Cực lạc thì tu theo địa ngục sao được, đòi dựng địa ngục trên thiên đường thì ai chịu.

Muốn trì kinh Pháp Hoa hay cứu nhân độ thế, hành giả phải thực hiện ba việc quan trọng. Trước tiên, cần rèn luyện đức hạnh để trở thành mẫu người đạo đức trên cuộc đời. Tùy mức độ rèn luyện mà mỗi người có đức hạnh khác nhau. Người xuất gia thọ 250 giới thì phải theo khuôn phép như thế nào, thọ Bồ tát giới thì có nếp sống ra sao... Giới phẩm là đạo đức, nhưng thọ giới mà không giữ giới, không thành đức. Giữ giới đúng thì lâu ngày giới biến thành đức hạnh. Ban đầu ta phải cố gắng giữ giới, nhưng sau trở thành quen, tự nhiên, không phải gò bó; vì vậy có thể nhìn tướng đi, giọng nói là biết được người có đức hạnh. Đức hạnh thể hiện trong lời nói, trong cử chỉ hàng ngày của chúng ta. Điều này chúng ta tập được, thấy người tốt, bắt chước theo, lâu ngày ta cũng tốt. Rèn luyện đức hạnh đến độ cao nhất, đắc quả vị A la hán thì không còn lỗi lầm, đạt được tiêu chuẩn thứ nhất để thọ trì kinh Pháp Hoa, mới đủ tư cách nói việc Phật. Nếu người còn chỉ trích, phê phán được, tự biết ta còn nhiều lỗi lầm, nên sửa mình cho tốt, ví như súc bình sạch để đựng pháp mầu.

Kế đến, hành giả xét về trí tuệ của mình, tức xét xem nhận thức có chính xác hay không. Hiểu biết về đời và đạo còn kém cũng chưa đủ điều kiện để nói kinh Pháp Hoa hay thọ trì Pháp Hoa. Muốn nói chuyện Phật, phải hiểu thế gian trước. Điển hình như Đức Phật có tôn danh là bậc Thế gian giải, việc gì

của thế gian Ngài cũng giải được, mới nói đến việc của mười phương Phật. Cần nỗ lực phát huy trí tuệ, tức tu thiền định, trải qua quá trình tập trung tư tưởng soi rọi vào giáo lý Phật để nhận chân được yếu nghĩa và sống với yếu nghĩa của Phật dạy. Không phải chỉ chấp nhận lời Phật dạy bằng tình cảm, nghĩa là thương Phật nên nghe tin theo, mà thực sự không hiểu.

Đạt được hiểu biết thế gian và xuất thế gian, khi tập trung tư tưởng, ngồi yên một chỗ mà việc gì cũng giải được. Có hiểu biết toàn vẹn, đúng đắn, mới có khả năng tiếp thu kinh Pháp Hoa thuộc chân lý tối thượng.

Giai đoạn sau cùng, hành giả kiểm tra việc làm. Trên bước đường giáo hóa chúng sanh, thường có ba cách : giáo hóa bằng ngôn ngữ, bằng hành động và bằng tâm thức. Dạy bằng ngôn ngữ là cách thấp nhất, tương đối dễ, người nghe thực hiện, đạt kết quả. Cách thứ hai là giáo hóa bằng hành động, không sai bảo, nhưng người nhìn thấy tự phát tâm Bồ đề, bắt chước làm theo, hoặc chỉ nhìn hành giả, họ cũng cảm thấy an vui. Cao nhất là giáo hóa qua tâm thức. Tâm hành giả duyên khắp mười phương pháp giới tìm thiện hữu tri thức, nghĩ đến người nào, người ấy hết khổ. Họ không nghe, không thấy, nhưng nhận được sự cứu độ của hành giả.

Phải làm lợi ích chúng hữu tình, khiến cho người giải thoát mới có Pháp Hoa ; bản thân hành giả an lành và người cùng tu cũng an lành theo. Đó là điều kiện thứ ba mà kinh Vô Lượng Nghĩa đặt ra cho hành giả Pháp Hoa.

Đức Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa, nhắc nhở chúng ta làm bất cứ việc gì trên trần gian cũng được, không cố chấp việc nào, nhưng phải đạt được thành quả trong ba nghĩa trên : phải là người đức hạnh nhất, phải có hiểu biết vượt hơn mọi người và phải có khả năng cứu nhân độ thế.

Có thể khẳng định rằng kinh Vô Lượng Nghĩa bao hàm tam thừa giáo của Đức Phật, tức rút gọn tất cả kinh điển mà Phật đã dạy cho Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát hiểu và đến Pháp Hoa mới hiểu theo Phật.

Quan sát sự hành đạo của Đức Phật, chúng ta thấy rõ kinh Vô Lượng Nghĩa thể hiện đầy đủ trong ba cách chuyển pháp của Ngài. Phật dạy hàng xuất gia và cư sĩ bằng lời nói. Hàng Bồ tát mười phương quan sát việc làm của Phật để tự trang nghiêm thân tâm. Đối với Bồ tát Tùng địa dũng xuất, Phật chỉ dạy qua tâm thức.

Nói Vô Lượng Nghĩa xong, Đức Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ định, trong khi các kinh khác, Ngài nói thẳng. Điều này gợi ý muốn có kinh Pháp Hoa, phải chuyển đổi nhận thức thông thường thành cái nhìn đặc biệt, tức vô lượng nghĩa hay vô số cách hiểu nội dung, làm sao chọn đúng nghĩa thích hợp với hoàn cảnh của mình để tu cho đạt kết quả tốt. Ai tu cũng giống nhau về hình thức bên ngoài : công phu, nghe pháp, ngồi thiền... Nhưng chính yếu phải nói đến phần chuyển biến sinh hoạt nội tâm mỗi người khác nhau là Vô lượng nghĩa. Và đi sâu vào thế giới tâm linh để tìm được nghĩa lý Phật dạy Bồ tát tu hành thành Phật mới quan trọng.

Nhập Vô lượng nghĩa xứ định, hiểu thông thường là nói kinh xong, Đức Phật nhắm mắt nhập định. Nhưng hiểu theo Bổn môn không phải như vậy. Nhập Vô lượng nghĩa xứ định là sau Phật Niết bàn, Ngài không còn hiện hữu, không nói ; lúc ấy đệ tử Phật bắt đầu hiểu Phật, được kinh diễn tả là đại chúng thấy ánh quang Phật phóng ra chiếu suốt 18.000 thế giới, thấy Phật ra đời thuyết pháp, thấy Bồ tát hành đạo, v.v...

Đức Phật phóng quang, sự kiện này ngụ ý rằng Phật Niết bàn để lại tam tạng giáo điển. Tam tạng giáo điển này phát xuất từ trí tuệ của Phật, do Phật huệ nói ra. Kinh diễn tả là nhìn thấy từ bạch hào tướng Phật phóng ra ánh quang, tức chúng ta nhìn thấy trí tuệ của Phật qua kinh điển, không phải thấy ở ngoài. Nương theo kinh điển, chúng ta hiểu Phật nói về tứ sanh lục đạo hay sanh tử luân hồi, là khổ và nguyên nhân của khổ. Sau thấy Phật ra đời, thuyết pháp độ sanh, tức diệt đế và đạo đế. Chỉ vài câu như thế đã giới thiệu tổng quát về Phật ra đời và nói tứ thánh đế. Kế đó, thấy Phật diệt độ, phân chia xá lợi và xây tháp để thờ, có thể nói đến đây là kết thúc phần Thanh văn tạng và tiếp theo thấy Bồ tát hành lục độ ba la mật trong mười phương, tiêu biểu cho Bồ tát tạng hay Đại thừa tạng. Nói chung, trong định Vô lượng nghĩa có đủ Tiểu thừa và Đại thừa giáo của Phật. Vì vậy, muốn hiểu Phật giáo, tất yếu không thể rời bỏ tam tạng kinh điển. Chỉ có hai câu : Đức Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa, rồi nhập Vô lượng nghĩa xứ định, đã gợi ý sâu xa mà người thọ trì Bổn môn phải hiểu như vậy.

Đức Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ định, Ngài yên lặng, không nói bằng ngôn ngữ, nhưng Bồ tát nghe pháp vô ngôn của Phật bằng Bồ đề tâm, họ tự phát triển công đức, tâm tự sáng ra và an lành.

Đức Phật nói Vô Lượng Nghĩa kinh rồi nhập Vô lượng nghĩa xứ định tiêu biểu cho sự kết hợp Tích môn và Bổn môn. Đức Phật xuất hiện trên cuộc đời

thể hiện việc làm thánh thiện, lợi ích cho mọi người, thuộc về Tích môn. Ngài nhập diệt, người người hướng tâm quy ngưỡng Ngài là dạng Bổn môn.

Lúc Đức Phật nhập định, trời mưa hoa Mạn đà la, Ma ha mạn đà la, Mạn thù sa, Ma ha mạn thù sa. Hiểu theo nghĩa sâu, hoa trời không phải là hoa thật. Bốn loại hoa này tiêu biểu cho tâm an vui, hết khổ.

Phật nhập định, không nói, người hướng tâm về Phật, không còn thấy khổ. Đó là thế giới của tâm thức do lực Phật chi phối nên cảm nhận an vui. Thế giới vật chất thì những gì chúng ta nghĩ, mong ước thường trái lại, như muốn giàu sang nhưng chẳng bao giờ nó đến, cái chúng ta sợ thì nó lại dễ dính với ta. Thế giới tâm thức thì ta nghĩ gì, cái đó hiện và người được Phật lực gia bị nên tâm họ luôn nghĩ đến điều tốt và cảm nhận sự an lành. Thuở nhỏ, tôi thường sống ở dạng này, vì khổ với đời, tôi không thích sống với người đời, chỉ thích sống trong yên lặng một mình, nghĩ đến thế giới tốt đẹp thì cái đó luôn hiện trước mắt tôi. Tuy cuộc sống hẩm hiu nhưng tôi vẫn vui vì thấy toàn Cực lạc, thiên đường. Phải nói người tu sống thảnh thơi là nhờ có thế giới lý tưởng để an trú. Nếu không, khó tiến tu. Bước đầu vào đạo, chúng ta phải dứt khổ, chỉ thấy Bồ tát, Phật, nên chúng ta vui, còn nhìn chúng sanh tham lam, dữ tợn, xấu xa thì lòng chúng ta không thể yên.

Đức Phật nhập định, không nói, nhưng có hoa rải xuống, nhằm vẽ lên hình ảnh Phật Niết bàn, không trực tiếp dạy chúng ta. Tuy nhiên, người nào thọ trì pháp Phật, đọc tụng kinh điển, tham thiền nhập định, cho đến chỉ chiêm ngưỡng hình tượng Ngài, v.v... đều cảm nhận an vui. Niềm vui trong pháp Phật tiêu biểu bằng hoa Mạn đà la, dịch là ý lạc hoa, tức vui trong lòng. Thọ trì, đọc tụng Pháp Hoa, cảm nhận nguồn vui, từ vui ít, lần lần vui nhiều, hành giả đã thâm nhập đạo tràng của Phật. Trái lại, đọc kinh không vui, nhưng mệt thở hết nổi, hoặc tụng kinh mà tâm nhớ nghĩ đâu đâu, không phát sanh trí tuệ, không tăng trưởng phước đức, chắc chắn không phải Pháp Hoa. Vui với pháp, sống với đạo, tự nhiên hành giả quên mọi khổ lụy trần gian, tiêu biểu bằng hoa Mạn thù sa.

Trên bước đường tu, không nhận ra vô lượng nghĩa của kinh Phật và không thâm nhập niềm vui tuyệt diệu trong đời sống tu học, thì dù có thọ trì bao nhiêu bộ kinh Pháp Hoa, cũng chỉ là Pháp Hoa của giấy trắng mực đen do phàm phu làm ra. Đạt được trạng thái tâm an vui và hoàn cảnh bên ngoài không tác động, đó là hai điều kiện để thâm nhập Pháp Hoa.

Nhờ bắt gặp hoa Mạn đà la, Mạn thù sa và thâm nhập được thế giới Pháp Hoa, hành giả nương theo hào quang Phật thấy suốt 18.000 thế giới, là chỉ cho căn trần thức hiện ra. Phật nói thế giới tuy nhiều, nhưng đều nằm trong căn trần thức, 3 thứ này hợp lại tạo thành thế giới tâm thức. 18.000 thế giới chỉ cho thế giới tâm thức, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến Trời Sắc Cứu Cánh.

Địa ngục A Tỳ chỉ cho sự đau khổ cùng cực nối tiếp không dừng. Khổ vì tham vọng, nên nghèo cũng khổ mà giàu có quyền uy cũng khổ. Tham vọng nhiều càng khổ nhiều. Khách quan nhìn cuộc đời thấy chúng sanh, nghiệp và phiền não như vậy, chắc chắn chúng ta không ham mê 5 món dục, dại gì chui vào cái rọ khổ ấy.

Thấy theo Phật, cũng thấy chúng sanh từ địa ngục A Tỳ đến Trời Hữu Đảnh, nhưng không khởi tham sân si. Thật vậy, thấy người ở địa ngục, tức người hung ác thì chúng ta khởi tâm thương và muốn cứu vớt họ, vì họ có suy nghĩ ác, lời nói ác, hành động ác, tất nhiên họ phải vào địa ngục ; nhưng nếu thấy theo kiểu thế gian thì lại ghét bỏ người hung ác. Thấy người hiền, biết họ có đức tính của chư Thiên. Nói chung, chúng ta quán sát xã hội, thấy đúng như thật, nếu là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục thì phải sống như vậy, ăn như vậy, nói năng như vậy, v.v...

Chúng ta suy nghĩ tìm chỗ đứng tương xứng của mình, nhìn thấy được cái thực của cuộc đời và cái của ta, nên luôn được an ổn. Thấy lục đạo tứ sanh đau khổ và thấy Phật xuất hiện trên cuộc đời, trí tuệ và đạo đức của Ngài thật ngời sáng, trời người đều cung kính cúng dường Ngài, thấy Bồ tát hành đạo làm lợi ích cho chúng sanh. Đứng ở lập trường Phật giới quan sát mới nhận đủ toàn bộ pháp giới hay đó là thế giới quan của Bổn môn Pháp Hoa; từ đó chúng ta phát tâm Bồ đề, tiến bước theo Bồ tát đạo thể hiện pháp mầu trong cuộc sống.

Thâm nhập Pháp Hoa, thấy các loại hình chúng sanh ngày nay cũng là loại hình chúng sanh xa xưa có từ thời Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, Phật Nhiên Đăng, Diệu Quang, Di Lặc... không thay đổi, tức chân lý là một, bất biến.

Di Lặc là người thừa kế sự nghiệp của Phật Thích Ca, nhưng nay nhìn thấy hiện tượng ấy liền nghi ngờ. Phật đang nhập định hay Phật Niết bàn, không có trên cuộc đời, kinh Phật có ở đây, nhưng không hiểu thì hỏi ai. Di Lặc liền tự nghĩ đến hỏi Văn Thù.

Văn Thù tiêu biểu cho đại trí, tức không có Phật, muốn hiểu chúng ta phải tìm bậc trí thức để học hỏi. Nghe đâu có danh Tăng đại sư là lặn lội tìm đến học, vì những bậc có trí tuệ bảo đảm nhiều đời họ đã thân cận các Đức Phật quá khứ , đã thâm nhập Phật pháp. Tìm Văn Thù tức thân cận với người nối tiếp mạng mạch Phật pháp, họ thông thái học rộng nghe nhiều, hoặc thân cận trong sách vở.

Di Lặc tiêu biểu cho nghi ngờ, phân biệt, hiểu biết của thức. Từ vô số kiếp tu hành, Di Lặc thường đến nhà sang giàu, ôm cả khối kinh nghiệm, hiểu biết của thức uẩn, không thể nào hiểu được pháp giới. Di Lặc phải nhờ Văn Thù giải thích, vì Ngài đã từng gần gũi vô số Phật quá khứ, nghĩa là luôn sống với trí tuệ, mới hiểu Phật. Nói cách khác, khi hành giả dùng thức suy nghĩ không hiểu được, nhưng lắng yên tâm hồn để trí tuệ vô lậu phát sanh, vấn đề tự giải. Hiểu biết theo Văn Thù hay dùng chơn tâm hóa giải vọng tâm, luôn sống với chơn tâm, đó là con đường dẫn đến Phật quả.

Di Lặc hỏi Văn Thù tại sao có hiện tượng Phật phóng quang cho thấy sinh hoạt các loài và sự hành đạo của chư Phật, Bồ tát trong pháp giới, điều này có thật không ? Theo suy nghĩ thông thường, Đức Phật không còn trên cuộc đời thì đạo Phật cũng không thể tồn tại. Tuy nhiên, dưới lăng kính Pháp Hoa, hay theo lý giải của Văn Thù, sau Phật diệt độ, đạo Phật càng phát triển hơn, được truyền bá khắp năm châu, thuộc về giai đoạn thứ hai do Báo thân viên mãn của Phật Thích Ca nói pháp cho mọi loài. Di Lặc thấy có nhiều Đức Phật ra đời thuyết pháp giáo hóa. Mỗi vị nói một cách, không Phật nào nói giống nhau, nhưng đều cứu độ được chúng nhị thừa và mang an lạc cho Trời người. Di Lặc thấy trong định, trong từ tâm tam muội như vậy.

Văn Thù xác định Di Lặc thấy đúng. Sau Phật diệt độ, các Bồ tát xuất hiện ở Trung Hoa, Nhật Bản, Tây Tạng, Việt Nam... đều không giống nhau. Tùy theo yêu cầu của từng nơi mà đạo Phật tồn tại thích hợp với dân tộc tính nơi đó. Đó là cách nhìn mở rộng của kinh Pháp Hoa, bao gồm tất cả Phật, nhưng đều phát xuất từ Phật gốc là Báo thân viên mãn, hiện ra trăm ngàn muôn ức Đức Thích Ca thuyết pháp.

Di Lặc bằng niềm tin thấy mường tượng như vậy. Văn Thù thấy bằng trí tuệ nên biết rõ chính xác từ thời quá khứ có hai muôn Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai cho đến thời hiện tại là Phật Thích Ca đều nói Pháp Hoa, không khác. Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh và Phật Thích Ca nói pháp đồng nhau, nên gọi là thường pháp hay pháp thường hằng bất biến, không thay đổi.

Người chấp pháp cho rằng pháp cố định, nhưng Phật cho biết không có pháp nào cố định đưa đến Vô thượng Đẳng giác và kinh Bảo Tích cũng đồng quan điểm, dạy rằng Phật này nói, Phật khác không lặp lại. Nhưng theo Pháp Hoa thì Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh và Thích Ca nói pháp đồng nhau, không khác. Điều này khiến chúng ta phải suy nghĩ.

Phật này nói, Phật khác không lặp lại, nghĩa là không lặp y lời. Ngôn ngữ khác, nhưng điềm lành xưa và nay không khác. Xưa Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói Vô Lượng Nghĩa và nay Phật Thích Ca cũng nói Vô Lượng Nghĩa, tức Phật xưa và nay đều xác nhận không có pháp cố định. Pháp tùy duyên thay đổi, nên Phật xưa và nay đều nói Vô Lượng Nghĩa, đều nhập Vô lượng nghĩa xứ định, đều làm cho người phát Bồ đề tâm. Phật xưa và nay nói pháp đồng nhau là như vậy. Khi chúng ta nghe Phật bằng tai, thấy Phật bằng mắt, thường dễ bị kẹt vào vấn đề sắc thanh. Nhưng nay Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ định, không nói thì Phật hiện hữu ở dạng Phật tâm có sức tác động qua tâm người. Phật xưa và nay đều như vậy, tuy không nói, nhưng sự yên lặng của Phật đều làm cho người hết khổ, an vui, được diễn tả bằng hình ảnh hoa Mạn đà la và Mạn thù sa. Nói cách khác, Phật xuất hiện trên cuộc đời hay nhập diệt đều làm lợi ích cho người. Phật xưa và nay đồng nhau ở trọng điểm này, gọi là Pháp Hoa, là pháp Phật muôn đời không thay đổi, dù nói năng hay yên lặng cũng làm cho trời người an vui. Tu Bổn môn là tiếp thu pháp đó, thọ trì pháp đó và tu tâm Bồ đề đó.

Lúc ấy, Văn Thù là Diệu Quang Bồ tát và Di Lặc là Cầu Danh. Vì Bồ tát Cầu Danh tu tâm từ, lo cho người. Nương lực Phật để cứu giúp chúng sanh nhiều, nên Ngài được đại chúng thương mến, nhưng không nghĩ đến phát huy trí tuệ. Đến khi Phật nhập định thì lúng túng, phải cầu cứu Văn Thù. Ý này nhắc chúng ta tuy nương theo Thầy tu tạo công đức, cũng cần phát triển khả năng của riêng ta. Diệu Quang không ỷ lại vào Phật, chuyên lo phát huy trí tuệ ; vì vậy khi Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nhập diệt, Ngài thay Phật giáo hóa đồ chúng dễ dàng. Tất cả đều thành Phật, người thành sau cùng là Phật Nhiên Đăng và Phật này thọ ký cho Đức Thích Ca. Kế tiếp, Phật Thích Ca thọ ký cho Di Lặc.

Trong quá trình hành đạo từ thời quá khứ lâu xa ấy cho đến ngày nay, Văn Thù đã từng giáo hóa, làm Thầy các Đức Phật, tất nhiên phải biết rõ diệu dụng của pháp cao tột, tức Phật đang thuyết Pháp Hoa. Bấy giờ, tuy trụ thiền định, nhưng nội lực của Ngài tác động qua tâm Bồ tát và chúng sanh trong khắp mười phương pháp giới, khiến tất cả cảm nhận an lành, phát tâm Bồ

đề, thăng hoa trí tuệ, đạo hạnh. Chính Diệu Pháp Liên Hoa ấy nuôi sống mạng mạch Phật pháp trường tồn hơn 25 thế kỷ và còn mãi mãi soi đường cho chúng sanh trở về thế giới vĩnh hằng bất tử.

Theo tôi, phẩm Tựa của kinh Pháp Hoa Tích môn bắt đầu từ phần tập họp chúng hội cho đến phần Bồ tát Di Lặc khởi nghi. Nhưng phẩm Tựa của kinh Pháp Hoa Bổn môn thì bắt đầu từ ý Di Lặc Bồ tát khởi nghi cho đến phần Văn Thù Sư Lợi bảo đại chúng chờ Phật nói kinh Pháp Hoa cho nghe. Vì vậy, tôi vẫn xếp phẩm Tựa thứ nhất của bộ kinh Pháp Hoa 28 phẩm vô Pháp Hoa Bổn môn, xem đó là tựa chung cho cả Pháp Hoa Bổn môn và Tích môn.

--- o0o ---

II - Ý NGHĨA PHẨM PHÁP SƯ

A - VĂN KINH

Bấy giờ Phật bảo Dược Vương Bồ tát, tất cả đại chúng, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Thiên, long bát bộ, người cầu Thanh văn, người cầu Bồ tát hay cầu Phật đạo, mà ở trước Phật nghe kinh Pháp Hoa một câu, một kệ, một niệm tùy hỷ, Ta đều thọ ký Vô thượng Bồ đề.

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nào thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép Diệu Pháp Liên Hoa, phải biết người này đã thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì thương nhân gian mà sanh lại đời. Nếu ai chê họ, tội còn nặng hơn chửi mắng chư Phật, còn ai khen ngợi thì được công đức vô lượng vô biên, vì kinh này là bí yếu của Phật.

Sau Phật diệt độ, nếu ai thọ trì thì được chư Phật hộ niệm, có đức tin lớn, chí niệm bền vững và được gần Phật, được Phật thọ ký. Nếu ở chỗ nào có kinh Pháp Hoa nên dựng tháp báu để mà cúng dường, không cần xá lợi, vì trong tháp ấy có kinh Pháp Hoa là toàn thân Phật. Nếu Bồ tát mà chưa thọ trì được Diệu Pháp Liên Hoa phải biết họ còn cách xa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ví như đào giếng ở trên cao nguyên mà thấy đất khô thì biết cách nước còn xa, nếu tiếp tục đào cho đến đất ướt, đất bùn thì biết sắp được đến nước. Tu đạo Bồ tát cũng lại như thế, nếu nghe được kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì biết đã gần đến Vô thượng Chánh giác. Nếu chư Bồ tát mà nghe kinh này còn

chưa hiểu được là mới phát tâm. Thanh văn nghe kinh mà sanh sợ sệt là tăng thượng mạn.

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nào muốn giảng kinh này phải vào nhà Phật, mặc áo Như Lai và lên pháp tòa rồi mới vì chúng mà nói Pháp Hoa. Tòa của Như Lai là trí Bát Nhã, áo của Như Lai là hạnh nhu hòa, nhà của Như Lai là tâm từ bi, quyết lòng độ chúng không vì việc khác. Nếu làm như thế, Ta bảo Trời người cùng với phi nhơn ra mắt pháp sư, nghe pháp cúng dường. Nếu người đến hại, Ta khiến Kim cang bát bộ thiện thần che chở pháp sư. Nếu trụ chánh định thì thân ta, nghe ta thuyết pháp. Ai gần người này, tâm cũng được an và thấy hằng sa vô số chư Phật, mau đến Vô thượng Bồ đề.

B – GIẢI THÍCH

Phẩm Tựa cho thấy Đức Phật trước khi nói kinh Pháp Hoa, Ngài nhập định. Sau đó Ngài xả định, trở lại thực tế cuộc đời, nói với Xá Lợi Phất về pháp phương tiện. Đó là quá trình mà Đức Phật giảng dạy cho con người, hay Tích môn được ghi lại từ phẩm Phương tiện thứ hai đến phẩm Thọ học vô học nhơn ký thứ chín.

Nhưng trên lập trường Bổn môn quan sát, Đức Phật không rời chánh định để trở lại cuộc đời giáo hóa chúng sanh. Ngài từ Thiền định đến với các Bồ tát và sử dụng Báo thân nói với Dược Vương Bồ tát. Trụ thiền định hay thế giới tâm linh, Đức Phật dạy Bồ tát ở dạng tâm hay Báo thân Bồ tát ở thế giới Thật báo, không phải thế giới này, nên hàng Thanh văn không thể nghe được.

Trên tinh thần ấy, tôi kiết tập Bổn môn Pháp Hoa kinh, không đề cập phẩm 2 đến phẩm 9, mà đi thẳng từ phẩm Tựa đến phẩm Pháp sư thứ 10 để triển khai bí yếu Phật dạy Bồ tát.

Mở đầu, Phật nói pháp với Dược Vương Bồ tát. Điều này cho chúng ta suy nghĩ công hạnh và thành quả của Dược Vương lớn lao như thế nào mà Phật nói pháp quan trọng với Ngài.

Qua phẩm Dược Vương Bồ tát bổn sự, chúng ta thấy quá trình tu hành của Ngài kết thành danh xưng là Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn đà la ni, nghĩa là Dược Vương biết rõ chúng sanh muốn gì, có khả năng gì. Ngài hiểu họ bằng tâm, không cần nghe âm thanh, ngôn ngữ. Nhờ vậy, Dược Vương

giáo hóa chúng sanh thành tựu một cách nhẹ nhàng, đơn giản, được mọi loài yêu quý, kính trọng, nên Ngài còn có tôn danh là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát. Ngài giải trừ được thân bệnh và tâm bệnh cho tất cả, khiến mọi loài an vui, giải thoát, mới có tên là Dược Vương. Đức Phật chọn vị Bồ tát đầy đủ tư cách như vậy để giao phó pháp chân thật, khó hiểu, khó tin và Dược Vương lãnh trách nhiệm truyền lại ý này cho chúng hội hiện diện cũng như các hành giả Pháp Hoa đời sau.

Trong phẩm Pháp sư có 3 vấn đề quan trọng mà hành giả cần ghi nhớ và thể hiện trong cuộc sống. Trước nhất, hành giả phải được Phật thọ ký hay công nhận, mới có thể tiến tu. Đức Phật chưa ấn chứng, nghĩa là chưa vào nhà Phật, có làm gì cũng vô ích. Ví như người xuất gia phải đăng đàn thọ giới mới có tư cách tu sĩ chân chính, tự mình xuất gia, mặc áo tu chỉ là tu sĩ giả. Khi được Phật thọ ký, hành giả bắt đầu tiến tu và đắc đạo rồi, hành giả mới làm công việc truyền bá Phật pháp.

Trong phần Tích môn, từ phẩm Thí dụ thứ ba đến phẩm Thọ học vô học nhơn ký thứ 9, Đức Phật chỉ thọ ký cho hàng Thanh văn như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ca Diếp, A Nan, La Hầu La, v.v... Đến phẩm Pháp sư, sự thọ ký được mở rộng cho mọi người, mọi loài. Bất luận là xuất gia hay cư sĩ, không phân biệt nam nữ, người cầu Thanh văn, cầu Bồ tát hay cầu Phật đạo, nói chung là hàng tam thừa, cho đến Thiên long bát bộ thuộc thế giới vô hình đang hiện diện trước Phật Thích Ca, và cả chúng đời sau nghe kinh Pháp Hoa một câu, một kệ, một niệm tùy hỷ, đều được Phật thọ ký Vô thượng Bồ đề.

Chúng ta cần hiểu rõ điều này để thấy được tầm quan trọng của việc tu Pháp Hoa, tu như thế nào để thâm nhập mới được thọ ký. Thâm nhập Pháp Hoa ở cấp bậc thấp nhất theo Phật dạy là có một niệm tùy hỷ đối với kinh Pháp Hoa. Chúng ta chỉ có một niệm tâm thanh tịnh thấy Phật và sống trong thế giới Phật là được Phật thọ ký ; ví dụ như có người đến trước mặt tôi, tôi sẽ nói vận mạng của người đó, không đến thì làm sao tôi nói được. Thọ ký là nói vận mạng, không vào thế giới Phật, thì làm cách nào nghe được thọ ký.

Đối với chúng ta còn nhiều nghiệp chướng mà thâm nhập được pháp hội của Phật dù chỉ trong một niệm tâm cũng là cả vấn đề. Giữ cho tâm luôn luôn an trụ trong thế giới Phật thì chắc chắn chỉ có đại Bồ tát làm được. Thật vậy, điều này mới nghe qua rất đơn giản, không cần xuất gia thọ giới, mọi loài chỉ nghe một câu kinh Pháp Hoa cho đến chỉ có một niệm tùy hỷ, liền được Phật ấn chứng quả vị Vô thượng giác. Vậy từ trước đến nay, biết bao

người đã tụng hàng trăm ngàn câu kinh Pháp Hoa, thừa sức có đủ điều kiện để được thành Phật. Nhưng sao thân phận họ vẫn èo uột như thế này ? Chẳng lẽ Đức Phật hư vọng sao ? Chắc chắn không thể như vậy.

Thiết nghĩ kinh Pháp Hoa mà chúng ta đối trước Phật nghe được một câu, một kệ hay một niệm tùy hỷ sẽ được thọ ký, không thể nghe qua ngôn ngữ, âm thanh bằng tai, không thể tùy hỷ bằng hiểu biết, phân biệt của ý thức vọng động, phiền não. Và Phật thọ ký cho chúng ta cũng không phải là Phật hiện hữu bằng sanh thân.

Nghe pháp âm Phật hay pháp ngữ bằng bản tâm thanh tịnh mới được thọ ký, giống như Bồ tát Thường Bất Khinh nghe 20 muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa trước khi mạng chung. Mạng chung nghĩa là ngũ ấm thân : sắc, thọ, tưởng, hành, thức không còn tác động ; ngũ ấm đã chuyển thành ngũ phần Pháp thân. Lúc ấy, hành giả ở lập trường Pháp thân nghe kinh và tu hành, nhận được Phật thọ ký dưới dạng Pháp thân, tức thọ trên bản tâm thanh tịnh, hoàn toàn khác với thọ ký cho Xá Lợi Phất ở dạng sanh thân.

Hành giả đời sau cũng như Bồ tát Thường Bất Khinh không còn gặp sanh thân Phật Thích Ca, nhưng lắng lòng, vượt ngũ ấm thân, nghe được pháp âm Phật. Điển hình như Trí Giả thâm nhập thiền định, với bản tâm thanh tịnh, nghe pháp âm của hội Linh Sơn còn vang vọng.

Vì nghe bằng bản tâm và nhận Pháp thân thọ ký, nên thọ ký cả ba đời, không phải một đời. Đứng ở góc độ đó tiến tu, hành giả tái sanh ở đời nào cũng tự nhớ đã tu Pháp Hoa và thăng tiến đạo Bồ đề, không bao giờ thối tâm.

Ngoài ra, Đức Phật cũng thọ ký cho người thọ trì kinh Pháp Hoa sau khi Phật diệt độ. Thọ trì được Pháp Hoa thì phải có cuộc sống trong sạch như hoa sen, trí tuệ siêu tuyệt và làm lợi ích cho chúng sanh, tức thể hiện trọn vẹn tư cách của Đức Phật trên cuộc đời. Đức Phật cho biết đó là người đã thành Vô thượng Đẳng giác, vì thương nhân gian mà sanh lại đời. Thành Vô thượng Đẳng giác nghĩa là đã đạt đến đỉnh cao của tri thức, đạo đức và cứu độ chúng sanh ; hội đủ tư cách như vậy mới có khả năng truyền bá kinh Pháp Hoa.

Người đã thành Vô thượng Đẳng giác, vì thương nhân gian sanh lại đời chắc chắn khác với người nhân gian. Người nhân gian thì luôn bảo vệ thân mạng, tài sản, quyến thuộc của họ. Người ở thế giới Phật sanh lại biết thế giới này tạm bợ, không để tâm tranh chấp. Tâm họ ở thế giới Thật báo của Phật,

nhưng thân hiện hữu ở thế gian để làm lợi ích chúng hữu tình, không vì bản thân họ, nên họ có thái độ không giống như người thế gian. Người thế gian thường làm lợi mình hại người. Bồ tát sơ phát tâm tự hành hóa tha làm lợi mình và người, Bồ tát không vì chút tư lợi nào, vô ngã hoàn toàn.

Bồ tát sống trong thế giới Phật, nhưng đến Ta bà để thay Phật giáo hóa chúng sanh. Đó là người trì kinh Pháp Hoa, là sứ giả của Phật. Phật sai họ trở lại cuộc đời làm việc này thì tất phải được Phật hộ niệm, nên họ có đức tin bền chắc, chí niệm vững vàng. Ví như đứa bé ở trong bụng mẹ đâu có sợ sét đánh. Bồ tát sanh lại nhân gian, sự liên hệ giữa Phật và các Ngài cũng giống như vậy, dù ở hoàn cảnh gian lao đến tan thân mất mạng, mà được sống trong sự hộ niệm của Phật thì vẫn cảm nhận được an lành, chẳng sợ sệt gì cả và được Phật xoa đầu, thọ ký.

Tuy nhiên, Đức Phật cho biết thêm rằng muốn thọ trì Pháp Hoa, thương nhân gian sanh lại cuộc đời, nhưng cuộc đời này rất kinh khủng. Nếu không nắm pháp bí yếu thì Phật không hộ niệm được, không thể nào hành đạo ở đây được.

Bồ tát trở lại cuộc đời, Phật giao cho máy để bắt làn sóng liên hệ với Phật. 3 làn sóng để Bồ tát không bao giờ bị lạc mất Phật, đó là nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai. Chúng ta dễ dàng cảm nhận ý này trên bước đường tu. Có lúc chúng ta cảm thấy gắn bó mãnh liệt với Phật, y như mình đang ở Niết bàn. Nhưng có lúc cảm thấy rất bơ vơ hụt hẫng lạ lùng, đó là khi nghiệp nổi dậy làm chúng ta bị lạc mất làn sóng, không liên hệ được với Phật. Tuy là người của Phật sai lại cuộc đời, nhưng vẫn phải giữ trọn vẹn 3 tiêu chuẩn : nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai ; nếu không, Phật cũng không thể hộ niệm.

Vấn đề thứ hai quan trọng đối với hành giả Pháp Hoa là quá trình hành đạo Bồ tát thật khó khăn, cực khổ, được kinh ví như đào giếng trên cao nguyên.

Thật vậy, trên bước đường tu, hành giả luôn luôn phải chạm trán với ba loại cường địch. Ở thế giới Ta bà, hành giả cần ý thức rằng mọi người sẵn sàng hại nhau để tranh dành quyền lợi. Hành giả không cần quyền lợi, địa vị, nhưng vẫn có đầy đủ những thứ này, tất yếu phải bị họ ganh ghét, ám hại. Ở chặng đường một, trên cao nguyên hay trên đồng hoang sanh tử, ai cũng bị thiêu đốt giống nhau. Hành giả vượt cho được sự khuấy phá của hàng thế tục và hơn thế nữa, từ ngũ uẩn thân tu để thấy tâm, không dễ. Mỗi ngày thấy

phiền muộn thì dễ hơn, nên phải nỗ lực tu, kinh diễn tả là ra sức đào giếng, không nghỉ, sẽ gặp đất ướt, đất bùn.

Giai đoạn hai, hành giả phải đương đầu với hàng ngoại đạo. Xung đột lớn giữa các tôn giáo cũng là vấn đề trầm trọng. Hành giả tu thế nào để người chống đối phải quay về hàng phục. Người còn phê phán chê bai được, chắc chắn ta còn ở lớp bùn hay còn lỗi lầm, chưa thực tốt hoàn toàn. Hành giả dốc lòng tu, ý thức rằng nhờ thiên hạ chỉ trích mà phát hiện được sai trái của chính mình. Từ đó tìm cách giải trừ sai lầm, cải thiện việc làm cho tốt, ví như cố gạn bùn để lấy nước.

Vượt qua chặng đường thứ hai, hành giả lại gặp bạn đồng tu ganh tỵ, chống phá, cho đến lớp người trên ta có phước báo, quyền thế hơn, thuộc loại tiếm thánh tăng thượng mạn cũng đố kỵ, tranh chấp. Hành giả giải tỏa được áp lực này, tự biết gần đến Vô thượng Đẳng giác, thân tâm được tự tại an vui, tác động cho người an lạc theo, cũng giống như người đào giếng đến mạch nước, tha hồ sử dụng tưới mát mọi thứ.

Tuy hành Bồ tát đạo gian khổ như vậy, nhưng thiết nghĩ hành giả Pháp Hoa không sợ khó, vì không khó thì không khôn. Mỗi lần đụng chạm với đời, hành giả lại phát hiện tồn tại dở xấu của tự thân mình, cần khắc phục. Kinh Pháp Hoa dạy rằng Bồ tát dù được Trời người cung kính cũng không mừng, chê không khổ, vì khen chê, vinh nhục của cuộc đời chẳng khác gì bọt nước nổi trôi, nhanh chóng vỡ tan. Riêng tôi càng gặp khó càng thích, lúc đó đường chúng ta đi thênh thang, chẳng ai dám tranh giành, chúng ta cũng dễ nhận ra người tốt, nhất là ta có điều kiện chứng tỏ tấm lòng mình với Phật.

Hành giả một lòng giữ tâm an nhiên tiến tu, không sợ, không phải liều mạng, nhưng tâm hoàn toàn bình ổn vì đã được Phật thọ ký, che chở. Lúc ấy, chỉ còn duy nhất tâm niệm vì Vô thượng Bồ đề, không còn thứ gì có thể làm vẩn đục tâm hành giả. Được như vậy là biết Phật đã lấy y trùm cho, cứ thanh thản mà vững bước trên lộ trình Bồ tát đạo.

Thông thường chúng ta lầm tưởng chỉ có người giảng kinh mới là pháp sư. Theo kinh Pháp Hoa có 5 loại pháp sư : thọ trì, đọc, tụng, giảng nói, biên chép pháp sư. Phần nhiều chúng ta nghĩ rằng làm pháp sư thuyết giảng mới khó, việc của bốn pháp sư còn lại, ai làm cũng được.

Tuy nhiên, theo tinh thần Bổn môn, thọ trì là chánh hạnh, 4 việc : đọc, tụng, giảng nói, biên chép là trợ hạnh, tạo điều kiện giúp hành giả phát huy chánh hạnh.

Thọ là nhận lãnh yếu chỉ của Phật và trì là giữ gìn, ví dụ Di Lặc Bồ tát được Như Lai trao pháp ấn. Ngài nhận và thay thế Như Lai giữ gìn pháp ấn tồn tại trên cuộc đời. Như vậy, Di Lặc thực sự thể hiện đầy đủ tư cách pháp sư Pháp Hoa.

Trên bước đường tiến tu đến cứu cánh toàn giác, chúng ta chưa thể thực hiện pháp thọ trì, chưa phải là người thay thế Phật, nên cần thực tập 4 trợ hạnh. Trước nhất, phải đọc tụng lời của Phật, tìm hiểu bí yếu mà Ngài muốn dạy. Căn cứ vào ý Phật, từng bước chúng ta ứng dụng trong cuộc sống để tìm thấy Như Lai và nhận pháp bí yếu nghĩa là thọ. Nhận được rồi, chúng ta phải cố gắng giữ gìn, tức trì.

Pháp Phật có công năng đoạn trừ phiền não cho chúng ta, ví như thuốc để diệt vi trùng ; vì vậy, trì pháp là vấn đề quan trọng. Nhưng thực tế tu hành, chúng ta thường phạm sai lầm, chỉ thọ pháp mà không trì pháp. Ví dụ như nghe giảng pháp, nhận được pháp Phật, nhưng nghe xong, chúng ta không nhớ gì cả hay không sửa đổi tâm tánh, nghiệp ác của thân, khẩu, ý còn nguyên như lúc chưa tu.

Hoặc chúng ta tụng kinh cũng nhằm dẹp bỏ phiền não, không phải đọc tụng để trả bài cho Phật. Riêng tôi, thường tụng kinh cho chính tôi nghe. Phiền não nổi dậy, tôi tụng kinh, chỗ nào có phiền muộn, tôi tụng kinh. Áp dụng đúng pháp trì kinh để phá tan phiền não, sẽ có ngay kết quả tốt đẹp. Thật vậy, trước khi đi hoằng hóa, tôi đều trì kinh, tức đem kinh đặt vào lòng. Nhờ siêng năng mang pháp Phật vào lòng, khi bước vào đời, gặp việc đáng nổi giận, tôi liền nhớ lại lời kinh vừa tụng còn trong tim óc, nên pháp này diệt ngay được tham sân phiền não.

Điều chính yếu của việc tu hành là sử dụng được pháp để dập tắt ngay phiền não, ở hoàn cảnh phiền muộn, chúng ta không buồn phiền. Vi trùng phiền não đã bị thuốc Pháp thủ tiêu, thì hoàn cảnh bên ngoài cũng tự đổi khác; tất cả đều phát xuất từ tâm chúng ta.

Trái lại, đối trước một người sắp làm chúng ta điên đảo, nhưng ta lại quên trì kinh, để điên đảo nổi dậy. Lúc ấy, phiền não của ta và điên đảo của họ tác

động lẫn nhau, làm cả hai không dằn được, từ từ lửa sân lên đến độ cao, chẳng còn biết phải trái là gì, dẫn đến mọi việc tội lỗi.

Hành giả Pháp Hoa không như vậy. Người nói móc một câu, ta phản ứng bằng cách tụng một loạt danh hiệu Phật. Từ miệng, từ tâm, từ ánh mắt chúng ta lưu xuất toàn hồng danh Phật, khiến họ không còn thấy thân nghiệp của ta, chỉ thấy thánh thiện cao quý của Phật, họ không thể tiếp tục lăng mạ chúng ta. Thiết nghĩ một người thực sự nhịn được từ ngoài mặt đến trong lòng, không ai có thể sân hận với họ.

Ngoài việc đọc tụng, chúng ta ghi chép lời Phật dạy và giảng thuyết, tức áp dụng trong cuộc sống; nói cho người nghe và xem phản ứng của họ, nhờ đó hiểu được cuộc đời. Thực hiện trọn vẹn 4 trợ hạnh, chúng ta mới là người trì kinh Pháp Hoa và trì được mới là pháp sư Pháp Hoa, trong mọi tình huống đều ứng xử tốt đẹp.

Muốn biết chúng ta có tư cách là pháp sư hay không, cần xét xem đã hội đủ ba điều kiện : nhà Như Lai (tâm từ bi), áo Như Lai (hạnh nhu hòa), tòa Như Lai (trí Bát nhã) hay chưa. Đó là vấn đề quan trọng thứ ba mà phẩm này đặt ra.

Tu theo chiều thuận thì vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai và ngồi tòa Như Lai. Nhưng với Bổn môn, hành giả đảo ngược lại quy trình này, phải thăng tòa Như Lai trước.

Tòa Như Lai hay trí Bát nhã quan trọng nhất, vì không có trí tuệ, việc làm dễ trở thành tội lỗi. Không có trí tuệ thì thương người, nhịn người, không ích lợi gì, còn tác hại cho ta và người.

Vì vậy, hành giả Bổn môn lấy Bát nhã làm chính, phải rèn luyện hiểu biết vượt trội. Kinh Bát Nhã đặt trí tuệ làm cứu cánh và trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử cầu đạo không mệt mỏi để đạt cho được trí tuệ ba la mật.

Trước tiên, hành giả phải trụ tòa Như Lai hay Không tòa. Nhứt thiết pháp Không của Bát nhã và Hoa Nghiêm không phải là không có gì, nhưng trong không này sanh ra trí.

Trụ ở Không tòa, sanh ra trí, thấy được thật tướng các pháp và theo đó mà hành xử. Người đời dùng thủ đoạn, khôn dại của thế gian đối xử với ta, ta đáp lại bằng trí Bát nhã, chắc chắn giặc đến Bồ đề phải tan.

Thật vậy, hành giả trụ Bát nhã, biết trước việc ở dạng thật tướng, nghĩa là biết nguyên nhân của nó, nên đoạn trừ nhân. Đối với việc đang xảy ra, hành giả biết trước diễn tiến và kết quả, như vậy không thể nào bị vướng mắc vào lưới nhân quả ấy.

Với trí Bát nhã, hành giả thấy chính xác trong hiện tại và tương lai, điển hình như Ngài Trí Giả nhập định thấy vùng núi rừng sình lầy ở Ngọc Tuyền biến thành ngôi đại già lam. Và thực tế không bao lâu, Tùy Dạng Đế lên ngôi phát tâm xây chùa ở đó. Đó là cái thấy của người tu Pháp Hoa do nhãn căn thanh tịnh hay Phật huệ rọi sáng.

Vì tầm quan trọng thiết yếu của trí Bát nhã, hành giả cố gắng học trong cuộc đời, trong Phật pháp, trong Thiền định và học với mười phương Như Lai để nâng hiểu biết ngang tầm với cuộc đời hay trên cả cuộc đời. Nghĩa là trải qua quá trình tu hành, đừng để mất trí Bát nhã, phải ngăn chặn phiền não nhiễm ô, giữ tâm thanh tịnh để phát huy trí tuệ. Từ trí tuệ của hàng nhị thừa tiến đến trí Bồ tát Đẳng giác và đạt đỉnh cao là vô sư trí hay huệ Như Lai, hành giả mới đủ tư cách trì Pháp Hoa, là pháp sư tuyên giảng pháp tối thượng thừa.

Khi đạt được trí tuệ vô thượng, biết rõ tất cả diễn tiến của mọi việc trong ba đời và để giữ cho tâm thanh tịnh, hành giả phải khoác lên chiếc áo Như Lai. Áo Như Lai là hạnh nhu hòa, nhẫn nhục.

Dù thiên hạ đối xử thế nào, chúng ta cũng phải trụ tâm và tùy theo hoàn cảnh đó mà sống. Ví như có sức mạnh nào đó đẩy chúng ta, phải biết khôn nương theo sức mạnh đó để chúng ta bay lên, không phải gồng mình chịu chết. Thực tế có người chống phá, chúng ta cần trụ tâm bình thản, không giận, không khổ và nương vào đó để phát huy tánh tốt, việc tốt của mình. Hòa thượng Thiện Hoa thường nhắc nhở rằng nhờ có người xấu, chúng ta mới có cơ hội làm tốt. Trong tiền kiếp, Đức Phật là vua tu hạnh bố thí cúng dường, Ngài đã bị Trường Thọ tiên nhân là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa hành hạ đủ điều, cỡi trên lưng nhưng vua không hề khởi ý niệm sân hận.

Phật dạy Bồ tát đến với chúng sanh, đừng lấy lập trường riêng mà áp đặt họ ; phải đặt mình vào hoàn cảnh họ để hiểu, cảm thông với họ và hòa với họ. Muốn Phật hộ niệm, chẳng những không được xung đột với bất cứ người nào, mà còn phải hòa. Bồ tát lấy nhu thắng cương để vô hiệu hóa sức chống

đối của ma, dùng nhu hòa để che chở Pháp thân, thể hiện nhu hòa của người đạt trí Bát nhã.

Thật vậy, áo giáp nhẫn nhục của người truyền bá Pháp Hoa có công năng chống lại tất cả mũi tên độc bắn phá. Nói cách khác, đạo đức của người muốn tuyên dương chân lý phải đạt đến mức độ nào mà người không hại được, nhịn tất cả nhưng không ai dám đụng đến; khác với nhịn của người vô trí thường bị chà đạp cho người hưởng lợi.

Cuộc đời hành đạo của Đức Phật đã tỏa sáng đức nhẫn. Ngài không dùng thế lực lấn át người, không tranh giành bất cứ thứ gì với đời, nhưng người người quy phục, vua chúa phải kính nể. Bước theo dấu chân Phật và muốn thân cận Bồ tát, tất yếu chúng ta phải lập hạnh như vậy, người đánh hay nói xấu, ta không đánh trả, nói xấu lại.

Sau cùng, hành giả vào nhà Như Lai là thể hiện tâm từ bi. Bồ tát hiện hữu trên cuộc đời chỉ có mục đích duy nhất là thương người, cứu người. Bồ tát thương chúng sanh như mẹ thương con, sẵn sàng chịu đựng những bướng bỉnh của họ. Mặc dù có thừa khả năng chống trả những tác hại của người, nhưng Bồ tát luôn xử trí bằng tâm từ bi.

Tâm từ bi phát xuất từ trí Bát nhã, từ chơn tâm, khác với thương người theo kiểu thế gian, khi thương thì cho ăn, nhưng nổi giận muốn đòi lại. Bồ tát có trí Bát nhã không thương ghét theo tình cảm phiền não của người đời. Bồ tát sử dụng lòng từ bi để cảm hóa người ác, khiến họ hướng thiện, để giúp người có ý chí cầu tiến tự phấn đấu vươn lên, không giúp để người gục mặt, xin ăn suốt đời.

Đầy đủ ba pháp ấn : nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai, mới là người trì Pháp Hoa, có khả năng tuyên thuyết Pháp Hoa, người nghe phải tin hiểu, không chống trái và thọ trì có kết quả tốt.

Người thành tựu ba pháp quan trọng này thì ở bất cứ nơi nào, Phật cũng khiến Trời người đến nghe pháp cúng dường. Hạng người có nhiều phước báo ở thế gian và giữ được thập thiện nghiệp tiêu biểu cho chư Thiên, họ mang của báu đến cúng dường để hành giả làm đạo, truyền bá Phật pháp. Và những người thuộc thành phần tốt gìn giữ 5 giới cấm cũng đến nghe pháp hộ đạo.

Nếu có người đến hại, Phật khiến Kim cang bát bộ thiện thần che chở pháp sư, không ai hại được. Lịch sử cũng ghi rõ cuộc đời hành đạo của nhiều vị Tổ sư đã thể hiện điều này. Ngài Huệ Tư giảng kinh Pháp Hoa bị thuốc độc 3 lần vẫn không sao, hay Nhật Liên Thánh nhân bị chém, cây kiếm tự nhiên gãy, khiến cho triều đình hoảng sợ không dám hành quyết.

Nếu trụ chánh định, không thuyết pháp, trở về sống nội tâm thì thấy Phật, nghe pháp âm Phật. Hành giả làm đạo trên cuộc đời vì không tham muốn điều gì nên tâm luôn bình ổn thanh tịnh, nhờ đó hành giả và Phật luôn liên hệ với nhau. Tôi tâm đắc ý này. Khi gặp phiền toái, tôi thường tâm niệm không cần ai biết, chỉ cần Phật biết là đủ. Để mất mối liên hệ giữa ta và Phật là ta đọa. Chúng ta là gạch nối giữa Phật và chúng sanh, ta chìa tay cứu vớt, nhưng không cứu được thì phải rút tay lại để sống. Không gặp thuận duyên làm đạo, nên ẩn nhẫn tu hành để tạo cho tâm thanh tịnh mới liên hệ với Phật được và tăng trưởng Phật huệ của mình.

Ai có duyên gần gũi, nghe pháp sư như vậy thuyết pháp, tâm cũng sẽ được thanh tịnh, trí sáng lần và cũng thấy hằng sa vô số chư Phật, mau đến Vô thượng Bồ đề.

--- o0o ---

III - Ý NGHĨA PHẨM BỒ TÁT TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT THỨ 15

Sau khi thành tựu tam pháp ấn : nhà Như Lai, áo Như Lai, tòa Như Lai mà Đức Phật dạy trong phẩm Pháp sư thứ 10, chúng ta được Bát bộ chúng bảo vệ và các hóa Bồ tát đến trợ duyên tu, đạt được trạng thái tâm yên tĩnh ở độ cao. Từ đó, thấy được bổn Phật, mà phẩm 11 diễn tả là thấy tháp Đa Bảo xuất hiện. Thấy tháp, mở được cửa tháp và vào sống trong tháp. Nghĩa là thấy đạo, ngộ đạo, thành Phật, mới có được pháp chân thật, các giai đoạn tu trước chỉ là pháp phương tiện. Đối trước Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca, các Bồ tát phát nguyện thọ trì kinh Pháp Hoa ở cõi Ta bà. Trước tâm nguyện đó, Đức Phật đưa ra bốn pháp an lạc mà người muốn tu Pháp Hoa cần phải tuân thủ.

Người tu lấy an lạc làm chính, vì pháp Phật nhiều, nhưng chỉ có một vị giải thoát. Trước tiên, chúng ta phải thực hiện cho được thân an lạc. Cắt bỏ phiền não mà gốc của nó là lòng tham, ta sẽ an lạc ngay tức khắc. Vì vậy, bỏ tục xuất gia, tức bỏ vật chất, không còn ham muốn những gì người đời ham, nên được giải thoát. Đây là mẫu tu của Thanh văn, muốn giải thoát ở Ta bà

không còn cách nào hơn là vào chùa tu, không nhìn, không nghe, không nói việc của người.

Riêng tôi, ít nhất cũng thực hành pháp này trải qua 8 năm, từ lúc vô tu ở Ấn Quang đến năm 1963. Tôi ít giao thiệp, kết thân với ai, thường ở trong phòng, không để ý đến việc của người xung quanh. Họ coi mình như không có, bất tài vô tướng, nhờ vậy tôi rảnh rang học và tu, đem kinh sách vào lòng. Ngoài ra, tự biết thân phận mình, nên tình nguyện quét rửa nhà cầu, không ai tranh giành những việc ấy. Nhờ ẩn tu được an thân, chúng ta mới phát triển đạo nghiệp.

Trong khoảng thời gian dài, thọ trì chánh pháp, nuôi lớn giới thân huệ mạng, nên tâm sáng ra, tánh tình dễ thương. Nhưng đạt được thành quả này, cần phải cẩn trọng hơn. Phật dạy Bồ tát tu Pháp Hoa nên thể hiện pháp nội bí ngoại hiện, nghĩa là ta phát triển khả năng cho thật giỏi, mà bên ngoài hiện tướng bình thường, không để lộ ra tài giỏi của mình, để tránh khỏi bị dập chết từ trong trứng nước. Ẩn nhẫn tu hành giữ cho thân, khẩu, ý an lạc, đến khi phát huệ, thấy được việc cần làm, chỗ cần đến, lúc nào nên độ người, chắc chắn sẽ thành công.

Các Bồ tát mười phương phát nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa ở Ta bà, sau khi Như Lai diệt độ, Đức Phật từ chối. Ngài cho biết việc tuyên dương chánh pháp ở Ta bà đã có Bồ tát bổn địa là Bồ tát Tùng địa dũng xuất thừa sức đảm đương. Chỉ có kinh Pháp Hoa mới nói đến Bồ tát Tùng địa dũng xuất và Phật phú chúc kinh này cho các Ngài. Trên tinh thần này, Bồ tát bổn địa quan trọng hơn, giữ vai trò chính yếu, Bồ tát mười phương chỉ trợ lực mà thôi.

Phật vừa dứt lời, có đến 6 vạn hằng hà sa Bồ tát xuất hiện. Các vị này sẽ thành Phật ; nói cách khác, ở Ta bà có điều kiện tu hành thành Phật hơn các thế giới khác. Thanh văn rất ngạc nhiên, vì từ trước, Phật thường ca ngợi Phật và Bồ tát ở thế giới khác và nơi đó cũng dễ tu, dễ thành Phật hơn. Nhưng chỉ có hội Pháp Hoa, Phật ngợi khen Bồ tát ở Ta bà, nơi có nhiều tệ ác. Điều này nhằm gợi ý giúp chúng ta thoát ly tánh đối lập ở trong vòng tương đối của thế giới nhị nguyên : tốt xấu, giỏi dở, ô uế, thanh tịnh. Thí dụ như A Xà Thế phạm tội ác nhất, nhưng cũng phát tâm cao nhất, hộ đạo mạnh nhất. Sống trong hoàn cảnh ác, chúng ta mới phát hiện được cái nào là phiền não nghiệp để xóa. Nếu ở thế giới an vui, chúng ta tưởng phiền não không còn, mà kỳ thật nó tiềm ẩn bên trong không mất.

Sống với người tốt, phiền não khó có cơ hội bộc phát. Trái lại, sống với người ngang bướng nhiều, nên nghe chướng tai, thấy gai mắt, thì tự biết tôi còn hai cái xấu là chướng tai, gai mắt. Tưởng mình không biết giận, biết buồn, nhưng nay có người làm mình giận, buồn, phải sợ mà lo khắc phục sai trái ấy. Nếu thực tốt, ở trong hoàn cảnh đáng buồn, nhưng không buồn, đó là con đường đi lên cõi Thánh.

Ở Ta bà ngũ trược, đủ thứ phiền não quấy rầy, chỉ riêng đòi hỏi của thân ngũ ấm cũng đủ mệt, làm sao lòng không phiền theo. Lòng hay tâm Bồ đề của chúng ta ở ngay trong thế gian này mà không bị hoàn cảnh sống, phiền não chi phối, mới thành Phật. Kinh Pháp Hoa diễn tả rằng trong Ta bà, trong lòng đất có vô số Bồ tát Tùng địa dũng xuất, trong khi các kinh khác gọi là hạt châu hay Phật tánh.

Theo văn tự kinh, các Bồ tát này từ trong lòng đất hiện ta. Hiểu theo Tâm địa quán, Phật ví tâm như đất, cỏ dại hay hoa màu đều từ đất mọc lên ; cũng vậy, tốt lành, xấu ác đều từ tâm sanh ta. Trong tâm chúng ta có Bồ tát, Phật hiện ra, nếu chỉ nhìn xác thân sẽ chẳng thấy Phật; kinh ghi là Di Lặc không hề biết mặt một vị Bồ tát cựu trụ nào. Nói cho dễ hiểu, khi A Xà Thế chưa phát tâm cúng dường Phật, mọi người vẫn nghĩ ông phá Phật. Nhưng đến khi tâm ông rúng nứt, vị Phật trong tâm A Xà Thế xuất hiện, biến con người cực ác thành cực thiện, có công đối với đạo.

Vì vậy, điều quan trọng là đất rúng nứt để tâm Bồ đề phát ra, nên Phật khuyên Bồ tát mười phương đến Ta bà chỉ làm cho người thấy được cái tốt để họ phát tâm và tự tu, không thể tu thay. Trong kinh ghi, Phật vừa dứt lời, ba ngàn thế giới rung động biết bao tâm hồn nhân thế.

Ý này thể hiện rõ nét qua lịch sử của đạo Phật tồn tại hơn 25 thế kỷ. Từ Phật Niết bàn đến nay, tiếp nối việc làm của Đức Phật, vô số Bồ tát ra đời cứu nhân độ thế. Ở thời tượng pháp, tiêu biểu có Trí Giả Đại sư phát huy tinh thần Pháp Hoa, được tôn kính như Tiểu Thích Ca tái sanh ở Trung Quốc. Đến thời mạt pháp, Nhật Liên Thánh nhân xuất hiện canh tân Phật giáo, được xưng tán là Thượng Hạnh Bồ tát. Thời kỳ nào cũng có người tương ưng giữ gìn mạng mạch Phật pháp.

Các Bồ tát này thân màu hoàng kim, đủ các tướng tốt, đạo hạnh viên mãn, nghĩa là không còn lỗi lầm, giới đức thuần trọng sạch, đáp ứng được mọi yêu cầu của chúng sanh, mới có khả năng hoằng truyền chánh pháp ở thế giới đầy ác trược . Đức Phật đưa ra mẫu Bồ tát Tùng địa dũng xuất để nhắc

nhở chúng ta muốn tu hành, giáo hóa chúng sanh cần phải theo mô hình hành đạo ấy.

Sáu vạn hằng hà sa Bồ tát đặt dưới sự lãnh đạo của bốn vị Bồ tát thượng thủ : Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh, An Lập Hạnh. Thượng Hạnh Bồ tát tiêu biểu cho người làm được những việc khó làm nhất. Ý này gợi nhắc chúng ta thực có tài thì lúc khó khăn phải gánh vác; hoàn cảnh dễ, hưởng lợi để dành cho kẻ thấp chí bạc tài. Quan trọng là chúng ta cần rèn khả năng giỏi thật sự và nằm trong lòng đất, tức chuẩn bị thật đầy đủ để khi khó dang tay nhận lãnh.

Vô Biên Hạnh Bồ tát chỉ cho khả năng đa dạng, làm được nhiều việc. Từ việc lớn đến việc nhỏ, không từ nan, đều hoàn tất, mới là mẫu người hữu ích cho đời. Bồ tát Tịnh Hạnh hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh, tác động cho người kính phục, phát tâm, mới có khả năng lãnh đạo chúng. Theo Bồ tát Tịnh Hạnh, chúng ta tự quán sát bản thân để tu sửa không còn lỗi lầm hoặc lắng nghe người phê phán mà sửa đổi. Cuối cùng là An Lập Hạnh Bồ tát hay mẫu người sống không đua đòi, bằng lòng với hoàn cảnh của mình để từ đó tiến tu đạo nghiệp. Không phải an phận để mặc cảm, buồn tủi, thoái chí, sanh ra các tánh ác.

Tóm lại, chúng ta phát tâm đi trên lộ trình Bổn môn Pháp Hoa ở Ta bà, muốn tìm Bồ tát Tùng địa dũng xuất hay tìm Đạo sư, tìm pháp lữ tu hành, chúng ta tìm người có nếp sống theo mô hình kiểu mẫu của 4 vị Bồ tát thượng thủ nói trên để nương theo tu tập. Mặt khác, nỗ lực rèn luyện tự thân, phát triển hạnh đức theo việc làm của Bồ tát Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh, An Lập hạnh. Kết hợp lực gia trì của các Ngài với khả năng thực chứng của chúng ta, đó là Niết bàn tịnh lạc mở ra cho chúng ta an trú ngay trên cõi đời ác trược này.

--- o0o ---

IV - Ý NGHĨA PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG THỨ 16

A – VĂN KINH

Bấy giờ Phật bảo đại chúng Bồ tát : Các ông phải tin lời nói chân thật của Đức Như Lai, các ông phải tin lời nói chân thật của Đức Như Lai. Đến lần

thứ ba, Bồ tát Di Lặc đại diện chúng hội mà bạch Phật rằng chúng con đã tin lời Phật, chúng con đã tin lời Phật

Bấy giờ Như Lai thấy chư Bồ tát đã ba lần thỉnh mới bảo đại chúng : Các ông lóng nghe bí mật thần thông của Đức Như Lai, tất cả thế gian đều cho Đức Phật xuất thân họ Thích đến cội bồ đề gần thành Già Da mà thành Chánh giác. Nhưng thiệt từ Ta thành Phật đến nay trải qua vô lượng bô biên a tăng kỳ kiếp, thường ở Ta bà thị hiện sanh thân trong nhiều quốc độ thuyết pháp giáo hóa vô số chúng sanh, thọ mạng sai khác, tùy theo loại hình mà khai phương tiện chỉ bày thậm thâm vi diệu.

Nếu thấy chúng sanh ưa pháp Tiểu thừa, đức mỏng tội nặng, không thể thấy xa, Ta phải thị hiện thân hình giống nó, bỏ tục xuất gia, thành đạo thuyết pháp rồi nhập Niết bàn, để nó nhận được mạng người ngắn ngủi, vạn vật vô thường, sanh tâm nhàm chán, thâm nhập Phật đạo. Bởi Đức Như Lai thấy rõ thực tướng của mọi chúng sanh ở trong ba cõi không có sanh tử, nhưng vì vô minh vọng kiến ngăn che, nên sanh các tánh ham muốn khác nhau, tạo tội sai biệt, nên Đức Như Lai phải dùng các pháp đối trị như thế mới sanh căn lành. Nhưng thiệt từ Ta thành Phật đến nay trải qua vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, nhờ kinh Pháp Hoa cảm thành thọ mạng, thâm nhập Pháp thân vĩnh hằng bất tử, nhưng dùng phương tiện nói sẽ diệt độ. Vì nếu Như Lai ở lâu trên đời thời người đức mỏng không trồng cội lành, ham ưa ngũ dục sanh tâm lười biếng, vì họ nghĩ rằng Đức Phật toàn năng luôn che chở họ, không cần khổ công tu Bồ tát pháp. Ví như có một ông thầy thuốc giỏi chữa được nhiều bịnh, lại có nhiều con. Khi có việc xa phải đi lâu ngày, các con ở nhà uống lầm thuốc độc làm mất bản tâm ; xa thấy cha về quỳ lạy, cầu xin thương xót cứu hộ. Nhìn thấy bịnh trạng, ông biết cách chữa, nhưng khi đưa thuốc thì không chịu uống. Ông bèn tự nghĩ những đứa con này muốn được khỏi bịnh, nhưng sợ thuốc đắng nên mới bảo chúng : Ta nay có việc lại phải đi xa, nếu con uống thuốc thì khỏi bịnh hoạn. Nói xong, ông liền bỏ đi, rồi lâu sau đó cho người về báo ông đã từ trần, các con nghe tin rất đỗi kinh hoàng, bèn lấy thuốc cũ đem ra sử dụng. Bấy giờ người cha hiện thân trở lại mà bảo các con : Cha thật thường còn, không bao giờ chết. Phật bảo đại chúng Ta cũng như vậy, thường trụ Ta bà nhưng dùng phương tiện nói sẽ diệt độ để cho mọi người không còn ỷ lại có Ta mà không chịu tu rồi đọa ác đạo.

---o0o---

B - GIẢI THÍCH

Trong kinh Pháp Hoa, ba phẩm Tùng địa dũng xuất, Như Lai thọ lượng và Phân biệt công đức, có liên quan mật thiết với nhau. Từ phẩm Tùng địa dũng xuất thứ 15, chúng ta bắt đầu bước vào thế giới siêu hình của tâm thức, của niềm tin. Ai không có độ cảm tâm như vậy, khó nhận được tính siêu thực mầu nhiệm của kinh Pháp Hoa, vì không thể dùng lý luận hiểu biết bình thường.

Phẩm 15 giới thiệu Bồ tát Tùng địa dũng xuất, chỉ cho chúng ta thấy đức tánh đặc biệt của con người, không xét qua thân vật chất bên ngoài và thấy Bồ tát bằng tâm, không phải bằng mắt. Tâm của chúng ta phát sanh lòng kính trọng vì nhận ra bốn đức tánh cao cả hàm chứa trong Bồ tát Tùng địa dũng xuất. Nói cách khác, qua hình ảnh bốn vị Bồ tát thượng thủ: Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh và An Lập Hạnh, gợi nhắc chúng ta bốn đức tánh cao quý, tiêu biểu cho vô số thánh thiện siêu việt của Đức Phật.

Từ bên ngoài thân tướng Phật trang nghiêm 32 hảo tướng, ẩn chứa bên trong trí tuệ vô lậu, chỉ đạo cho mọi lời nói, việc làm cao thượng, lợi lạc cho người. Trải qua vô lượng kiếp cho đến hiện đời, Đức Phật từng xả thân cứu giúp người, không một việc thiện nào Ngài từ khước. Dấn thân trên vạn nẻo đường đời, từ việc nhỏ như xỏ kim cho bà già đến giáo hóa các đại Bồ tát, tâm hồn Phật vẫn an nhiên, trong sạch, không vướng bận mảy trần, đến đâu Ngài cũng hòa đồng, tùy duyên giáo hóa.

Nhìn về Phật bằng niềm tin và căn lành, chúng ta nhận ra bốn đặc tánh siêu tuyệt nơi Ngài và từ bốn điều cao cả ấy phát triển thành vô lượng vô biên công đức, dùng đó cảm hóa người tốt đẹp theo, kinh diễn tả là xây dựng Phật quốc, thành tựu công đức trang nghiêm. Như vậy, công đức hình thành nhờ trí tuệ tuyệt vời chỉ đạo cho vô số việc làm thánh thiện. Tổng hợp trí tuệ và hành động thiện, kết tụ thành Báo thân Phật. Lấy Báo thân, hay thân phước đức, trí tuệ làm thân mạng Như Lai, thì ở đâu cũng biến thành cảnh giới an lạc, giải thoát.

Thật vậy, khi Đức Phật chưa đắc quả Vô thượng Bồ đề, Ngài tu chung với 5 anh em Kiều Trần Như, họ chẳng nghe Ngài. Nhưng thành đạo, Phật đến độ họ, chưa nói lời nào, mà đã cảm hóa được, từ xa trông thấy Ngài, họ đã phải sanh tâm cung kính. Đó là đặc thù của tính tôn giáo mà chúng ta phải rèn cho được, chỉ có đức hạnh mới có khả năng thuyết phục nhẹ nhàng như vậy.

Đức Phật mang thân tứ đại, với 32 tướng tốt, giáo hóa độ sanh, nhằm chỉ chúng ta Báo thân viên mãn, đầy đủ phước đức, trí tuệ của Ngài và thân đó soi rọi đến người nào, thì người đó là Phật. Trên bước đường tu, chúng ta dễ kiểm nghiệm ý này. Có một lúc nào đó, chúng ta tu, chẳng màng phú quý lợi danh, khi vào định, tâm lắng yên, nhận được Phật lực truyền đến, tự nhiên chúng ta có những hiểu biết vượt bậc và tánh tình trở nên cao thượng. Nhưng bất giác, vô minh, trần lao ham muốn nổi dậy, những gì tốt đẹp tan biến như mây khói. Như vậy, tự biết thánh thiện ấy không phải thực của ta, mà do Như Lai lực truyền cho, nên ta làm được việc bất khả tư nghì. Nhưng đánh mất lực Như Lai, ta chẳng khác gì bướm rụng cánh. Lúc nào Đức Phật cũng chiếu cố đến ta, vấn đề tùy ở ta tu hành như thế nào để tiếp thu và giữ được vĩnh viễn lực Như Lai.

Từ thấy Phật qua Sanh thân, tiến đến thấy cao quý của Phật đầy đủ phước đức, trí tuệ tức Báo thân viên mãn và sau cùng, nhận ra thường trú Pháp thân hay đức Phật vĩnh hằng, bất tử, là đỉnh cao nhất giới thiệu cho chúng ta Đức Phật thực.

Để chỉ Đức Phật thực, sống vĩnh viễn ấy, Ngài gọi Bồ tát Di Lặc, nhắc lại ba lần rằng : Các ông phải tin lời nói chân thật của Đức Như Lai. Nghĩa là Đức Phật nhấn mạnh đến con người thực, bất tử của Ngài là giới thân, huệ mạng hay đạo đức, tri thức. Ngài khuyên chúng ta nên tin và tu theo Phật thọ mạng không cùng tận, đừng chấp vào Phật sanh thân, hiện hữu có giới hạn 80 năm ở Ấn Độ.

Trên nền tảng ấy, chúng ta nương vào huyễn thân sanh diệt tu, nhưng phải chứng được thân bất tử. Chúng ta thường phạm sai lầm, chỉ lo bận rộn với cái hình thức, vật chất không cần thiết, nên con người thực bị ốm o, bệnh hoạn. Riêng tôi, tiến tu đạo nghiệp đến ngày nay nhờ chuyên nỗ lực phát triển giới thân huệ mạng của chính mình, không để tâm đến người bên ngoài. Săn sóc con người tâm linh lớn mạnh là điều chính yếu, một ngày chưa làm thêm được việc công đức, chưa phát hiện được một ý tưởng thánh thiện, chưa đạt được một sở đắc nào, tôi cảm thấy thiếu thốn, mất mát lớn.

Thân xác tứ đại tất yếu phải bịnh, chết, nhưng đánh mất phần tâm linh của chúng ta, quả là uổng công tu hành. Ngày nay, đa số bị vật chất chi phối, thân tâm vướng mắc bên ngoài nhiều quá, trí tánh trở nên mờ lần, ác nghiệp theo đó sanh ra, và kết quả sẽ rơi vào ba đường ác. Vì sáng suốt không còn, dẫn đến việc làm sai trái, tác hại, mất uy tín với người. Thực tế dễ thấy, khi chúng ta hiểu biết, phán đoán đúng đắn, người kính phục bao nhiêu, thì lúc

không còn tài giỏi, họ xem thường bấy nhiêu. Không làm lợi ích gì, ắt cuộc đời sẽ coi nhẹ ta.

Ra công tu bồi phước đức, trí tuệ, thì sau khi bỏ thân giả tạm này, thân phước đức trí tuệ còn phát triển hơn nữa. Nói cho dễ hiểu, khi sống thì phước ít, chết rồi thì phước nhiều hơn. Cuộc đời của Đức Phật thể hiện rõ ý này. Lúc sanh tiền, Ngài giáo hóa dọc sông Hằng, được vua chúa và dân chúng vùng Ngũ hà quy y, kính ngưỡng. Nhưng Ngài vào Niết bàn, chẳng những không mất trên cuộc đời, mà người ta còn nghĩ đến Đức Phật nhiều hơn, đệ tử tôn thờ Ngài khắp năm châu, tự nguyện bước theo dấu chân Phật mỗi ngày một nhiều thêm. Tri thức, đạo đức của Đức Phật truyền đến ai, người đó cảm đức từ bi của Ngài mà làm việc giống như Ngài. Đó là cốt lõi của cuộc sống người tu, chúng ta cần phải học, thể nghiệm cho được trong cuộc sống của chính mình. Những bậc chân tu, thật học không nắm giữ của báu trong tay, nhưng phước đức trí tuệ các Ngài tỏa sáng, tô bồi thành con người cao quý trên cuộc đời.

Đức Phật nhắc nhở chúng ta cần hướng niềm tin vào Báo thân Phật, từ đó phát huy được Báo thân chúng ta, trang nghiêm phước đức, trí tuệ cho chính mình.

Di Lặc Bồ tát đại diện chúng hội đáp lời Phật 3 lần rằng họ đã tin lời Phật. Đối trước thâm tín của đại chúng đã nhiều đời từng theo Phật tu hành, Ngài mới nói sự thật bất tư nghì mà từ trước chưa hề đề cập. Nay, đến hội Pháp Hoa, đúng nhân duyên thuyết chân lý, Ngài cho biết Trời, Người, A tu la lầm tưởng Phật vừa xuất thân họ Thích, đến cội bồ đề, gần thành Già Da mà thành Chánh giác. Chúng ta phải rời bỏ hiểu biết nông cạn ấy để tiến sâu vào thế giới siêu hình, thấy được Đức Phật vĩnh hằng : "Từ Ta thành Phật đến nay trải qua vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, thường ở Ta bà thị hiện sanh thân trong nhiều quốc độ, thuyết pháp giáo hóa vô số chúng sanh, thọ mạng sai khác, tùy theo loại hình mà khai phương tiện, chỉ bày chân thật thậm thâm vi diệu...".

Nương với con người sanh diệt của Phật để tu, và phải vượt qua cái sống chết bình thường ấy, nhận ra con người vô tận vô cùng của Phật, sống với hằng hữu ấy. Nghĩa là, nhận chân được Phật thực và Phật tùy duyên giáo hóa khắp nơi, với nhiều danh xưng khác nhau. Phật không chết, Ngài chỉ vắng bóng ở Ta bà và ứng hiện giáo hóa ở thế giới khác.

Tóm lại, cốt lõi kinh Pháp Hoa chỉ cho chúng ta Pháp thân bất tử của Phật đã thành tựu từ vô lượng kiếp. Chúng ta bước theo dấu chân Ngài, thể nghiệm pháp bất tử, phát huy phước đức trí tuệ, thực chứng được chân linh hay pháp thân của chính mình. Sống dưới dạng chân linh vĩnh hằng, thì Phật hiện thân giáo hóa ở đâu, chúng ta cũng theo Ngài đến đó hành đạo, tuyên dương pháp mầu, chẳng khác gì thập đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca cách đây hơn 25 thế kỷ. Thiết nghĩ hoài vọng này của chúng ta cũng là hoài bão của Đức Phật vậy.

--- o0o ---

V - Ý NGHĨA PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC THỨ 17

A – VĂN KINH

Bấy giờ Đức Phật lại bảo Di Lặc Bồ tát khi Ngài diễn nói thọ mạng dài lâu của Đức Như Lai thì có vô số Bồ tát không thể tính đếm chứng được vô sanh pháp nhẫn hoặc văn trì đà la ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển được pháp luân bất thoái và phát đại tâm cầu vô thượng đạo.

Đức Phật vừa mới dứt lời thì trời mưa hoa cùng bột chiên đàn và các thiên y, bảo ngọc như ý, trân châu ma ni để cúng dường Phật và hàng tứ chúng. Đức Phật lại bảo Di Lặc Bồ tát, chúng sanh nào nghe thọ mạng dài lâu của Đức Như Lai mà sanh một niệm tín giải sẽ được công đức vô lượng vô biên, nhiều hơn công đức của người bố thí, trì giới, nhẫn nhục trong 80 muôn na do tha kiếp. Nếu hiểu ý nghĩa thọ lượng Như Lai thì có thể phát sanh Phật huệ nhứt thiết chủng trí, lại có thể thấy Thích Ca Như Lai ở Kỳ Xà Quật thuyết pháp giáo hóa chúng đại Bồ tát và thấy thế giới Thật báo của Lô Xá Na. Nếu thấy như thế thì không cần xây chùa tháp cúng dường mà chính người ấy đã đến đạo tràng, trong thân của họ có sẵn Đức Phật. Ông bảo Trời người phải nên cúng dường như cúng dường chư Phật.

B – GIẢI THÍCH

Mở đầu phẩm Phân biệt công đức, Đức Phật nói với Di Lặc Bồ tát rằng : "Khi Ngài diễn nói thọ mạng dài lâu của Đức Như Lai thì có vô số Bồ tát không thể tính đếm, chứng được vô sanh pháp nhẫn hoặc văn trì đà la ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển được pháp luân bất thoái và phát đại tâm cầu Vô thượng đạo".

Đoạn kinh trên cho biết công đức vô lượng của người thấy được và tin được thọ mạng dài lâu của Đức Phật ; nói cách khác, đó là thọ mạng của phước đức trí tuệ của Ngài. Nói đến phước báu của Phật, người đời thường dùng câu "Của vua thua của Phật" để chỉ những gì mà Đức Phật mang lại cho chúng ta không bao giờ cùng tận. Ngài vắng bóng trên cuộc đời hơn 2500 năm, nhưng kho vô tận của Ngài chẳng hề vơi cạn. Với tướng hảo và phước báu tràn đầy, khả năng siêu tuyệt, được người người kính mến, Ngài sử dụng những thiện quả ấy để cứu đời, giúp người, hoàn toàn vị tha, khiêm tốn, thể hiện đức hạnh ngời sáng thánh thiện. Trí tuệ của Đức Phật thì vô song, thấu suốt muôn sự từ quá khứ đến tận vị lai kiếp, mới có thể thọ ký cho người tiến bước tu tập trên đường giác ngộ.

Bồ tát nghe Đức Phật có phước đức trí tuệ thọ mạng lâu xa như vậy, soi rọi lại tâm mình, liền chứng vô sanh pháp nhẫn. Pháp này nói theo ngày nay là con người, thiên nhiên và hoàn cảnh xã hội không có khả năng tác động Bồ tát. Họ hoàn toàn tự tại, giải thoát giữa lòng thế gian lắm phiền toái, hình thành được Pháp thân Bồ tát. Từ đó, tu ở dạng Bổn môn hay sống với chân thật pháp, nên bình thản trước nhục mạ của chúng sanh và tự tại trước khắc nghiệt của thời tiết.

Riêng đối với chúng ta, trên bước đường tu tập, nếu bị người mắng nhiếc, ta trả đũa hay không nói lại, nhưng vẫn ấm ức trong lòng. Nay nghe được phước đức thọ mạng dài lâu của Đức Phật, biết được nhẫn nhịn tu hành sẽ tạo cho chúng ta công đức, chúng ta không bỏ lỡ cơ hội tốt cho sự nghiệp chóng thành đạo quả. Ý thức sâu sắc như vậy, tôi thường mong gặp nghịch duyên để được thể nghiệm lời Phật dạy, khắc phục những tồn đọng không tốt trong tâm mình.

Bồ tát đắc vô sanh nhẫn coi khó khăn nguy hiểm là môi trường tốt cho họ tu tạo công đức. Từ đó, đối mặt với cám dỗ, không sa ngã, không khởi tâm nao núng trước sự mua chuộc của phàm phu, đe dọa cũng chẳng thể làm sờn lòng Bồ tát. Chúng sanh phàm phu thì ngược lại, bình thường khoe khoang đủ thứ, đụng việc khó bỏ chạy, gặp danh lợi tối mắt, ập vào.

Thâm nhập vô sanh nhẫn, sống với pháp này, hữu tình lẫn vô tình chúng sanh chẳng thể chi phối Bồ tát, tâm hoàn toàn thanh thoát mới có khả năng tiếp nhận vô tận tạng của Đức Phật. Riêng chúng ta còn phàm phu, tuy bươn chải kiếm ăn cũng không đủ, nhưng chúng ta không quan tâm đến điều đó, chỉ một lòng thực tu, bước theo dấu chân Phật, chắc chắn Ngài sẽ gia bị, thì

mọi thứ vẫn hiện hữu đầy đủ cho chúng ta. Trái lại, tự nghĩ thừa sức lo toan cho bản thân, thì Phật sẵn sàng để mặc ta tha hồ lăn lộn kiếm sống. Thật vậy, theo kinh nghiệm tu hành của riêng tôi, cảm nhận sâu sắc cuộc sống làm tôi cho Phật, chỉ làm theo Phật, mà tôi nhận được quá nhiều nơi Ngài. Những gì Phật cho thật vô tận, từ quá khứ dẫn đến hiện đời và mãi đến khi chúng ta đạt quả vị Vô thượng Đẳng giác. Thiết nghĩ, chúng ta trắng tay ở thế giới này, chẳng có gì đáng lo, chỉ sợ nhất chúng ta mù tối trên con đường trở về đất Phật. Chứng vô sanh nhẫn, sống ngoài ảnh hưởng của con người, mới có thể tiếp nhận gia trì lực của Đức Phật truyền đến và đủ tư cách là sứ giả Như Lai, thay thế Ngài đến với đời, mang an lạc cho người.

Ngoài pháp nhẫn, người nghe thọ mạng dài lâu của Phật còn được sức nhớ dai, nhanh lẹ, kinh gọi là văn trì Đà la ni. Pháp Phật dạy nhiều vô số trong các kinh sách, chúng ta đọc qua đều thu nhận đầy đủ, giữ lại trong tâm. Khi gặp việc, tự động lưu xuất pháp tương ưng, giúp chúng ta ứng xử đúng như pháp.

Họ cũng được nhạo thuyết biện tài, nghĩa là phát ra ngôn ngữ đầy tính thuyết phục, thu hút người nghe không biết chán, dù chỉ một câu, một chữ, triển khai nghĩa lý không cùng tận.

Đặc biệt họ có khả năng chuyển pháp luân bất thoái, nghĩa là ai theo tu với họ thì đều gắn bó lâu dài, mật thiết. Người chưa được pháp này mà hành đạo, pháp của họ rao giảng còn thoái chuyển nên ai theo họ một thời gian cũng chán nản, bỏ tu. Trái lại, khi tiếp cận được Báo thân Phật và nhận được pháp âm từ thọ mạng vĩnh hằng đó, chúng ta tự trang bị cho mình pháp bất thối, từ đó tác động cho người lực bất thoái chuyển, khiến họ càng nghe pháp, càng vui sống với đạo.

Ngoài Bồ tát thành tựu được bốn sở đắc trên, hạng người thứ hai thấp hơn, tuy chưa đạt đến chứng ngộ như vậy, mà chỉ có niềm tin nơi Phật không bao giờ hư vọng và tin mình cũng có khả năng ấy nếu tiến tu, người đó cũng được công đức vô lượng vô biên, nhiều hơn công đức của người bố thí, trì giới, nhẫn nhục trong 80 muôn na do tha kiếp. Tại sao khác nhau xa về công đức đến như vậy ? Tôi suy nghĩ ý này rất nhiều.

Theo tôi, tu bố thí, trì giới... trong 80 kiếp giống như cọ cây để lấy lửa, tức nhằm xóa nghiệp ác của chúng ta. Trong thời gian này, chúng ta cọ hoài vẫn không có lửa, tu trầy trật mà phiền não nghiệp vẫn bủa vây ta. Nhưng biết đánh một cái, có lửa liền, nghĩa là tâm bừng sáng rồi thì công phu rị mọ kia

không cần nữa. Vì vậy, thực tế cho thấy có người tu suốt đời không được gì, người mới tu lại chứng đắc. Kinh Pháp Hoa muốn nhắc chúng ta nên đánh giá về kết quả hơn là chấp chặt vào công phu tu lâu.

Trên tinh thần ấy, tu một niệm, phát sanh Phật huệ, vẫn hơn là người tu 80 kiếp không có huệ. Vì từ một niệm tâm sanh, tiếp nhận Phật lực, Bồ tát lực, thâm nhập thế giới Thánh Hiền, vào kho báu trí tuệ của Phật, cuộc sống chúng ta tất phải trở nên siêu tuyệt, vượt xa những bình thường hữu hạn của thế gian, con đường tiến đến Nhất thiết chủng trí tất cũng dễ dàng. Trong khi người đọc tụng nhiều, chỉ đọc suông ngôn ngữ văn tự, tâm trí chẳng thể khai mở, thật uổng phí công phu tu tập.

Đối với hành giả Pháp Hoa, Phật huệ là mục tiêu phải đạt đến. Đó là hiểu biết vượt trên tất cả sở học của thế gian, không hạn hẹp như phiền não trí hay đi theo vết mòn của kinh nghiệm. Học và chấp theo kinh nghiệm dễ thất bại vì lịch sử chẳng bao giờ tái diễn giống nhau. Với Phật huệ Nhất thiết chủng trí, chúng ta biết đúng những gì xảy ra và giải quyết đúng theo : giáo, cơ, thời, quốc. Nghĩa là nhìn người bằng Phật huệ, chúng ta biết họ muốn gì, làm được gì thì giúp họ, nhất định thành công. Chúng ta sống hợp thời, không phải làm y hệt như con ong cái kiến. Hành đạo cũng phải thích hợp với nếp sống, nếp nghĩ của từng nơi khác nhau để tồn tại lợi ích. Tiến tu như thế nào để thông minh sáng suốt, cho đến biết rõ diễn biến sinh hoạt của tất cả loại hình chúng sanh.

Quá trình tu hành theo phẩm Phân biệt công đức dạy chúng ta tu từ một niệm tín giải, sanh ra công đức và thấy Phật, nghe Phật thuyết pháp ở Kỳ Xà Quật, chứng được Nhất thiết chủng trí. Kế tiếp, Phật dạy rằng người đạt sở đắc như vậy, không cần xây chùa tháp cúng dường vì chính trong thân họ có sẵn Đức Phật ; hàng Trời, Người phải nên cúng dường như cúng dường chư Phật.

Tóm lại, kinh Pháp Hoa dạy chúng ta hướng nội để chứng Nhất thiết chủng trí, khác với người tu hướng ngoại thường van xin nhờ vả, không tự phấn đấu cải thiện thân tâm. Đức Phật không xây dựng mẫu người ăn hại như vậy. Chư Phật, Bồ tát đã đạt cứu cánh giác ngộ, giải thoát. Các Ngài trải lòng từ giúp đỡ những ai mang chí hướng thượng, muốn đi cùng lộ trình với các Ngài, nhưng còn vướng mắc nhiều khó khăn. Vì vậy, trên bước đường tu, chúng ta tạm thời nhận trợ lực của Phật, Bồ tát, để tự phát triển bản thân, không phải nhờ cậy suốt đời. Nỗ lực tiến tu là điều chính yếu của chúng ta, là điều kiện cần thiết tất yếu để nối liền các Ngài với chúng ta và càng được

gia trì lực của Hiền Thánh, chúng ta càng dễ thăng hoa trên đường đạo hạnh. Khi tu học thành đức, thành tài rồi, chúng ta truyền dạy sở đắc cho người, nâng đỡ người phát huy tri thức, đạo đức như chúng ta từng được giúp vậy. Đó là tâm huyết của Đức Phật gởi lại cho Tăng Ni Phật tử, thực hiện được điều cao quý ấy để ngọn đèn chánh pháp còn mãi ngời sáng trên hành tinh này.

--- o0o ---

VI - Ý NGHĨA PHẨM PHỔ MÔN THỨ 25

Trong phần cuối kinh Pháp Hoa có 5 vị đại Bồ tát : Dược Vương, Diệu Âm, Hoa Đức, Quan Âm, Phổ Hiền. Bổn môn Pháp Hoa kinh chọn 2 vị Bồ tát tiêu biểu là Quan Âm và Phổ Hiền. Tuy không nhắc đến các vị Bồ tát ấy, nhưng phải ngầm hiểu trước khi đạt đến khả năng siêu tuyệt của Bồ tát Quan Âm, hành giả phải thành tựu các pháp tu của Bồ tát Dược Vương, Diệu Âm, Hoa Đức.

Các vị đại Bồ tát đầy đủ phước đức trí tuệ, mới có khả năng cứu nhân độ thế. Về phần chúng ta tập sự tu Bồ tát đạo, còn đang rèn luyện đạo đức, tri thức, chưa đủ năng lực độ sanh như các Ngài, cần phải kết làm quyến thuộc với Bồ tát lớn, để nương công đức các Ngài mà phát triển tự thân.

Dược Vương Bồ tát chứng Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn Đà la ni, tức hiểu rõ chúng sanh nghĩ gì, muốn gì, có khả năng nào, từ đó nâng đỡ họ phát triển tài đức dễ dàng. Thành tựu tam muội ấy, Dược Vương Bồ tát được xưng tán là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ tát, ai nhìn thấy cũng an vui, phát tâm và muốn mời thỉnh. Đức Phật lại đưa tiếp mô hình Diệu Âm Bồ tát đến Ta bà bằng tâm trong sạch, hoàn toàn vì người, tiêu biểu bằng 84.000 hoa sen báu, rồi lặng lẽ trở về thế giới Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí. Xuất hiện cho người phát tâm và ra đi để người khát ngưỡng tu hành, đó là cách hành đạo của Diệu Âm Bồ tát.

Trở về thế giới hiện thực, Đức Phật giới thiệu Bồ tát Quan Âm. Muốn hiểu và thấy Ngài, chúng ta phải nhìn thẳng vào xã hội. Quan Âm hiện hữu giữa lòng cuộc đời này, không cần tìm kiếm ở đâu khác.

Trong phẩm Phổ môn thứ 25, Đức Phật nói về công hạnh siêu tuyệt của Đức Quan Âm mà chỉ có Phật mới biết trọn vẹn. Quả đức ấy của Bồ tát Quan Âm phát xuất từ nhân địa tu hành Bát nhã, quán sát cùng tột thật tướng các pháp,

thấy được ngũ uẩn dưới dạng không tưởng, kết hợp hai mặt vật chất và năng lượng một cách tự tại, gọi là Ma ha Bát nhã. Đó là trí tuệ bậc nhất, biết tất cả pháp không chướng ngại, nên Ngài còn có tôn xưng là Quán Tự Tại Bồ tát. Từ đại trí tuệ Bát nhã, phát đại từ bi tâm, trở về ngọn nguồn tâm thức, lưu xuất Đà la ni, tức mật ngữ hay thần chú đại bi. Tuy không hiểu mật ngữ, nhưng qua công phu hành trì, chúng ta nhận được linh nghiệm của thần chú Đại Bi.

Từ Bát nhã và tâm đại bi kết hợp thành hiện thân Quan Âm có khả năng độ sanh rộng tới mức : thiên xứ hữu cầu thiên xứ ứng, đồng một lúc một ngàn nơi cầu cứu, Ngài đều hiện thân cứu thoát đủ, không phải hiện hữu giới hạn một chỗ. Thu hẹp lại, Ngài giáo hóa dưới 32 dạng hay một thân mà hành đạo liên hệ với 32 dạng hình khác nhau. Tùy yêu cầu, Ngài xuất hiện từ thân Như Lai, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, nói chung là từ Thánh thân cho đến thân chư Thiên là Phạm Vương, Đế Thích. Ở trần thế, Ngài hiện Chuyển luân Thánh vương, tiểu vương thân, kế là thân tể quan, cư sĩ, trưởng giả, tức ba lớp người thuộc thượng tầng xã hội, nói theo ngày nay là lãnh đạo cao cấp như thủ tướng, bộ trưởng, người trí thức, người giàu có. Thậm chí hiện thân phụ nữ, trẻ con, quỷ thần v.v..., tổng cộng 33 thân (một thân chính và 32 ứng hiện thân).

Đức Phật cho biết không thể nào nói hết biến hóa thần thông của Bồ tát Quan Âm, vì thật ra Ngài là vị cổ Phật với tôn danh là Chánh Pháp Minh Như Lai, vì thương nhân gian mà thị hiện cứu độ chúng sanh. Vì vậy, trên tượng Quan Âm, thường có Đức Phật Thích Ca trên trán, thể hiện ý nghĩa dù hiện hữu chung sống với các loại hình, nhưng Phật huệ của Quan Âm vẫn không thay đổi.

Điều này gợi nhắc chúng ta khi hành đạo, hòa với người là tất yếu, nhưng đừng đánh mất vị Phật trong ta. Trên đường tu tạo công đức, chúng ta quét dọn, rửa cầu, trồng trọt..., nhưng xong việc rồi, không kể nữa. Không phải lao động để trở thành người lao động. Làm tất cả, mà ta vẫn là ta, dù hoàn cảnh khó khăn nào, chúng ta cũng dùng Phật huệ hóa giải, đừng để khó khăn nhận chìm.

Để giáo hóa người, Quan Âm hiện hình tương ưng thế gian, đồng cảnh ngộ với họ. Vì vậy, gặp người dữ hay cô hồn, Quan Âm không thể là người mẹ hiền lành. Ngài phải làm Tiêu Diện Đại sĩ, mắt xếch ngược, nhe nanh vuốt đáng sợ, sẵn sàng nuốt chửng cô hồn.

Trường hợp khác, Quan Âm hiện thân Thị Kính, một người đàn bà bất hạnh như bao người nữ khác ở thế gian. Tuy nhiên, không bao giờ oán hận, chỉ lo tu hành cho tiêu tan nghiệp ác và cuối cùng đắc đạo, Thiện Tài cũng bay theo. Quan Âm đã vẽ ra hướng đi cho những người nữ muốn chuyển khổ đau thành hạnh phúc và biết như pháp tu hành, thì tất cả hàm oan sẽ chắp cánh cho chúng ta thăng hoa.

Trường hợp khác, làm vua nước nhỏ (tiểu vương) phải đương đầu với nước lớn mạnh tham tàn, một khó khăn nhất của người lãnh đạo. Quan Âm cũng hiện thân loại hình này, khéo léo điều động nhỏ để thắng lớn. Thông thường, nước nhỏ phải sợ sệt, triều cống nước lớn mà chưa yên thân. Ở đây, đặc biệt tiểu vương chỉ nói đạo giải thoát, dạy chúng tu thiền mà giữ vững biên cương. Nói khác, làm cho đại chúng thanh tịnh, trí sáng suốt. Trí khôn và tâm định tĩnh không thể bị đánh cướp được, nhưng làm đối phương phải nể sợ. Thực tế cho thấy ý này, trong lịch sử nước ta còn ghi dấu công lao to lớn của vua Trần Thái Tôn, Trần Nhân Tôn, những vị vua nổi tiếng tu thiền, đã dẹp tan quân Mông Nguyên mạnh gấp trăm lần ta.

Có lúc Bồ tát hiện tể quan, cụ thể như Khuông Việt Thái sư, giúp vua điều hành việc nước tốt đẹp.

Đất nước bình yên, vua thoái vị hoặc giúp vua ổn định việc nước thì rũ áo từ quan, thể hiện tinh thần vị tha vô ngã hoàn toàn, nên sống trong cảnh phú quý lợi danh tột đỉnh mà chẳng hề sanh tâm tham đắm, vì thấu rõ danh lợi ràng buộc ta ở mãi trong sanh tử, chẳng bao giờ trở lại thế giới Phật được. Nhìn vào cách hành xử thánh thiện ấy mà biết được vua, quan này là Quan Âm Bồ tát hiện thân, còn vua quan của thế gian thì bám chặt địa vị, ưa thích hưởng thụ, cho đến cái chết kề bên vẫn không buông bỏ.

Riêng tôi, trên bước đường tu, đã từng gặp người rất ác, nhưng không giết, không đánh, không nhục mạ, mà lại dễ dàng tha mạng. Tôi cảm nghĩ Bồ tát Quan Âm đã tác động, khiến họ phải đối xử tốt với tôi. Nói chung, bất cứ ai có lòng tốt giúp đỡ tôi vượt qua hiểm nguy, hoạn nạn, tôi tin đó là lực gia bị của Quan Âm sai khiến họ đến cứu tôi.

Hoặc như cha tôi thoát chết cũng nhờ Quan Âm. Khi bị lính Pháp bắt, lấy búa đập lên đầu, ông liền niệm Quan Âm và nghe tiếng búa đập mà không có cảm giác đau. Sau đó, chúng nhốt ông vào khám, chờ sáng hôm sau đem bắn, nhưng đến khuya, tên lính này đi hành quân bị mìn nổ chết.

Trong kinh cũng ghi tác động mầu nhiệm của Quan Âm trong thất nạn, nhị cầu. Ai thọ nạn : nước cuốn trôi, lửa cháy, quỷ hại, bị đánh đập, sát hại, gông cùm xiềng xích, nạn cướp, hết lòng niệm Quan Âm, Ngài cứu. Theo tôi, điều này không đơn giản, không thể hiểu bình thường. Ở dạng vô hình, hiểu theo chiều sâu căn lành, chúng ta gieo trồng chỗ nào, sẽ được nơi đó cứu thoát bằng mọi cách. Tuy nhiên, không phải ai cũng được cứu, vì nghiệp lực của mọi người khác nhau, quan hệ của từng người đối với cuộc đời, đối với thế giới siêu hình không ai giống nhau. Tuy lòng từ của Bồ tát chan hòa tất cả, nhưng ta và Bồ tát có quan hệ tương ưng mới cứu được. Nghiệp thức ta liên hệ với tà ma quỷ thần, nó cũng xúi giục ta làm ác.

Khi chúng ta chí thành chánh niệm Quan Âm đến mức vô tâm, đạt đến siêu thức, ngang với hạnh nguyện của Ngài, mới nhận được lực gia bị kỳ diệu, làm thay đổi người ác thành người thiện, hoàn cảnh xấu trở thành tốt. Trái lại, vừa niệm vừa run, hoặc niệm trong hữu ý, còn suy nghĩ, hiểu biết được, không thể nào tiếp nhận gia trì lực của Quan Âm.

Tóm lại, bước theo hạnh nguyện của Bồ tát Quan Âm, chúng ta tùy duyên hành đạo, tùy yêu cầu từng nơi, từng lúc, mang an vui, lợi ích cho người mà tâm vẫn nhẹ nhàng, thanh tịnh. Đồng hạnh, đồng nguyện với Quan Âm như vậy, làm bạn lữ với các Bồ tát bất thối chuyển, ra vào tam giới tự tại. Ước nguyện ấy hằng ấp ủ trong tâm niệm của từng hành giả Pháp Hoa vậy.

--- o0o ---

VII - Ý NGHĨA PHẨM PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT THỨ 28

A – VĂN KINH

Bấy giờ Phổ Hiền Bồ tát dùng sức thần thông tự tại, oai đức vô song, cùng chúng Bồ tát, Bát bộ Thiên long vượt qua các cõi, đến Kỳ Xà Quật, ra mắt Thích Tôn và bạch Phật rằng sau Phật diệt độ phải làm thế nào để có kinh này, xin Đức Như Lai từ bi chỉ giáo.

Đức Phật liền bảo nếu ở đời sau muốn có kinh này, tất cả quý Thầy phải đủ bốn pháp : quyết lòng tu tập theo kinh Pháp Hoa phải biết nhìn xa như các Đức Phật, thấy đúng sự thật của tam thế gian, quyết trồng căn lành ở tâm niệm chúng, bảo vệ sự sống cho mọi hàm linh và phải chuyên tinh tu tập Thiền quán. Tâm được bừng sáng thì có Pháp Hoa, bốn biển là nhà, thân

trùm pháp giới. Nếu được như thế, tức Phật hiện tiền, tứ chúng bình yên mà lên bờ giác.

Phổ Hiền thấu đạt tôn ý Như Lai, nhìn khắp trong ngoài, rồi mới phát nguyện. Nếu người tu thiện trì tụng Pháp Hoa mà gặp chúng ma thường đến nhiễu hại, con giữ chúng lại, làm ma phát tâm, hộ trì Diệu pháp. Nếu người chất phác có tánh ôn hòa, học kinh Pháp Hoa mà không hiểu nghĩa, nên ngồi suy nghĩ thường trú Pháp thân, con sẽ ân cần hiện hình dạy bảo, làm cho thấu đáo tôn chỉ của kinh, quán sát chúng sanh như là quyến thuộc. Nếu kẻ hạ liệt muốn trì kinh này mà không có Thầy tận tình chỉ giáo, đối trước Tam bảo phát nguyện trì kinh, nhờ Phật quang minh và Phổ Hiền lực, tu rất tích cực trong suốt ba tuần, được thấy Phổ Hiền ngồi trên bạch tượng, phước đức vô lượng, vô số hằng sa chư Thiên tán hoa cùng trỗi kỹ nhạc, tâm hồn thanh thoát, vượt khỏi thế gian, đến cõi Thiên đàng, ra mắt Di Lặc, được làm quyến thuộc Đâu Suất Đà thiên ; khi đã hết duyên Ta bà uế độ, sanh vào tịnh thổ của Phật mười phương. Tất cả trí nhân cần nên suy nghĩ, những gì đáng quý trên cõi thế gian, đến lúc mạng chung còn đem theo được, rồi nên tích cực đúng pháp tu hành, nhờ sức Phổ Hiền mà lên bờ giác.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Phổ Hiền là bậc đại Tiên hộ trì Diệu pháp, làm cho an lạc khắp cả Trời người, giữ được kinh này thật là hy hữu. Như vậy đã đủ mười hạnh Phổ Hiền, đại chúng tinh chuyên thành tâm tu học. Người nào làm được những việc như trên thì thấy Thích Tôn cùng hàng tứ chúng kinh hành tinh tấn ở Linh Thứu sơn, cùng khắp mười phương không bao giờ dứt. Mặc dù Phật diệt trên cõi thế gian, Bồ tát đăng tràng thay Ngài giáo hóa, độ khắp Trời người, không thích việc đời, cơm ăn, chỗ nghỉ và cũng không bị tam độc làm phiền, tâm họ là Thiền, thân làm giống Phật, giảng pháp chân thật, khai thị nhất thừa, được Phật xoa đầu và trao y bát. Ngoại đạo kẻ ác muốn hại người này, tự chuốc họa tai đời đời không dứt, người khen pháp thật công đức không lường.

Bồ tát Phổ Hiền cũng nên nhắc nhở đại chúng phải nhớ theo đó tu hành, nếu đủ lòng thành thì được thấy Phật, thế giới chân thật, thường trú Pháp thân. Đại chúng ân cần thành tâm tín thọ, tất cả gồm có vô số hằng sa trăm ngàn muôn ức, những người trí thức đủ đạo Phổ Hiền, Hộ pháp long thiên đều được tam muội. Tất cả chúng hội đều rất vui mừng cùng với Phổ Hiền đầu thành đảnh lễ.

---o0o---

B - GIẢI THÍCH

Mở đầu phẩm, chúng ta thấy Phổ Hiền Bồ tát dùng sức thần thông tự tại, oai đức vô song, cùng chúng Bồ tát, Bát bộ Thiên long, vượt qua các cõi, đến Kỳ Xà Quật ra mắt Thích Tôn. Đó là hình ảnh Phổ Hiền của hội Pháp Hoa, đã thành tựu quả đức nên không còn gì có khả năng làm chướng ngại bước chân hành đạo của Ngài.

Bồ tát Phổ Hiền thay cho chúng ta hỏi Phật rằng sau khi Như Lai diệt độ, phải làm thế nào để có kinh Pháp Hoa, tức Phật tại thế thì có kinh Pháp Hoa, nhưng Phật nhập diệt, kinh này không còn. Câu hỏi của Phổ Hiền nhằm nhắc nhở chúng ta kinh là sức sống thực, không phải cuốn sách giấy trắng mực đen, thường được Phật ví như hình ảnh lá trong tay lìa khỏi sự sống. Trên tinh thần ấy, kinh Pháp Hoa tiêu biểu cho cuộc sống toàn thiện toàn mỹ, hay chính Đức Phật thể hiện trọn vẹn bộ kinh Pháp Hoa.

Thật vậy, cuộc đời của Ngài gồm đủ hai khía cạnh, bên trong hàm chứa trí tuệ siêu tuyệt (Diệu pháp), bên ngoài là mẫu người thánh thiện tột bậc, không lỗi lầm, ví như hoa sen không nhiễm bùn (Liên hoa). Như vậy, phải hiểu kinh Pháp Hoa tổng hợp phước đức và trí tuệ của Phật. Không lãnh hội ý này, tụng 28 phẩm suốt đời cũng như dã tràng xe cát.

Đức Phật hiện hữu, tức còn Pháp Hoa hay trí tuệ và đạo đức soi sáng cho đời. Nhưng Phật nhập diệt thì sao ?

Phật dạy, nếu ở đời sau, muốn có kinh Pháp Hoa hay thành Phật như Ngài, cần tu bốn pháp : phải biết nhìn xa như các Đức Phật, thấy đúng sự thật của tam thế gian, quyết trồng căn lành ở tâm niệm chúng, bảo vệ sự sống cho mọi hàm linh và phải chuyên tinh tu tập Thiền quán.

Phải biết nhìn xa như các Đức Phật, xa về thời gian lẫn không gian, thấu suốt pháp giới, không nên nhìn thiển cận, tức phải suy nghĩ đến 5, 10 năm sau cho đến trăm ngàn kiếp tới, chúng sanh và ta hành đạo như thế nào, đừng rơi vào cục bộ. Thực tế chúng ta thường thấy có người ham lợi trước mắt, nhưng không biết cái hại lâu dài, nên họ thành công chỉ một lần, để mười lần khác gãy đổ, hoặc chỉ hưởng trong một kiếp này, nhưng kiếp sau đọa địa ngục. Riêng tôi, từ thuở nhỏ, trên bước đường tu, thường nghĩ sẽ làm gì trong tương lai gần cho đến các kiếp sau nữa. Vì vậy, những gì hiện tại tôi dễ dàng vứt bỏ để suy tư cho việc kế tiếp tốt đẹp hơn. Trái lại, bám giữ cái nhỏ nhặt hiện tại sẽ làm hỏng tương lai tươi sáng của chúng ta.

Trở lại thực tế cuộc sống, chúng ta hành đạo phê phán đối tượng không qua bề ngoài, nhưng cần thấy rõ căn tánh hành nghiệp của họ, theo đó mà giải quyết. Giải được nghiệp, tức xét đoán vấn đề tận gốc rễ, chẳng còn gì tồn đọng khó khăn. Theo dấu chân Phật tu, chúng ta nhận rõ ý này. Tuy Ngài im lặng, không rầy mắng, nhưng thật sự đã nói thẳng vô nghiệp của chúng ta. Thiết nghĩ, thật sự tu hành, ai mà không nhói tim khi tự xét thân phận mình còn nhiều lỗi lầm sai trái, từ đó nỗ lực cải sửa thân tâm, thấy rõ ác nghiệp chúng ta giảm và công đức dần dần tăng trưởng.

Tu tạo cho đạt hiểu biết rộng xa và thấy đúng sự thật của tam thế gian, không phải nhìn theo biên kiến, tà kiến của chúng sanh. Tôi áp dụng ý này bằng cách quan sát sự kiện và dự đoán 10 năm nữa sẽ ra sao. Sau đó, theo dõi xem xét kết quả có đúng như chúng ta phỏng đoán hay không. Làm như vậy là tu tập kiểm tra nhận thức của chúng ta, cho đến khi hiểu biết về hiện tại và tương lai chính xác 100%, đạt đến quả vị Toàn giác.

Thấy đúng sự thật của tam thế gian, tức thấy ngũ ấm, quốc độ và chúng sanh. Nghĩa là Đức Phật thấy rõ, không hề sai lầm, chúng sanh trôi lăn trong sáu đường sanh tử, thấy cả thay đổi trong vũ trụ. Chẳng những biết diễn biến của chúng mà còn soi rọi bằng trí Bát nhã, thấu suốt nguyên nhân cấu tạo nên ngũ ấm, chúng sanh và quốc độ. Trái lại, thấy biết của chúng sanh còn quá hạn hẹp, dẫn đến nhiều hậu quả tệ hại mà trầm trọng nhất là phá hủy môi trường sống của mọi loài.

Trang bị thấy biết đúng đắn lâu dài rộng lớn như vậy để nhằm mục đích gieo trồng căn lành ở tâm niệm chúng. Cuộc đời hành đạo của Đức Phật thể hiện rõ pháp này, hoằng hóa độ sanh đến nơi nào, Ngài đều tạo cảm tình tốt đẹp, khơi dậy tâm Bồ đề cho họ. Vì vậy, đi theo lộ trình của Phật, tôi thường cân nhắc xem có thể làm gì giúp người thăng hoa đạo đức, phát triển khả năng, lưu lại trong lòng họ niềm hoan hỷ. Tôi sợ nhất làm mất lòng người, dù là trẻ con hay gà vịt, muỗi mòng. Đôi khi vì vô tình, chúng ta đã làm hại mạng sống của loài hạ đẳng, nên đời này gặp lại nhiều oan trái, chướng duyên. Để trồng căn lành nơi tâm chúng sanh, tôi thường sám hối những lỗi lầm vô tình đã tạo với các sinh vật hay người, làm sao để họ không oán giận. Và tiến xa hơn nữa, phải bảo vệ mạng sống cho mọi hàm linh. Đó là điều cần thiết, vì ý thức được rằng, chúng ta phải hiện hữu và phát triển trong mối tương quan, tương duyên cộng tồn của tất cả muôn loài. Trong quan hệ hỗ tương ấy, vòng rào tình thương che chở cho ta an toàn nhất.

Điều kiện cuối cùng nhưng quan trọng nhất là phải chuyên tu Thiền quán. Vì thành tựu ba pháp trên mà không có định tâm, không phát sanh trí tuệ vô lậu, tâm còn u mê với tam độc tham, sân, si cũng không có Pháp Hoa. Tâm bình ổn tức định, nhìn sự vật chính xác theo đúng thời điểm hiện tại là huệ, không phải y theo những gì của 2000 năm trước. Trên tinh thần ấy, các Thiền sư Việt Nam ứng dụng cốt lõi Pháp Hoa, nên tâm sáng của các Ngài, điển hình như Vạn Hạnh, Khuông Việt, đã giúp vua Đinh, vua Lý thay đổi được cục diện đất nước tốt đẹp. Hoặc vua Lý Thái Tông dạy Ỷ Lan nhất tâm thiền định để thay ông điều hành việc nước, thành công đến độ được người đời ca ngợi là Quan Âm.

Nếu đầy đủ bốn pháp trên thì có Pháp Hoa, bốn biển là nhà, thân trùm pháp giới. Không được như vậy, tất không có Pháp Hoa, tức không thành Phật.

Đối trước điều kiện quá khó, đại chúng ngơ ngác, muốn nhập diệt. Tiêu biểu như Xá Lợi Phất, trí tuệ bậc nhất trong hàng A la hán, nhập Niết bàn trước Phật một ngày vì chỉ kính nể Đức Phật, chỉ hành đạo được dưới sự dìu dắt của Ngài.

Nhìn thấy khó khăn ấy, Phổ Hiền Bồ tát liền phát nguyện sau Phật diệt độ, Ngài sẵn sàng gia bị cho hành giả đời sau tu để giữ pháp tồn tại trên thế gian. Nếu người hoằng dương chánh pháp, tất yếu phải gặp sức cản của ma : ngũ ấm ma, phiền não ma, thiên ma, tử ma. Bốn loại ma này thường liên kiết nhiễu hại người tu. Nếu quyết tâm tu, Phổ Hiền sẽ giải quyết giúp chúng ta. Ngài chặn ma lại và dùng thần thông làm ma phát tâm, hộ trì chánh pháp.

Phổ Hiền phát nguyện như vậy, nhưng thực hiện được hay không lại là việc khác, vì thực tế, có người được Ngài giúp đỡ, ngăn ma lại, có người Ngài cứ để mặc cho ma phá. Riêng tôi, tu Phổ Hiền hạnh, đối với người chống phá, tôi không phản ứng, chỉ gia công tu hành, tin tưởng ở lực Phổ Hiền gia bị, kết quả người chống trở thành người ủng hộ.

Nếu hàng trung căn, không hiểu nghĩa lý kinh, Phổ Hiền dạy nên suy nghĩ thường trú Pháp thân. Theo tinh thần phẩm Như Lai thọ lượng, thường trú Pháp thân của Phật hiện hữu trong sanh thân của tất cả những người tu hành trên thế gian, nếu họ đi đúng lộ trình, minh tâm kiến tánh.

Ý thức sâu sắc Pháp thân Phật truyền thông cho ta, tâm chúng ta hoàn toàn đổi khác, quán sát chúng sanh như là quyến thuộc. Phát triển tình thương cho người, giúp người, nhưng thật sự chúng ta nhận được nhiều an vui, lợi

lạc. Kinh nghiệm tu hành riêng tôi, ứng dụng lời Phổ Hiền dạy, tôi không có gì cho người, ngoài tình thương và tôi nhận được thành quả tốt đẹp cũng nhờ tình thương của đại chúng đáp lại.

Với người thấp kém, Phổ Hiền dạy trì kinh Pháp Hoa trong 21 ngày sẽ thấy Ngài, được tam muội, đến Trời Đâu Suất, ra mắt Di Lặc. Riêng tôi, chứng nghiệm pháp tu gia hạnh Phổ Hiền trong ba tuần, bao nhiêu phiền não trần lao tự tiêu tan, tâm hồn thanh thoát, thấy được diễn biến của cuộc đời chính xác hơn.

Tóm lại, khi hành giả nhận được lực Phổ Hiền gia bị, thấy được Thích Tôn và tứ chúng ở Linh Thứu sơn. Trở lại thực tế hành đạo, tâm hành giả yên tĩnh, trí sáng suốt, làm việc lợi ích cho người, theo tinh thần vị tha vô ngã. Công đức của hành giả thật vô cùng. Không mũi tên làn đạn nào có thể xuyên thủng đức hạnh và việc làm thánh thiện. Hiện hữu của hành giả Pháp Hoa tiêu biểu như vậy, xứng đáng cho Trời, Người cúng dường, đảnh lễ.

--- o0o ---

HỒI HƯỚNG

T rên bước đường tu, hai phần phát nguyện và hồi hướng tuy không phải chính yếu, nhưng cũng rất quan trọng. Phát nguyện nhằm nói lên ý chí, quyết tâm làm việc gì, và khi đã đạt được mục tiêu, chúng ta sử dụng thành quả ấy để làm gì, gọi là hồi hướng.

Kết thúc Bổn môn, chúng ta tụng bài hồi hướng:

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo.

Bài này rút từ bài kệ hồi hướng của Đại Phạm Thiên vương trong phẩm thứ 7 kinh Pháp Hoa. Theo đó, bao nhiêu công đức của Đại Phạm Thiên vương tạo được do thỉnh Phật thuyết pháp, nghe pháp, tu hành, Đại Phạm đều hồi hướng cho ông và chúng sanh đều thành Phật.

Đại Phạm Thiên vương tiêu biểu cho quyền uy bậc nhất ở thế giới Ta bà. Tuy nhiên, ông cũng rất khổ sở với việc giữ của, chăn dân ở Ta bà. Vì đúng như tên gọi Ta bà, nơi có đủ thứ rắc rối, phiền toái, mà bắt buộc phải sống chung với nhau, tất yếu không thể bình ổn và việc lãnh đạo những người khó chịu, ích kỷ, đòi hỏi nhiều, nhưng đóng góp chẳng là bao. Tất cả bao vây, bức ngặt Đại Phạm, khiến ông lo sợ. Chỉ còn cách nhờ Đức Phật giải quyết, bởi lẽ tâm Phật truyền thông qua tâm chúng sanh, mới giáo hóa được.

Thực tế, chúng ta dễ nhận ra ý này. Gặp được vị chân tu đạo đức, giải thoát, tâm chúng ta tự nhiên thanh thản theo, trí sáng ra, thấy được đáp số cho mọi vướng mắc của cuộc sống. Đại Phạm Thiên vương đến cầu Đức Phật Đại Thông Trí Thắng cũng nói lên nghĩa này. Ông thỉnh Phật thuyết pháp, tức khai ngộ cho người thấy đúng, thì không còn vấn đề, ông điều hành việc nước mới dễ dàng. Trái lại, dân thấy ông bóc lột họ và ông coi họ như kẻ phá hoại, hiểu nhau dưới dạng tranh chấp như vậy thì khổ lắm.

Đức Phật khuyên Đại Phạm hay nói với chúng ta rằng, trên bước đường thể nghiệm Pháp Hoa, chúng ta đừng đính chánh khi bị người hiểu lầm. Làm cho họ hiểu đúng bằng cách của Phật Đại Thông Trí Thắng, ngồi yên 10 kiếp, bấy giờ, mười phương thế giới đều tự thông. Nói cách khác, chuyên nỗ lực tu hành, hết nghiệp, thì tất cả các loài đều thấy chúng ta tốt, đúng.

Tôi có kinh nghiệm trong pháp tu này. Thuở nhỏ, muốn làm cho cha mẹ, thầy bạn hiểu mình, nhưng chẳng được. Muốn tốt với người, nhưng họ không thương, cũng khổ. Cuối cùng, tôi tâm niệm chỉ cần Phật hiểu, nghĩa là gia công tu, đạt kết quả, đúng theo pháp hồi hướng, không giải thích, mà tự động một, hai người cho đến nhiều người hiểu tôi, cầu học với tôi, cùng chung xây dựng cảnh giới an vui.

Chúng ta tụng bài hồi hướng của Đại Phạm Thiên vương với ước mơ sao cho chúng sanh hiểu ta như Phật hiểu và chúng ta cũng hiểu họ như Phật hiểu. Từ ước mơ lý tưởng ấy cộng với công phu tu tập pháp này lâu ngày, dần dần sẽ thâm nhập đạo tràng vô tướng hay tu dưới dạng Bổn môn, mọi người đều hiểu nhau. Trái lại, nghi kỵ, chống nhau, không thể đạt đến quả vị Phật.

Tất cả hiểu biết nhau qua tuệ giác Như Lai, tức đạt đến sáng suốt hoàn toàn, tạo thành thế giới an bình vĩnh cửu, đó là ý nghĩa câu : Đệ tử và chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo.

Sau đó, chúng ta tụng Tam tự quy y :

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh, thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng.

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển.

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, tất cả không ngại.

Nghĩa là tổng hợp tất cả công đức đã lễ Phật, sám hối, phát nguyện và hồi hướng để kết thành ngôi Tam bảo của tự tánh, không mượn quy y bên ngoài nữa. Tam tự quy tức ba đức tròn đầy là tự tánh Tam bảo : Bát nhã đức, Pháp thân đức và Giải thoát đức. Chúng ta trở về an trụ nơi bản tánh thanh tịnh rồi, cũng nguyện cho pháp giới chúng sanh đều được quy y với ngôi Tam bảo vô tận này.

Đối với pháp tu của Hiển giáo, đến phần Tam tự quy y là kết thúc.

--- o0o ---

Ý NGHĨA TỤNG THỦ HỘ THẦN CHÚ

T heo kinh nghiệm tu Bổn môn Pháp Hoa, tôi đặt pháp tu trì tụng thủ hộ thần chú vào phần kế tiếp Tam tự quy. Nghĩa là kết hợp Hiển giáo và tu Thiền mà vẫn chưa tạo thành thế giới an lạc, hiểu biết, nên ứng dụng thêm Mật giáo để chúng ta nương theo gia trì lực của Phổ Hiền, Dược Vương, Dũng Thí Bồ tát cho đến Tỳ Sa Môn Thiên vương, Trì Quốc Thiên vương và cả Thập La sát nữ.

Thật vậy, các vị này đã phát nguyện giữ gìn người trì kinh Pháp Hoa. Tuy các Ngài hiện thân Bồ tát, Long Thiên, thậm chí La sát, mà biết được bí mật tạng của Phật và sử dụng được thần chú của Phật, chứng tỏ các Ngài rất gần Phật.

Tuy chỉ có Bồ tát Phổ Hiền, Dược Vương và Dũng Thí cho chúng ta thủ hộ chú, nhưng phải hiểu ba vị này tiêu biểu cho tất cả. Tôi có độ cảm tâm mạnh với Bồ tát Phổ Hiền, nên đặt thần chú Phổ Hiền trước tiên. Ngài là biểu tượng của quyền uy cao tột, đến Ta bà với vô số Bồ tát, Bát bộ Thiên long thị tùng và đến đâu cũng có hoa trời mưa xuống. Mật ngữ của Ngài, tức

tiếng nói của tâm, của sự chứng ngộ ; chúng ta chưa đạt đến trình độ tu chứng ấy, không thể nào hiểu được. Tuy nhiên, bằng lòng nhiệt thành và tâm thanh tịnh, tập trung cao độ, trì tụng thần chú Phổ Hiền, tôi đã nhận được lực gia bị của Ngài, giúp tôi thâm nhập áo nghĩa kinh, hành đạo tự tại những lúc khó khăn và tác động người chống đối trở thành người ủng hộ.

Dược Vương đã từng cứu thoát nhiều người và Dũng Thí Bồ tát chuyên hành bố thí cơm ăn áo mặc cho nhiều người. Hai vị này đã phát nguyện che chở người trì kinh Pháp Hoa, thì tất nhiên những người đã từng thọ ơn của Dược Vương và Dũng Thí Bồ tát cũng phải giúp đỡ lại người trì kinh Pháp Hoa.

Hai vị Thiên vương : Tỳ Sa Môn, Trì Quốc lãnh đạo các Long thần. Họ tuyên bố kính trọng, giữ gìn người trì kinh, khiến người dữ cũng không dám phá hại.

La sát là người chuyên thủ đoạn, ác xấu, nhưng La sát nữ, người đứng đầu của nhóm ác, cũng phát nguyện với Đức Phật là họ xấu với ai, nhưng không dám xấu với Phật và người trì kinh Pháp Hoa. La sát nữ còn khẳng định với những người ác rằng, nếu ai đụng đến người trì kinh Pháp Hoa, sẽ bị họ đánh bể đầu. Trước kia, tôi thường nghĩ người nữ là La sát phức tạp, nên tránh. Sau khi tụng thủ hộ thần chú La sát, tôi lại thấy thần chú này có hiệu lực tác động người dữ ác, khiến họ trở thành rất tốt, bảo vệ được cho ta.

Chúng ta tụng thần chú nhằm nhắc nhở các vị ấy đã phát nguyện ủng hộ người trì kinh Pháp Hoa sau Phật diệt độ, trong đó có chúng ta, thì các Ngài cần xử trí ra sao. Và chúng ta cũng tự xét lại mình xem đã sống đúng như di huấn của Phật hay chưa. Nếu chúng ta không làm đúng như Phật dạy, các vị này không thể nào giúp được.

Trên tinh thần trì tụng thủ hộ như vậy, khi gặp hoạn nạn, chúng ta cần kiểm xem mình vấp phải khuyết điểm nào. Riêng tôi, khi không đạt kết quả tốt, tự biết mình còn ghét bỏ họ. Nhưng sau khi lễ sám, trì tụng Pháp Hoa, chỉ còn Phật trong ta, buồn phiền, khó khăn để sang một bên. Chỉ lắng yên tụng năm chú thủ hộ hoặc một cũng được. Từ tâm thanh tịnh, tùy độ cảm tâm mà lưu xuất thần chú, mọi việc đổi khác hoàn toàn, chẳng những không chống đối, mà họ lại thương ta và giúp đỡ ta.

Tóm lại, chúng ta như pháp tu hành, dù ở nơi nào cũng được Bồ tát, hiện thân che chở bình yên, tạo điều kiện cho chúng ta tiến tu đạo hạnh. Sống

trong cảnh giới an lành, chúng ta đọc tụng thần chú, nhớ ơn công đức giúp đỡ của các Ngài và ước mong các Ngài mãi mãi làm pháp lữ trợ duyên chúng ta thăng hoa trên đường giải thoát.

Sau khi tụng thủ hộ thần chú, chúng ta tụng bài tạ ơn tất cả những vị hữu hình, vô hình đã đến giúp đỡ :

Tất cả muôn loài đến nghe kinh

Quyết lòng bỏ vọng để cầu chân

Cùng nhau giữ pháp cho còn mãi

Chẳng phụ lời vàng của Thích Tôn

Làm cho lợi ích chốn Nhân Thiên

Muốn bỏ trần gian nỗi ưu phiền

Nương theo diệu nghĩa mà tu tập

Khi mãn duyên phàm được lên tiên

Hoặc về cõi Phật ngự đài sen

Nghiệp chướng nhiều đời bỗng lắng yên

Trần duyên thuận nghịch tâm không thiết

Liễu ngộ Pháp Hoa chứng đạo Thiền

Tâm từ mở rộng đến vô biên

Tướng hảo quang minh tự trang nghiêm

Mọi loài trông thấy lòng thanh thản

Diệu quả Bồ đề thể tịch nhiên.

Nam mô Hộ pháp chư Thiên Bồ tát.

Đoạn thứ nhất gồm 4 câu đầu, nhằm nhắc nhở ta và các vị đến cùng tu hoặc cùng nghe chúng ta tụng kinh. Tất cả đều phải nhớ mục tiêu duy nhất của đệ tử Phật là bỏ vọng cầu chân. Thật vậy, cần ý thức sâu sắc rằng chúng ta đang sống trong thế giới huyễn vọng, giả tạm, nên sao cũng được. Điều quan trọng đối với chúng ta là nương theo pháp Phật để trở về thế giới chân thật, thế giới của bản thể, của tự tâm giải thoát.

Tuy nhiên, trước khi từ giã cõi tạm bợ này, chúng ta cũng noi gương Đức Phật và các vị tôn đức tiền bối, làm điều gì lợi ích để lại cho đời, thể hiện ý nghĩa của pháp Phật, giúp cho người sau nương theo đó tu hành, mới không phụ lòng Đức Thế Tôn.

Bốn câu kế tiếp, cảnh giác chúng ta sống ở Ta bà, tất yếu phải chạm trán với nhiều phiền toái. Muốn không bị hệ lụy, có thể bỏ phiền não Ta bà để quy chân, chúng ta cần nương theo diệu nghĩa để tu tập.

Trên bước đường tu, ở giai đoạn một, tìm học văn tự của tam tạng giáo điển. Nhưng hiểu trên mặt văn tự chưa đủ, chúng ta phải tìm ý nghĩa sâu xa tiềm ẩn bên trong gọi là diệu nghĩa. Và quan trọng hơn cả là thể hiện cho được nghĩa vi diệu mà Phật muốn truyền trao ngay trong cuộc sống của chính mình. Vì vậy, những người học Phật, tu lâu, thông suốt giáo lý, nhưng không thể hiện đạo đức trong lời nói, trong việc làm, được coi như hạng tham chấp cho đến phạm tội phá pháp. Trái lại, bậc chân tu thâm nhập diệu nghĩa, tuy không nói nhiều, nhưng người có duyên gặp gỡ cảm thấy an lạc, vì nơi họ toát ra sức vi diệu, nét hiền lành, chân thật, đáng kính trọng.

Hành giả Pháp Hoa gắn liền tâm mình với áo nghĩa kinh, nên thân còn ở trần gian mà tâm thoát tục, ưu phiền không dính vào họ được. Sống an nhiên tự tại giữa cõi đời ô trược như vậy, thể hiện ngay trong hiện đời ý nghĩa “Mãn duyên phàm được lên tiên” hoặc tâm không vướng bận chút phiền não thì chắc chắn rời bỏ trần gian này, linh hồn thăng hoa cảnh giới chư Thiên dễ dàng. Trái lại, người chết mà tâm còn nặng tình nhiều thứ ở đây, sẽ đọa ba đường ác.

Chúng ta tự khẳng định mình từ hội Linh Sơn đến, nên phải giữ tâm bình thản, không lên tiên cũng về cõi Phật ngự đài sen. Sen nở trong bùn, hút tinh chất của bùn mà tỏa hương thơm cho đời. Chúng ta cũng vậy, ở ngay trần gian khổ lụy nhưng lòng vẫn trong sạch, cuộc sống vẫn cao quý, mang an lạc cho người. Đó là lý tưởng của người tu.

Ngự được đài sen thì nghiệp chướng nhiều đời bỗng chốc tan mất, người đáng ghét nhất chúng ta cũng thương được, mọi phiền não rắc rối tự động tiêu tan. Tuy nhiên, vì chưa đạt đến giải thoát hoàn toàn, nên cũng có lúc sen tàn, chúng ta lại rớt xuống bùn. Điều này dễ nhận ra trên bước đường trắc nghiệm pháp tu, khi nghiệp mất, ta rất tốt, lúc nghiệp hiện, cũng đủ thứ xấu ác như thường. Nhưng dù sao, cải thiện được nghiệp ác phần nào cũng đỡ hơn là đầy ắp nguyên vẹn xấu xa.

Ý thức như vậy, chúng ta cố gắng làm thế nào ở giữa chợ đời, chạm trán với toàn nghịch cảnh, cũng đừng để nghiệp sanh khởi, giữ tâm thanh thản giống như khi đối trước Phật trì kinh, nghiệp hết sạch.

An trú được niềm hỷ lạc của thế giới thánh thiện mầu nhiệm, chúng ta rất sợ bị phiền não nhiễm ô quấy rầy. Từ đó, tinh tấn thực hiện pháp "Trần duyên thuận nghịch, tâm không thiết", không bận lòng để tâm đến nó dù là vừa ý hay trái lòng ta.

Đạt được sở đắc ấy, chúng ta trở về bản tâm thanh tịnh; nghĩa là chứng đạo Thiền, thấy được sự vật chính xác và hành xử đúng theo quy luật diễn biến của nó. Lúc ấy, chúng ta không vướng mắc trần thế, nhưng tâm từ mở rộng đến bao la, nên ai thấy cũng phát tâm, an vui.

Chúng ta đọc bài Hồi hướng trên, nói lên lời chúc lành cho tất cả người tu, hữu hình vô hình, đồng thời cũng là lời nhắc nhở cảnh tỉnh chính ta và các pháp lữ để tất cả không bị đọa khi vào trần lao.

Kế tiếp, chúng ta tụng thêm :

NAM MÔ HỘ PHÁP CHƯ THIÊN BỒ TÁT

nghĩa là gởi lời cung kính đảnh lễ chào tất cả loài hữu tình vô tình cùng tham dự đạo tràng.

Kết thúc, chúng ta lạy ba lần :

NAM MÔ TỐI THƯỢNG THỪA VIÊN GIÁO DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH PHÁP HOA HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT

để nói lên lòng tôn kính của chúng ta đối với kinh Pháp Hoa và chư vị Phật, Bồ tát trong hội Pháp Hoa.

Đối với chúng ta, bộ kinh này tiêu biểu cho ý nghĩa và sức sống cao tột, không gì có thể sánh bằng. Tuy ở vị trí tối ưu, nhưng bao dung tất cả pháp môn tu và bất cứ ai phát tâm Bồ đề đều có thể tiến tu được, không bỏ sót một loài nào. Trên mặt thể tánh thanh tịnh là Diệu pháp và trên hiện tượng giới cũng trọn vẹn lợi lạc cho muôn loài.

Ca ngợi kinh bằng tất cả chân tình và tâm thanh tịnh xong, chúng ta hướng về Vô tướng đạo tràng có đầy đủ Phật, Bồ tát và Thánh chúng mà đảnh lễ ba lạy nhằm trồng căn lành nơi các Ngài.

Kết duyên với các Ngài để chúng ta nhận được sự mật tá gia bị trên bước đường tu, vượt qua mọi chướng duyên, nuôi lớn tâm Bồ đề, đời đời kiếp kiếp không lui sụt cho đến thành tựu quả Vô thượng Đẳng giác.

--- o0o ---

Hết